



# Hướng dẫn sử dụng trực tuyến

**HL-B2100D**

**HL-B2100DB**

**HL-B2150W**

**HL-B2180DW**

**HL-B2180DWB**

**HL-B2181DW**

## Mục lục

<b>Trước khi sử dụng máy</b> .....	<b>1</b>
Định nghĩa các mục lưu ý .....	2
Các nhãn hiệu .....	3
Giấy phép mã nguồn mở .....	4
Bản quyền và Giấy phép .....	5
Lưu ý quan trọng .....	6
<b>Giới thiệu về máy của bạn</b> .....	<b>7</b>
Trước khi sử dụng máy của bạn .....	8
Hình chiếu mặt trước và hình chiếu mặt sau .....	9
Tổng quan về bảng điều khiển .....	10
Cách nhập văn bản vào máy .....	12
Truy cập Brother Utilities (Windows) .....	13
Gỡ cài đặt phần mềm và trình điều khiển (Windows) .....	15
Truy cập Brother iPrint&Scan (Windows/Mac) .....	16
Vị trí cổng đầu vào/đầu ra trên máy .....	17
<b>Xử lý giấy</b> .....	<b>18</b>
Nạp giấy .....	19
Nạp giấy vào Khay Giấy .....	20
Nạp và in Giấy thường, Giấy mỏng, Giấy tái chế và Giấy bông trong Khe nạp bằng tay .....	23
Nạp và in trên giấy dày và giấy nhãn bằng khe nạp bằng tay .....	24
Nạp và in lên phong bì trong khe nạp bằng tay .....	26
Thiết đặt giấy .....	28
Thay đổi khổ giấy và loại giấy .....	29
Thay đổi thiết đặt kiểm tra giấy .....	30
Vùng không thể in .....	31
Sử dụng giấy đặc biệt .....	32
<b>In</b> .....	<b>33</b>
In từ máy tính của bạn (Windows) .....	34
In tài liệu (Windows) .....	35
In lên cả hai mặt giấy (Windows) .....	37
Thay đổi thiết đặt in mặc định (Windows) .....	40
Cài đặt in (Windows) .....	41
Giám sát trạng thái máy từ máy tính của bạn (Windows) .....	45
Nạp và in lên phong bì trong khe nạp bằng tay .....	46
In một Tệp đính kèm email .....	48
Thay đổi Cài đặt In bằng cách sử dụng Bảng điều khiển .....	49
Hủy tác vụ in .....	50
In thử .....	51
<b>Xử lý sự cố</b> .....	<b>52</b>
Thông báo lỗi và bảo trì .....	53
Kẹt giấy .....	56
Lấy giấy bị kẹt ra .....	57
Giấy bị kẹt trong khay giấy .....	58
Giấy bị kẹt ở phía sau máy .....	59

Giấy bị kẹt bên trong máy .....	61
Giấy bị kẹt trong khay in 2 mặt.....	62
Vấn đề khi in .....	64
Cải thiện chất lượng in.....	67
Vấn đề về mạng.....	72
Thông báo lỗi.....	73
Sử dụng Công cụ sửa chữa kết nối mạng (Windows) .....	74
Nếu bạn đang gặp vấn đề với mạng của máy .....	75
Các vấn đề về AirPrint .....	81
Vấn đề khác .....	82
Kiểm tra thông tin của máy .....	83
Cập nhật firmware của máy bạn .....	84
Chức năng đặt lại.....	85
Đặt lại máy .....	86
Đặt lại mạng .....	87
Đặt lại theo nhà máy .....	88
<b>Bảo trì thường lệ.....</b>	<b>89</b>
Thay thế vật tư .....	90
Thay Hộp mực.....	92
Thay Bộ trống mực.....	95
Đặt lại Bộ đếm Trống mực .....	98
Vệ sinh máy .....	99
Vệ sinh Dây Corona .....	100
Vệ sinh Bộ trống mực.....	101
Vệ sinh trục cuộn lấy giấy .....	104
Kiểm tra tuổi thọ còn lại của bộ phận.....	105
Đóng gói và vận chuyển máy của bạn .....	106
<b>Thiết đặt máy .....</b>	<b>108</b>
Kiểm tra mật khẩu của máy .....	109
Thay đổi Cài đặt Máy từ Bảng điều khiển.....	110
Thiết đặt chung.....	111
Bảng menu (đối với model có màn hình LCD).....	118
In danh sách thiết đặt máy in .....	127
Thay đổi Cài đặt Máy bằng tiện ích Quản lý dựa trên Web .....	128
Quản lý dựa trên Web là gì? .....	129
Truy cập tính năng Quản lý trên nền Web.....	130
Thay đổi mật khẩu đăng nhập bằng Quản lý trên nền web.....	133
<b>Phụ lục .....</b>	<b>134</b>
Thông số kỹ thuật.....	135
Vật tư .....	140
Trợ giúp và hỗ trợ khách hàng của Brother .....	141

## Trước khi sử dụng máy

- Định nghĩa các mục lưu ý
- Các nhãn hiệu
- Giấy phép mã nguồn mở
- Bản quyền và Giấy phép
- Lưu ý quan trọng

## Định nghĩa các mục lưu ý

Chúng tôi sử dụng các ký hiệu và quy ước sau xuyên suốt Hướng dẫn sử dụng này:

 <b>CẢNH BÁO</b>	CẢNH BÁO cho biết tình huống có khả năng gây nguy hiểm mà, nếu không tránh được, có thể dẫn đến chết người hoặc thương tích nghiêm trọng.
 <b>THẬN TRỌNG</b>	THẬN TRỌNG cho biết tình huống có khả năng gây nguy hiểm mà, nếu không tránh được, có thể dẫn đến thương tích nhẹ hoặc ít nghiêm trọng.
<b>QUAN TRỌNG</b>	QUAN TRỌNG cho biết tình huống có khả năng gây nguy hiểm mà, nếu không tránh được, có thể dẫn đến thiệt hại cho tài sản hoặc hỏng chức năng sản phẩm.
<b>LƯU Ý</b>	LƯU Ý quy định môi trường hoạt động, điều kiện lắp đặt hoặc điều kiện sử dụng đặc biệt.
	Các biểu tượng gợi ý sẽ chỉ ra những gợi ý hữu ích và thông tin bổ sung.
	Biểu tượng Nguy hiểm điện cảnh báo bạn về khả năng bị điện giật.
	Biểu tượng Nguy hiểm hỏa hoạn cảnh báo bạn về nguy cơ hỏa hoạn.
	Biểu tượng Bề mặt nóng cảnh báo bạn không được chạm vào bộ phận máy đang nóng.
	Biểu tượng Cấm cho biết hành động mà bạn không được thực hiện.
<b>In đậm</b>	Chữ in đậm xác định các nút trên bảng điều khiển của máy hoặc màn hình máy tính.
<i>In nghiêng</i>	Chữ in nghiêng nhấn mạnh điểm quan trọng hoặc giới thiệu với bạn chủ đề liên quan.
Courier New	Phông chữ Courier New xác định thông báo hiển thị trên màn hình LCD của máy.

### Thông tin liên quan

- Trước khi sử dụng máy

## Các nhãn hiệu

Apple, App Store, AirPrint, logo AirPrint, Mac, macOS, iPadOS, iPad, iPhone, iPod touch và Safari là các nhãn hiệu của Apple Inc., đã đăng ký tại Hoa Kỳ và các quốc gia khác.

Adobe® và Reader® là các nhãn hiệu đã đăng ký hoặc nhãn hiệu của Adobe Systems Incorporated tại Hoa Kỳ và/hoặc các quốc gia khác.

Wi-Fi®, Wi-Fi Alliance®, và Wi-Fi Direct® là các nhãn hiệu đã đăng ký của Wi-Fi Alliance®.

WPA™, WPA2™, WPA3™, Wi-Fi CERTIFIED và Wi-Fi Protected Setup là các nhãn hiệu của Wi-Fi Alliance®.

Android, Google Drive và Google Play là các nhãn hiệu của Google LLC. Việc sử dụng các nhãn hiệu này phải tuân theo Giấy phép của Google.

Mopria™ và biểu tượng Mopria™ là các nhãn hiệu đã được đăng ký và/hoặc chưa được đăng ký của Mopria Alliance, Inc. tại Hoa Kỳ và các quốc gia khác. Nghiêm cấm việc sử dụng trái phép.

Nhãn chữ Bluetooth® là nhãn hiệu đăng ký thuộc quyền sở hữu của Bluetooth SIG, Inc. và bất kỳ việc sử dụng nhãn nào như vậy bởi Brother Industries, Ltd. đều phải có giấy phép. Các nhãn hiệu và tên thương mại khác là của các chủ sở hữu tương ứng.

Mỗi công ty có tên phần mềm được đề cập trong sách hướng dẫn sử dụng này có một Thỏa thuận cấp phép phần mềm dành riêng cho các chương trình độc quyền của họ.

### Nhãn hiệu Phần mềm

FlashFX® là nhãn hiệu đăng ký của Datalight, Inc.

FlashFX® Pro™ là nhãn hiệu của Datalight, Inc.

FlashFX® Tera™ là nhãn hiệu của Datalight, Inc.

Reliance™ là nhãn hiệu của Datalight, Inc.

Reliance Nitro™ là nhãn hiệu của Datalight, Inc.

Datalight® là nhãn hiệu đăng ký của Datalight, Inc.

**Bất kỳ tên thương hiệu và tên sản phẩm nào của công ty xuất hiện trên các sản phẩm của Brother, các tài liệu có liên quan và bất kỳ tài liệu nào khác là các nhãn hiệu hoặc nhãn hiệu đăng ký của công ty tương ứng đó.**



### Thông tin liên quan

- [Trước khi sử dụng máy](#)

## Giấy phép mã nguồn mở

Sản phẩm này bao gồm phần mềm nguồn mở.

Để xem Ghi chú cấp phép mã nguồn mở và Thông tin bản quyền, hãy truy cập trang **Manuals (Sách hướng dẫn sử dụng)** cho model của bạn tại [support.brother.com/manuals](https://support.brother.com/manuals).



### Thông tin liên quan

- Trước khi sử dụng máy
-

## Bản quyền và Giấy phép

©2023 Công ty Brother Industries, Ltd. Bảo lưu mọi quyền.

Sản phẩm này gồm có phần mềm được phát triển bởi các nhà cung cấp sau:

Sản phẩm này gồm có phần mềm “KASAGO TCP/IP” được phát triển bởi Công ty ZUKEN ELMIC.

Bản quyền 1989-2020 Công ty Datalight, Bảo lưu mọi quyền.

FlashFX® Copyright 1998-2020 Datalight, Inc.



### Thông tin liên quan

- [Trước khi sử dụng máy](#)



## Lưu ý quan trọng

- Kiểm tra [support.brother.com/downloads](https://support.brother.com/downloads) để có được bản cập nhật trình điều khiển và phần mềm Brother.
- Để giữ cho hiệu suất máy của bạn cập nhật, hãy kiểm tra [support.brother.com/downloads](https://support.brother.com/downloads) để có bản nâng cấp firmware mới nhất. Nếu không, một số chức năng của máy có thể không có.
- Không sử dụng sản phẩm này bên ngoài quốc gia mua máy vì điều này có thể vi phạm quy định về viễn thông và truyền điện không dây của quốc gia đó.
- Một số model không sẵn có ở một số quốc gia.
- Trước khi giao máy của bạn cho người khác, thay thế hoặc vứt bỏ nó, chúng tôi thực sự khuyên bạn nên đặt lại máy về cài đặt gốc để xóa tất cả thông tin cá nhân.
- Windows 10 trong tài liệu này đại diện cho Windows 10 Home, Windows 10 Pro, Windows 10 Education và Windows 10 Enterprise.
- Windows 11 trong tài liệu này đại diện cho Windows 11 Home, Windows 11 Pro, Windows 11 Education và Windows 11 Enterprise.
- Các màn hình hoặc hình ảnh trong Hướng dẫn Sử dụng này chỉ nhằm mục đích minh họa và có thể khác với màn hình hoặc hình ảnh của sản phẩm thực tế.
- Trừ khi có quy định khác, các màn hình trong hướng dẫn này là từ Windows 10. Màn hình trên máy tính của bạn có thể thay đổi tùy theo hệ điều hành của bạn.
- Nội dung trong tài liệu này và các thông số kỹ thuật của sản phẩm này có thể được thay đổi mà không cần thông báo.
- Không phải tất cả tính năng đều khả dụng ở các quốc gia có áp dụng hạn chế xuất dữ liệu.



### Thông tin liên quan

- [Trước khi sử dụng máy](#)

## Giới thiệu về máy của bạn

- [Trước khi sử dụng máy của bạn](#)
- [Hình chiếu mặt trước và hình chiếu mặt sau](#)
- [Tổng quan về bảng điều khiển](#)
- [Cách nhập văn bản vào máy](#)
- [Truy cập Brother Utilities \(Windows\)](#)
- [Truy cập Brother iPrint&Scan \(Windows/Mac\)](#)
- [Vị trí cổng đầu vào/đầu ra trên máy](#)

## Trước khi sử dụng máy của bạn

Trước khi thực hiện bất kỳ thao tác in nào, hãy xác nhận những điều sau:

- Đảm bảo bạn đã cài đặt đúng phần mềm và trình điều khiển cho máy của mình.
- Đối với người dùng USB hoặc cáp mạng: Đảm bảo cáp giao diện được nối thật chắc chắn.

### Tường lửa (Windows)

Nếu máy được bảo vệ bởi tường lửa và bạn không thể in qua mạng, bạn có thể cần cấu hình thiết đặt tường lửa. Nếu bạn đang sử dụng Tường lửa Windows và bạn đã cài đặt trình điều khiển bằng cách sử dụng các bước trong trình cài đặt, cài đặt tường lửa cần thiết đã được thiết đặt. Nếu bạn đang sử dụng bất kỳ phần mềm tường lửa cá nhân nào khác, xem Hướng dẫn sử dụng cho phần mềm của bạn hoặc liên hệ với nhà sản xuất phần mềm.

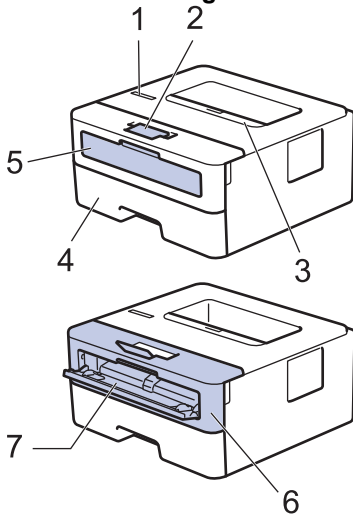


### Thông tin liên quan

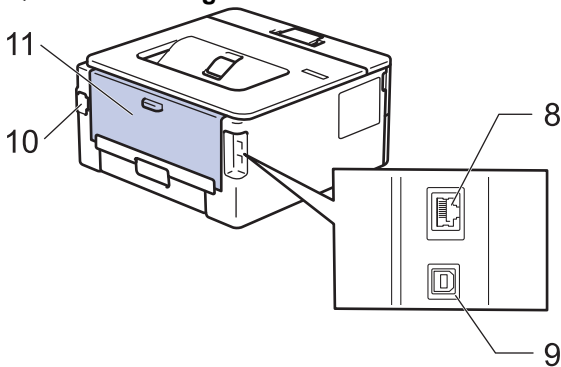
- [Giới thiệu về máy của bạn](#)

## Hình chiếu mặt trước và hình chiếu mặt sau

### Quan sát từ đằng trước



### Quan sát từ đằng sau



1. Bảng điều khiển
2. Nắp lật đờ của khay đầu ra hướng xuống
3. Khay đầu ra hướng xuống
4. Khay giấy
5. Nắp khe nạp bằng tay
6. Nắp phía trước
7. Khe nạp bằng tay
8. (Đối với model có tích hợp card mạng)  
Cổng 10BASE-T / 100BASE-TX
9. Cổng USB
10. Đầu nối nguồn AC
11. Nắp lưng (Khay đầu ra hướng lên)



Máy được trang bị dây nguồn AC không thể tháo rời tùy theo model.



### Thông tin liên quan

- [Giới thiệu về máy của bạn](#)

## Tổng quan về bảng điều khiển

Bảng điều khiển sẽ thay đổi tùy theo model của bạn.



### 1. Màn hình tinh thể lỏng (LCD)



Hiển thị thông báo để giúp bạn cài đặt và sử dụng máy của mình.

Model có tích hợp wifi:

Chỉ báo bốn mức hiển thị cường độ tín hiệu wifi nếu bạn đang sử dụng kết nối wifi.



### 2. Bật/Tắt nguồn

- Bật máy bằng cách bấm .
- Tắt máy bằng cách bấm và giữ . Màn hình LCD hiển thị [Shutting Down (Đang tắt máy)] trong vài giây trước khi tắt.

### 3. Nút mạng

- Model có Mạng không dây:

#### Wi-Fi

Bấm và giữ nút **Wi-Fi** và khởi chạy trình cài đặt không dây trên máy tính của bạn. Làm theo hướng dẫn trên màn hình để cài đặt kết nối không dây giữa máy và mạng của bạn.

Khi đèn **Wi-Fi** bật nghĩa là máy Brother của bạn được kết nối với điểm truy cập không dây. Khi đèn **Wi-Fi** nhấp nháy nghĩa là kết nối không dây yếu hoặc máy của bạn đang trong quá trình kết nối với điểm truy cập không dây.

- Chỉ model có Mạng có dây:

#### Network (Mạng)

Bấm **Network (Mạng)** để cài đặt thiết đặt mạng có dây.

- Model không có Chức năng mạng:

#### Report (Báo cáo)

Bấm **Report (Báo cáo)** để in Cài đặt máy in.

---

#### 4. Nút menu

##### OK

Bấm để lưu trữ thiết đặt máy của bạn. Sau khi bạn thay đổi thiết đặt, máy trở lại trình menu trước đó.

##### Back (Quay lại)

- Bấm để trở lại một cấp trong menu.
- Bấm để chọn chữ số trước đó khi nhập số.

##### ▲ hoặc ▼ ( + hoặc -)

- Bấm để cuộn qua menu và tùy chọn.
- Bấm để nhập số hoặc để tăng hoặc giảm số. Nhấn và giữ ▲ hoặc ▼ để cuộn nhanh hơn. Khi bạn thấy số mà bạn muốn, bấm **OK**.

#### 5. Nút Go (Vào)

- Bấm để xóa thông báo lỗi nhất định. Để xóa tất cả các lỗi khác, hãy làm theo hướng dẫn trên bảng điều khiển.
- Bấm để in bất kỳ dữ liệu nào còn lại trong bộ nhớ của máy.
- Bấm để chọn tùy chọn được hiển thị. Sau khi bạn thay đổi thiết đặt, máy trở lại chế độ Sẵn sàng.
- Bấm và giữ **Go (Vào)** trong khoảng 2 giây để hủy công việc in.



#### Thông tin liên quan

- [Giới thiệu về máy của bạn](#)
-

## Cách nhập văn bản vào máy

Khi văn bản được yêu cầu, hãy nhập các ký tự có trên máy. Các ký tự có sẵn có thể thay đổi tùy theo thao tác vận hành mà bạn thực hiện.

- Giữ hoặc bấm liên tục ▲ hoặc ▼ để chọn một ký tự từ danh sách này:  
0123456789abcdefghijklmnopqrstuvwxyzABCDEFGHIJKLMNOPQRSTUVWXYZ(space)!"#\$%&'()\*+,-./:;<=>?  
@[^\_`{|}~
- Bấm **OK** khi ký tự hoặc ký hiệu mà bạn muốn được hiển thị, rồi nhập ký tự tiếp theo.
- Bấm **Back (Quay lại)** để xóa ký tự nhập sai.



### Thông tin liên quan


- [Giới thiệu về máy của bạn](#)
-

## Truy cập Brother Utilities (Windows)

**Brother Utilities** là trình khởi chạy ứng dụng giúp bạn truy cập một cách tiện lợi vào tất cả các ứng dụng của Brother được cài đặt trên máy tính của bạn.

1. Thực hiện một trong các thao tác sau:


- (Windows 11)


Nhấp vào  > **Tất cả ứng dụng** > **Brother** > **Brother Utilities**.

- (Windows 10, Windows Server 2016, Windows Server 2019 và Windows Server 2022)


Nhấp vào  > **Brother** > **Brother Utilities**.

- (Windows Server 2012 R2)

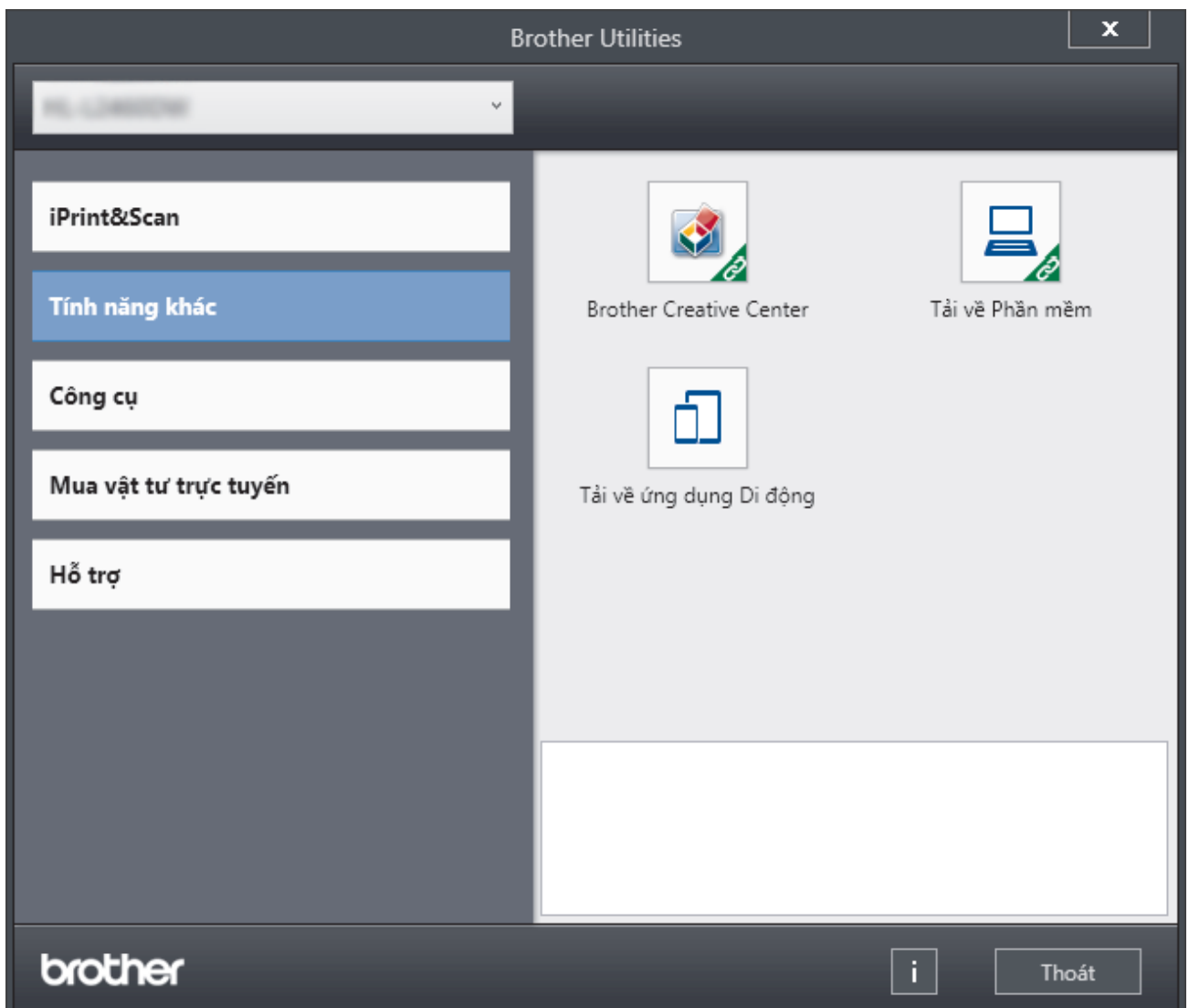
Di chuyển chuột đến góc dưới bên trái của màn hình **Bắt đầu** và nhấp vào  (nếu bạn đang sử dụng thiết bị cảm ứng, hãy vuốt lên từ cuối màn hình **Bắt đầu** để khởi động **Ứng dụng** màn hình).

Khi màn hình **Ứng dụng** xuất hiện, chạm hoặc nhấp vào  (**Brother Utilities**).

- (Windows Server 2012)

Chạm hoặc nhấp vào  (**Brother Utilities**) trên màn hình **Bắt đầu** hoặc trên màn hình desktop.

2. Chọn máy của bạn.



3. Chọn tùy chọn bạn muốn.





## Thông tin liên quan

- Giới thiệu về máy của bạn
- gỡ cài đặt phần mềm và trình điều khiển (Windows)

## Gỡ cài đặt phần mềm và trình điều khiển (Windows)

1. Thực hiện một trong các thao tác sau:


- Windows 11


Nhấp vào  > **Tất cả ứng dụng** > **Brother** > **Brother Utilities**.

- Windows 10, Windows Server 2016, Windows Server 2019 và Windows Server 2022


Nhấp vào  > **Brother** > **Brother Utilities**.

- Windows Server 2012 R2

Di chuyển chuột đến góc dưới bên trái của màn hình **Bắt đầu** và nhấp vào  (nếu bạn đang sử dụng thiết bị cảm ứng, hãy vuốt lên từ cuối màn hình **Bắt đầu** để khởi động **Ứng dụng** màn hình).

Khi màn hình **Ứng dụng** xuất hiện, chạm hoặc nhấp vào  (**Brother Utilities**).

- Windows Server 2012

Chạm hoặc nhấp vào  (**Brother Utilities**) trên màn hình **Bắt đầu** hoặc trên màn hình desktop.

2. Chọn model của bạn từ danh sách thả xuống (nếu chưa chọn).

3. Nhấp vào **Công cụ** trong thanh điều hướng bên trái.

- Nếu không nhìn thấy biểu tượng **Thông báo Cập nhật Phần mềm**, hãy chọn và nhấp vào **Kiểm tra ngay** > **Kiểm tra các Bản Cập nhật Phần mềm** > **Cập nhật**. Làm theo hướng dẫn trên màn hình.
- Nếu không nhìn thấy biểu tượng **Thông báo Cập nhật Phần mềm**, hãy chuyển đến bước tiếp theo.

4. Nhấp **Gỡ Cài đặt** vào **Công cụ** phần **Brother Utilities**.

Thực hiện theo các hướng dẫn trong hộp thoại để gỡ cài đặt phần mềm và các trình điều khiển.



### Thông tin liên quan



- [Truy cập Brother Utilities \(Windows\)](#)

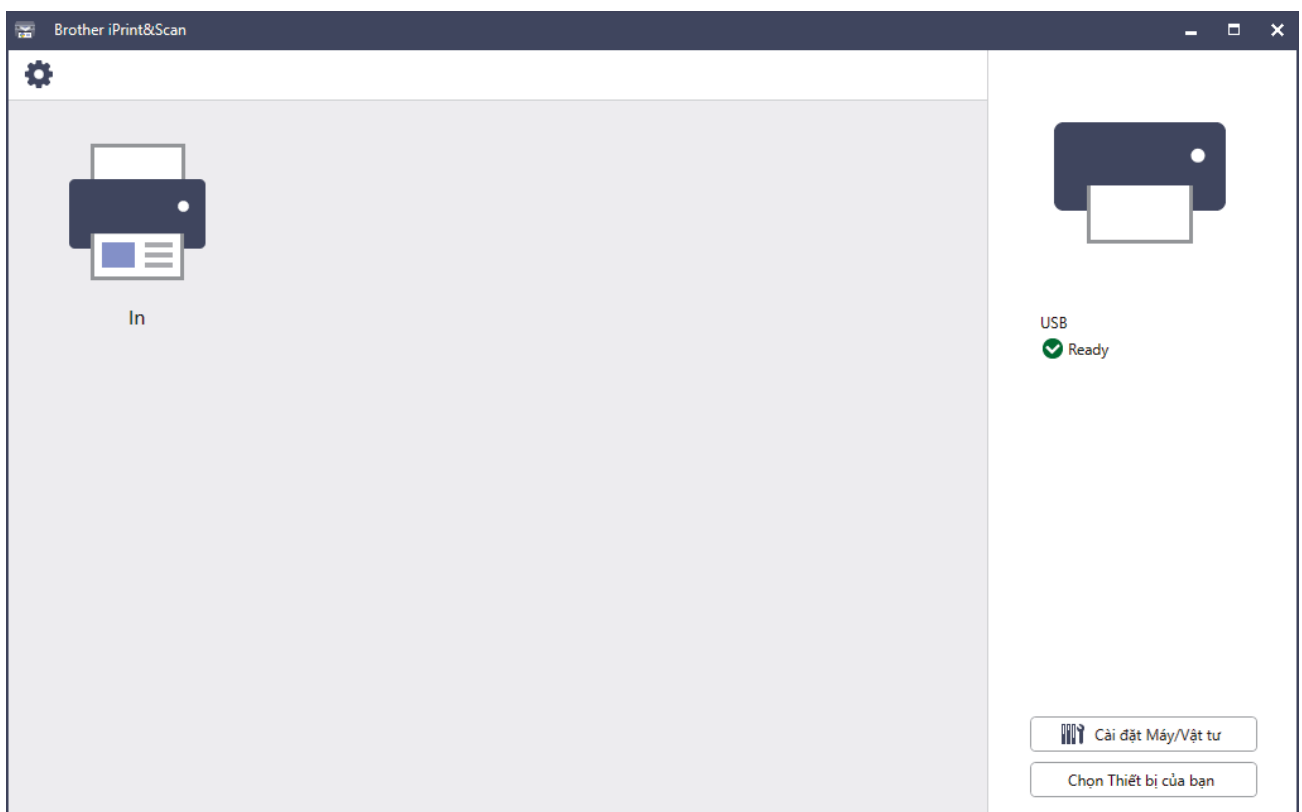
## Truy cập Brother iPrint&Scan (Windows/Mac)

Sử dụng Brother iPrint&Scan cho Windows và Mac để in từ máy tính.

- Chức năng này không khả dụng tại các quốc gia tuân theo các quy định xuất khẩu hiện hành.
  - **Đề tải xuống phiên bản mới nhất:**
    - Đối với Windows:  
Truy cập trang **Downloads** cho model của bạn tại [support.brother.com/downloads](https://support.brother.com/downloads), rồi tải xuống và cài đặt Brother iPrint&Scan.
    - Dành cho Mac: (HL-B2150W/HL-B2180DW/HL-B2180DWB/HL-B2181DW)  
Tải xuống và cài đặt Brother iPrint&Scan từ Apple App Store.
- Nếu được nhắc, hãy cài đặt trình điều khiển và phần mềm cần thiết để sử dụng máy. Tải xuống trình điều khiển và phần mềm mới nhất của máy từ trang **Downloads** cho model của bạn tại địa chỉ [support.brother.com/downloads](https://support.brother.com/downloads).

1. Thực hiện một trong các thao tác sau:

- Windows 11  
Nhấp vào  > **Tất cả ứng dụng** > **Brother** > **Brother iPrint&Scan**.
- Windows 10  
Nhấp vào  > **Brother** > **Brother iPrint&Scan**.



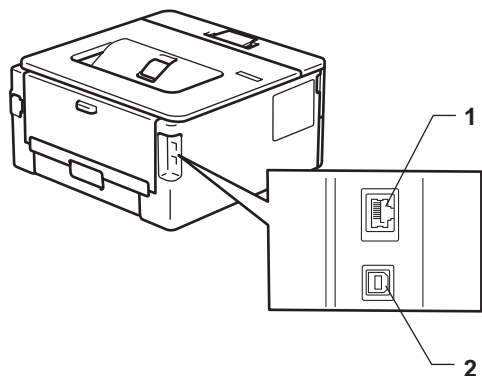
Màn hình thực tế có thể khác tùy thuộc vào phiên bản của ứng dụng.

### Thông tin liên quan

- [Giới thiệu về máy của bạn](#)

## Vị trí cổng đầu vào/đầu ra trên máy

Các cổng đầu vào/đầu ra nằm ở mặt trước và mặt sau của máy.



1. Cổng 10BASE-T / 100BASE-TX (Dành cho các model có mạng)
2. Cổng USB

Khi kết nối USB hoặc cáp mạng, hãy thực hiện theo hướng dẫn trong trình cài đặt phần mềm/trình điều khiển. Để cài đặt trình điều khiển và phần mềm cần thiết cho việc vận hành máy, hãy truy cập trang **Downloads** cho model của bạn tại [support.brother.com/downloads](http://support.brother.com/downloads).



### Thông tin liên quan

- [Giới thiệu về máy của bạn](#)

## Xử lý giấy

- Nạp giấy
- Thiết đặt giấy
- Vùng không thể in
- Sử dụng giấy đặc biệt

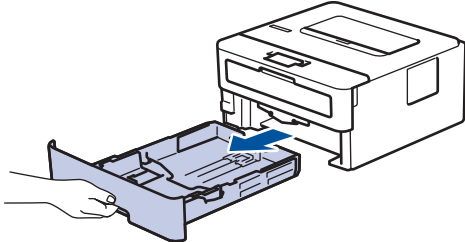
## Nạp giấy

- Nạp giấy vào khay Giấy
- Nạp và in Giấy thường, Giấy mỏng, Giấy tái chế và Giấy bông trong Khe nạp bằng tay
- Nạp và in trên giấy dày và giấy nhẵn bằng khe nạp bằng tay
- Nạp và in lên phong bì trong khe nạp bằng tay

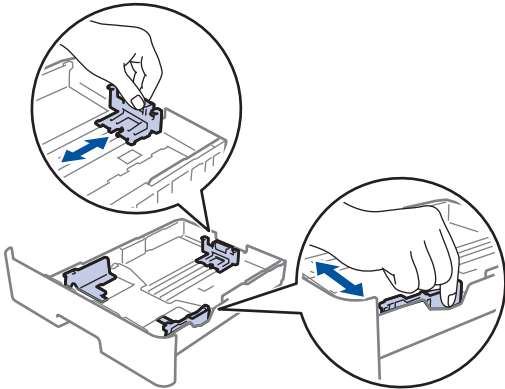
## Nạp giấy vào khay Giấy


- Nếu thiết đặt Kiểm tra giấy được đặt thành **Bật** và bạn kéo khay giấy ra khỏi máy, một thông báo sẽ xuất hiện trên màn hình LCD hỏi xem liệu bạn có muốn thay đổi khổ giấy và loại giấy hay không. Nếu cần, hãy thay đổi những thiết đặt này bằng cách thực hiện theo hướng dẫn trên màn hình LCD.
- Khi bạn nạp khổ giấy và loại giấy khác trong khay, bạn cũng phải thay đổi thiết đặt **Khổ giấy** và **Loại giấy** trên máy hoặc trên máy tính của bạn.

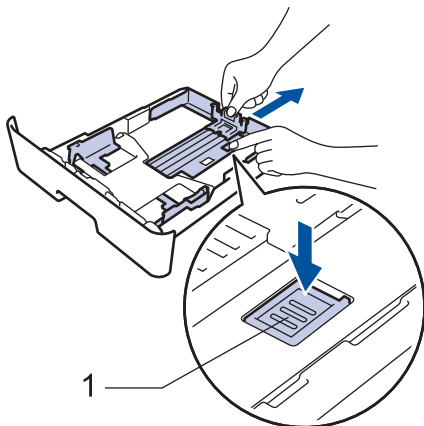
1. Kéo hẳn khay giấy ra khỏi máy.



2. Bấm và trượt thanh dẫn giấy cho vừa với giấy.  
Bấm cần nhả màu xanh lá cây để trượt thanh dẫn giấy.

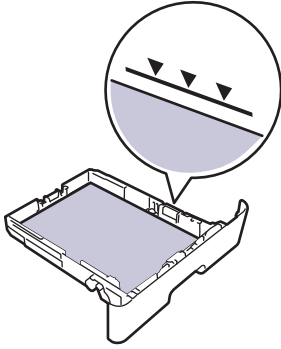


-  Đối với giấy khổ Legal hoặc Folio, bấm nút nhả (1) ở đáy khay giấy, rồi kéo mặt sau của khay giấy ra. (Giấy khổ Legal và Folio không có ở một số khu vực).

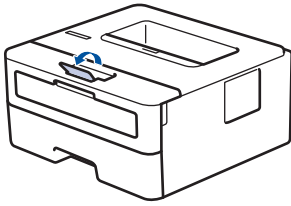


3. Tải đều chồng giấy.
4. Nạp giấy vào khay giấy với **bề mặt in hướng xuống**.

- 
5. Đảm bảo rằng giấy nằm thấp hơn dấu giấy tối đa (▼▼▼).  
Nạp quá nhiều giấy vào khay giấy sẽ gây ra kẹt giấy.



6. Từ từ đẩy khay giấy hoàn toàn vào trong máy.  
7. Mở nắp lật đỡ ra để ngăn giấy không bị trượt khỏi khay đầu ra.



### ✓ Thông tin liên quan

- [Nạp giấy](#)
    - [Thay đổi thiết đặt máy để in trên giấy in trước bằng cách sử dụng khay giấy](#)
-



## Thay đổi thiết đặt máy để in trên giấy in trước bằng cách sử dụng khay giấy

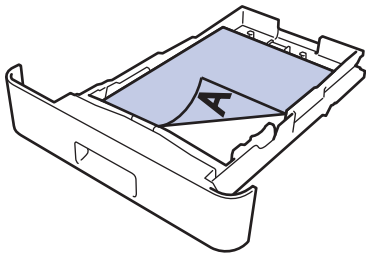
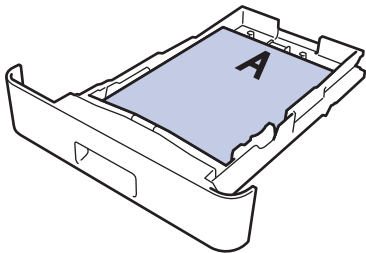
Model: HL-B2100D/HL-B2100DB/HL-B2180DW/HL-B2180DWB/HL-B2181DW

Khi bạn dùng giấy in sẵn cho in hai mặt, hãy thay đổi cài đặt của máy.



- **KHÔNG** nạp các khổ giấy và loại giấy khác nhau vào khay giấy cùng một lúc. Làm vậy có thể gây kẹt giấy hoặc lỗi nạp giấy.
- Nếu vị trí in bị lệch so với các đối tượng in sẵn, vị trí in có thể điều chỉnh được bằng cách sử dụng thiết đặt Vị trí in cho khay giấy.
- Một số giấy in sẵn có thể gây vệt in, tùy theo phương thức in và loại mực.

### Hướng

	Cho in 1 mặt <ul style="list-style-type: none"><li>• hướng xuống</li><li>• cạnh trên cùng phía trước khay giấy</li></ul>
	Để tin 2 mặt tự động (liên kết cạnh dài) <ul style="list-style-type: none"><li>• hướng lên</li><li>• cạnh dưới cùng phía trước khay giấy</li></ul>

1. Bấm ▲ hoặc ▼ để chọn tùy chọn sau:
  - a. Chọn [Printer (Máy in)]. Bấm **OK**.
  - b. Chọn [2-sided (2 mặt)]. Bấm **OK**.
  - c. Chọn [Single Image (Ảnh đơn)]. Bấm **OK**.
2. Ấn ▲ hoặc ▼ để chọn [2-sided Feed (Nạp giấy 2 mặt)], rồi ấn **Go (Vào)**.



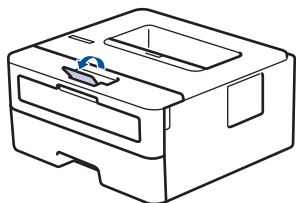
### Thông tin liên quan

- [Nạp giấy vào khay Giấy](#)

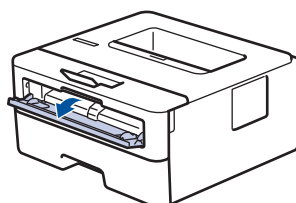
## Nạp và in Giấy thường, Giấy mỏng, Giấy tái chế và Giấy bông trong Khe nạp bằng tay

Khi bạn nạp khổ giấy khác vào khay, bạn phải thay đổi thiết đặt Khổ giấy trong máy hoặc trên máy tính của mình cùng lúc.

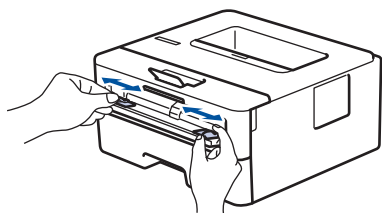
1. Nâng nắp lật đở lên để ngăn giấy không bị trượt khỏi khay đầu ra hướng xuống.



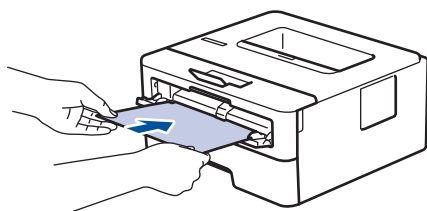
2. Mở nắp khe nạp bằng tay.



3. Sử dụng cả hai tay để trượt thanh dẫn giấy của khe nạp bằng tay cho vừa với độ rộng của giấy bạn đang sử dụng.



4. Dùng cả hai tay, đặt một tờ giấy vào khe nạp bằng tay cho đến khi cạnh trước chạm vào trục lăn nạp giấy. Khi cảm thấy máy kéo giấy vào trong, hãy thả ra.



- Nạp giấy vào khe nạp bằng tay với mặt in *hướng lên trên*.
- Đảm bảo rằng giấy nằm thẳng và đúng vị trí trong khe nạp bằng tay. Nếu không, giấy có thể không được nạp đúng, dẫn đến bản in bị lệch hoặc kẹt giấy.

5. Gửi lệnh in của bạn đến máy.



Thay đổi tùy chọn in trên màn hình In.

6. Sau khi trang đã in ra khỏi máy, hãy nạp trang giấy tiếp theo vào khe nạp bằng tay. Lặp lại đối với mỗi trang bạn muốn in.



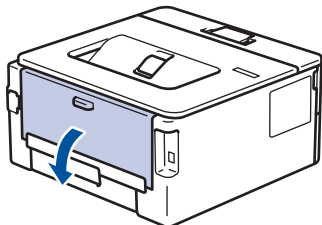
### Thông tin liên quan


- [Nạp giấy](#)

## Nạp và in trên giấy dày và giấy nhẵn bằng khe nạp bằng tay

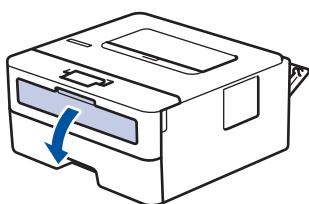
Khi bạn nạp khổ giấy khác vào khay, bạn phải thay đổi thiết đặt Khổ giấy trong máy hoặc trên máy tính của mình cùng lúc.

1. Mở nắp lưng của máy (khay đầu ra hướng lên).

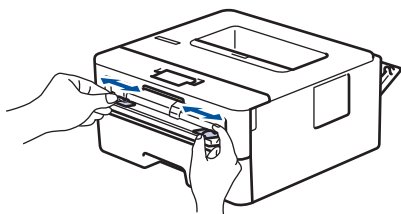


 Máy tự động bật chế độ Nạp bằng tay khi bạn nạp giấy vào khe nạp bằng tay.

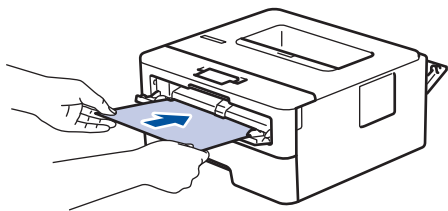
2. Trên mặt trước của máy, mở nắp khe nạp bằng tay.




3. Sử dụng cả hai tay để trượt thanh dẫn giấy của khe nạp bằng tay cho vừa với độ rộng của giấy bạn đang sử dụng.




4. Dùng cả hai tay, đặt một tờ giấy vào khe nạp bằng tay cho đến khi cạnh trước chạm vào trục lăn nạp giấy. Khi cảm thấy máy kéo giấy vào trong, hãy thả ra.



- 
- Nạp giấy vào khe nạp bằng tay với mặt in *hướng lên trên*.
  - Kéo giấy ra hoàn toàn khi bạn phải nạp lại giấy vào khe nạp bằng tay.
  - Không đặt nhiều hơn một tờ giấy vào khe nạp bằng tay cùng một lúc vì điều này có thể gây kẹt giấy.
  - Đảm bảo rằng giấy nằm thẳng và đúng vị trí trong khe nạp bằng tay. Nếu không, giấy có thể không được nạp đúng, dẫn đến bản in bị lệch hoặc kẹt giấy.

5. Gửi lệnh in của bạn đến máy.

 Thay đổi tùy chọn in trên màn hình In.

6. Sau khi trang đã in ra khỏi mặt sau của máy, nạp trang giấy tiếp theo vào khe nạp bằng tay. Lặp lại đối với mỗi trang bạn muốn in.
7. Khi xong, hãy đóng nắp lưng (khay đầu ra hướng lên) đến khi nắp khóa vào vị trí đã đóng.



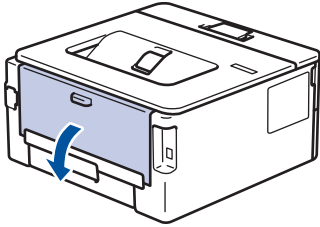
## Thông tin liên quan


- [Nạp giấy](#)

## Nạp và in lên phong bì trong khe nạp bằng tay

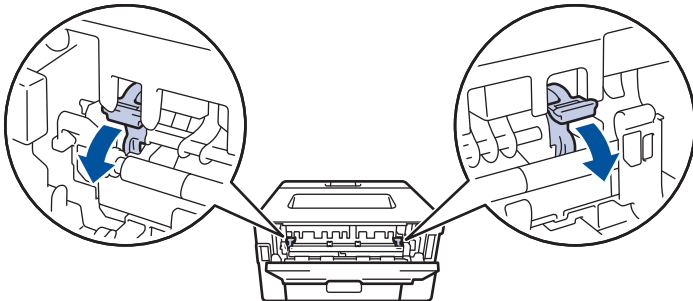
Trước khi nạp giấy, hãy ấn các góc và cạnh của phong bì xuống để làm cho chúng phẳng nhất có thể. Khi bạn nạp khổ giấy khác vào khay, bạn phải thay đổi thiết đặt Khổ giấy trong máy hoặc trên máy tính của mình cùng lúc.

1. Mở nắp lưng của máy (khay đầu ra hướng lên).

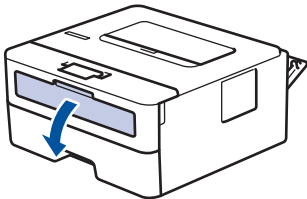


 Máy tự động bật chế độ Nạp bằng tay khi bạn nạp giấy vào khe nạp bằng tay.

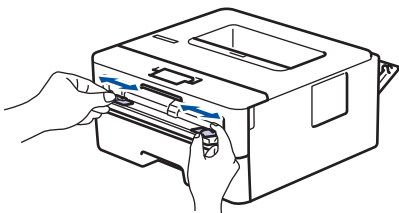
2. Kéo hai cần màu xanh lá cây xuống, một cần bên trái và một cần bên phải như trong hình minh họa.



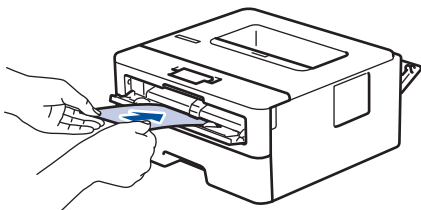
3. Trên mặt trước của máy, mở nắp khe nạp bằng tay.



4. Sử dụng cả hai tay để trượt thanh dẫn giấy của khe nạp bằng tay cho vừa với độ rộng của giấy bạn đang sử dụng.



5. Dùng cả hai tay, đưa một phong bì vào khe nạp bằng tay cho đến khi cạnh trước chạm vào trục lăn nạp giấy. Khi cảm thấy máy kéo giấy vào trong, hãy thả ra.





- Nạp phong bì vào khe nạp bằng tay với mặt in *hướng lên trên*.
- Kéo phong bì ra hoàn toàn khi bạn nạp lại phong bì vào khe nạp bằng tay.
- Không đặt nhiều hơn một phong bì vào khe nạp bằng tay cùng một lúc vì điều này có thể gây kẹt giấy.
- Đảm bảo rằng phong bì nằm thẳng và đúng vị trí trên khe nạp bằng tay. Nếu không, phong bì có thể không được nạp đúng, dẫn đến bản in bị lệch hoặc kẹt giấy.

6. Gửi công việc in của bạn đến máy.



Thay đổi tùy chọn in trên trong hộp thoại In.

Thiết đặt	Tùy chọn cho phong bì
Khổ giấy	Com-10 DL C5 Monarch
Loại vật liệu in	Bao thư Bao thư Dày Bao thư Mỏng

7. Sau khi phong bì đã in xuất ra khỏi máy, hãy đặt phong bì kế tiếp vào. Lặp lại với mỗi phong bì mà bạn muốn in.
8. Khi bạn đã in xong, hãy đưa hai cần màu xanh lá mà bạn đã điều chỉnh ở bước trước đó về vị trí ban đầu.
9. Khi xong, hãy đóng nắp lưng (khay đầu ra hướng lên) đến khi nắp khóa vào vị trí đã đóng.



### Thông tin liên quan

- [Nạp giấy](#)
- [In](#)

## Thiết đặt giấy

- Thay đổi khổ giấy và loại giấy
- Thay đổi thiết đặt kiểm tra giấy
- In tài liệu (Windows)

## Thay đổi khổ giấy và loại giấy

Khi bạn thay đổi khổ giấy và loại giấy mà bạn nạp vào khay, bạn cũng phải thay đổi thiết đặt Khổ giấy và Loại giấy trên màn hình LCD.

1. Bấm ▲ hoặc ▼ để chọn tùy chọn sau:
  - a. Chọn [General Setup (Cài đặt chung)]. Bấm **OK**.
  - b. Chọn [Tray Setting (Thiết đặt khay)]. Bấm **OK**.
  - c. Chọn [Paper Type (Loại giấy)]. Bấm **OK**.
2. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị loại giấy mà bạn muốn, và sau đó bấm **OK**.
3. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [Paper Size (Khổ giấy)] và sau đó bấm **OK**.
4. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị khổ giấy mà bạn muốn, và sau đó bấm **Go (Vào)**.



### Thông tin liên quan

- [Thiết đặt giấy](#)



## Thay đổi thiết đặt kiểm tra giấy

Khi thiết đặt Kiểm tra giấy được đặt thành **Bật** và bạn kéo khay giấy ra khỏi máy, một thông báo sẽ xuất hiện trên màn hình LCD hỏi xem liệu bạn có muốn thay đổi khổ giấy và loại giấy hay không.

Thiết đặt mặc định là **Bật**.

- Bấm ▲ hoặc ▼ để chọn tùy chọn sau:
  - Chọn [General Setup (Cài đặt chung)]. Bấm **OK**.
  - Chọn [Tray Setting (Thiết đặt khay)]. Bấm **OK**.
  - Chọn [Check Paper (Kiểm tra giấy)]. Bấm **OK**.
- Bấm ▲ hoặc ▼ để chọn tùy chọn [On (Bật)] hoặc [Off (Tắt)], rồi bấm **Go (Vào)**.

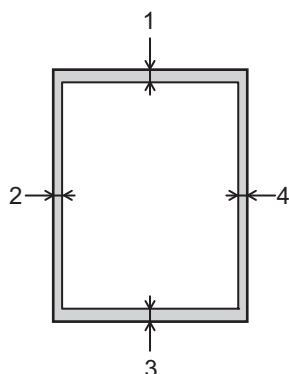


### Thông tin liên quan

- Thiết đặt giấy

## Vùng không thể in

Các giá trị đo trong bảng bên dưới cho thấy số vùng tối đa không thể in từ các cạnh của khổ giấy thường dùng nhất. Các kích thước này có thể khác nhau tùy thuộc vào khổ giấy hoặc thiết đặt trong ứng dụng bạn đang sử dụng.



Không cố gắng in vào các vùng này; bản in của bạn sẽ không hiển thị gì ở các vùng này.

Sử dụng	Khổ tài liệu	Trên cùng (1) Dưới cùng (3)	Trái (2) Phải (4)
In	Letter	4,2 mm	4,2 mm
	A4	4,2 mm	4,2 mm
	Legal	4,2 mm	4,2 mm



### Thông tin liên quan

- [Xử lý giấy](#)

## Sử dụng giấy đặc biệt

Luôn kiểm tra mẫu giấy trước khi mua để đảm bảo hiệu quả mong muốn.

- **KHÔNG** sử dụng giấy in phun; giấy này có thể gây kẹt giấy hoặc làm hỏng máy của bạn.
- Nếu bạn sử dụng giấy bông, giấy có bề mặt thô nhám hoặc giấy nhẵn hoặc nhàu, giấy này có thể làm giảm hiệu suất in.

Bảo quản giấy trong bao bì ban đầu và đóng kín. Giữ giấy phẳng và tránh xa độ ẩm, ánh nắng mặt trời trực tiếp và nguồn nhiệt.

### QUAN TRỌNG

Một số loại giấy có thể không hoạt động tốt hoặc có thể làm hỏng máy của bạn.

**KHÔNG** dùng giấy:

- có họa tiết dày đặc
- rất trơn hoặc bóng
- quăn hoặc cong
- được bao phủ hoặc có lớp phủ hóa học
- bị hỏng, nhàu hoặc bị gập
- vượt quá thông số kỹ thuật về trọng lượng được khuyến nghị trong hướng dẫn này
- có móc và ghim
- có nhiều lớp hoặc không lót giấy than
- được thiết kế để in phun

Nếu bạn sử dụng bất kỳ loại giấy nào được liệt kê phía trên thì giấy đó có thể làm hỏng máy. Hỏng hóc này không nằm trong phạm vi của bất kỳ thỏa thuận bảo hành hoặc dịch vụ nào của Brother.



### Thông tin liên quan

- [Xử lý giấy](#)

## In

- In từ máy tính của bạn (Windows)
- Nạp và in lên phong bì trong khe nạp bằng tay
- In một Tệp đính kèm email
- Thay đổi Cài đặt In bằng cách sử dụng Bảng điều khiển
- Hủy tác vụ in
- In thử

## In từ máy tính của bạn (Windows)

- In tài liệu (Windows)
- In lên cả hai mặt giấy (Windows)
- Thay đổi thiết đặt in mặc định (Windows)
- Cài đặt in (Windows)
- Giám sát trạng thái máy từ máy tính của bạn (Windows)

## In tài liệu (Windows)

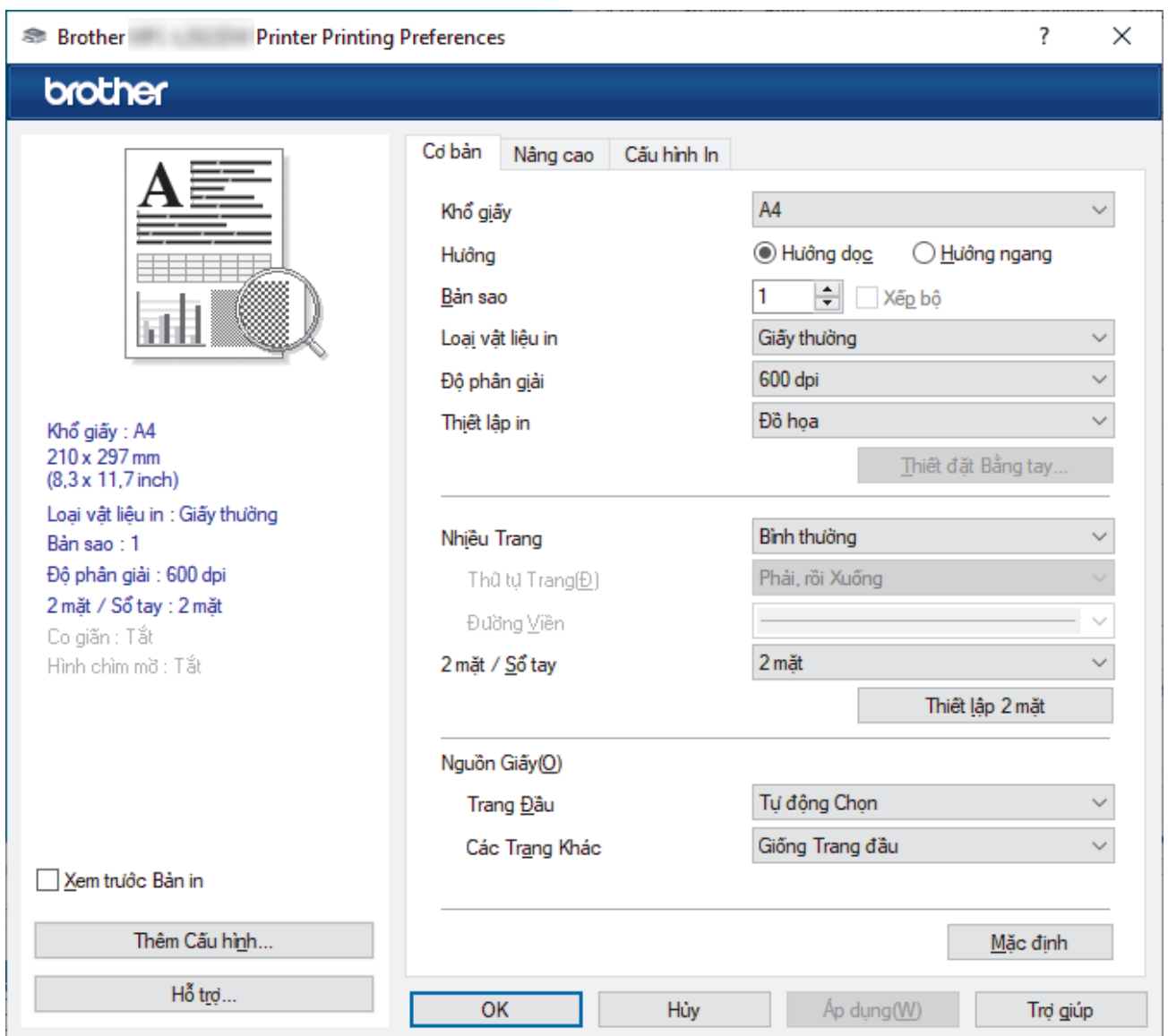
Khi bạn thay đổi các cài đặt in của một ứng dụng, các thay đổi chỉ áp dụng cho các tài liệu được in với ứng dụng đó.



- In 2 mặt có thể là cài đặt mặc định tùy theo model của bạn. Để in 1 mặt, hãy tắt cài đặt in 2 mặt trong trình điều khiển máy in. (HL-B2100D/HL-B2100DB/HL-B2180DW/HL-B2180DWB/HL-B2181DW)
- Để thay đổi cài đặt in cho tất cả các ứng dụng của Windows, bạn phải cấu hình các thuộc tính của trình điều khiển máy in.

Thông tin thêm >> *Thông tin liên quan: Thay đổi thiết đặt in mặc định (Windows)*

1. Nạp giấy vào khay giấy.
2. Chọn lệnh in trong ứng dụng của bạn.
3. Chọn tên model của bạn, rồi nhấp vào nút tùy chọn hoặc thuộc tính của máy in.  
Cửa sổ trình điều khiển máy in xuất hiện.



4. Đảm bảo bạn đã nạp đúng khổ giấy vào khay giấy.
5. Bấm danh sách thả xuống **Khổ giấy**, rồi chọn khổ giấy của bạn.

---

6. Trong trường **Hướng**, chọn tùy chọn **Hướng dọc** hoặc **Hướng ngang** để đặt hướng bản in của bạn.



Nếu ứng dụng của bạn có một cài đặt tương tự, chúng tôi khuyên bạn nên thiết đặt hướng sử dụng ứng dụng.

---

7. Nhập số bản sao (1-999) mà bạn muốn trong trường **Bản sao**.
8. Bấm danh sách thả xuống **Loại vật liệu in**, rồi chọn loại giấy bạn đang sử dụng.
9. Để in nhiều trang trên một tờ giấy hoặc in một trang trong tài liệu của bạn trên nhiều tờ, bấm danh sách thả xuống **Nhiều Trang**, rồi chọn tùy chọn của bạn.
10. Nhấp vào danh sách thả xuống **2 mặt / Số tay**, rồi chọn tùy chọn bạn muốn. (HL-B2100D/HL-B2100DB/HL-B2180DW/HL-B2180DWB/HL-B2181DW)
11. Thay đổi các thiết đặt máy in khác nếu cần.
12. Bấm **OK**.
13. Hoàn tất thao tác in.



### Thông tin liên quan

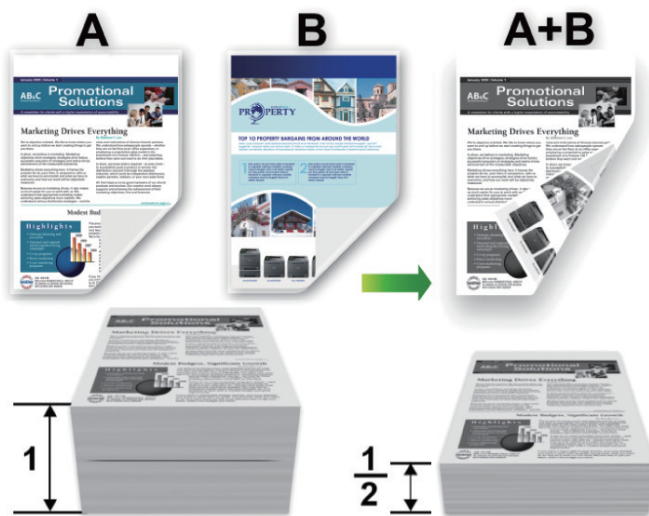
- [In từ máy tính của bạn \(Windows\)](#)

#### Chủ đề liên quan:

- [Thay đổi thiết đặt in mặc định \(Windows\)](#)
  - [Vấn đề khi in](#)
  - [Thiết đặt giấy](#)
  - [Cài đặt in \(Windows\)](#)
-

## In lên cả hai mặt giấy (Windows)

Model: HL-B2100D/HL-B2100DB/HL-B2180DW/HL-B2180DWB/HL-B2181DW



Chọn khổ giấy A4 khi sử dụng chức năng in 2 mặt tự động.

- Đảm bảo nắp lưng đóng.
- Nếu giấy quăn, hãy kéo thẳng giấy và đặt trở lại vào khay giấy.
- Sử dụng giấy thông thường hoặc giấy mỏng. KHÔNG sử dụng giấy bông.
- Nếu giấy quá mỏng, giấy có thể bị nhăn.
- Khi bạn sử dụng chức năng in 2 mặt bằng tay, có thể bị kẹt giấy hoặc chất lượng in kém.

1. Chọn lệnh in trong ứng dụng của bạn.
2. Chọn tên model của bạn, rồi nhấp vào nút tùy chọn hoặc thuộc tính của máy in.  
Cửa sổ trình điều khiển máy in xuất hiện.
3. Trong trường **Hướng**, chọn tùy chọn **Hướng dọc** hoặc **Hướng ngang** để đặt hướng bản in của bạn.



Nếu ứng dụng của bạn có một cài đặt tương tự, chúng tôi khuyên bạn nên thiết đặt hướng sử dụng ứng dụng.

4. Nhấp vào danh sách thả xuống **2 mặt / Sổ tay**, rồi chọn tùy chọn **2 mặt** hoặc **2 mặt (Thủ công)**.

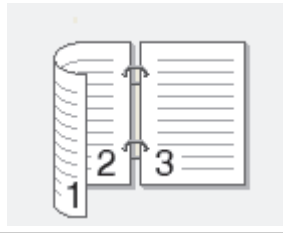
Tùy chọn	Mô tả
<b>2 mặt</b> (sẵn có ở một số model nhất định)	Tự động in trên cả hai mặt giấy.
<b>2 mặt (Thủ công)</b>	Trước tiên, máy sẽ in tất cả các trang được đánh số chẵn ở một mặt giấy. Sau đó, trình điều khiển máy in hướng dẫn bạn nạp lại giấy (bằng thông báo bật lên).

5. Bấm nút **Thiết lập 2 mặt**.
6. Chọn một trong các tùy chọn từ menu **Loại 2 mặt**.  
Khi 2 mặt được chọn, có thể sử dụng bốn loại đóng gáy 2 mặt cho mỗi hướng:

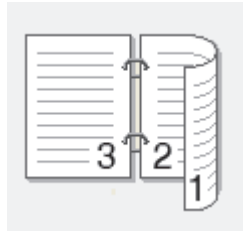


**Tùy chọn đối với Thẳng đứng**    **Mô tả**

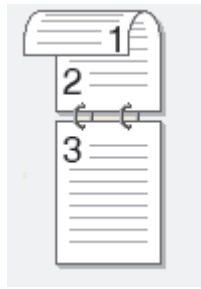
**Cạnh Dài (Trái)**



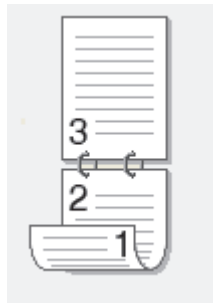
**Cạnh Dài (Phải)**



**Cạnh Ngắn (Trên)**



**Cạnh Ngắn (Dưới)**

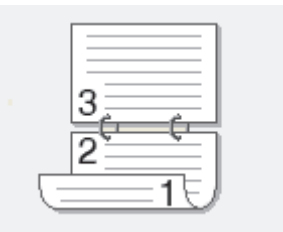


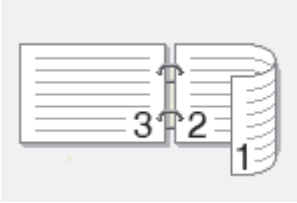
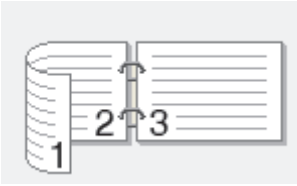
**Tùy chọn đối với Nằm ngang**    **Mô tả**

**Cạnh Dài (Trên)**



**Cạnh Dài (Dưới)**



Tùy chọn đối với Nằm ngang	Mô tả
Cạnh Ngấn (Phải)	
Cạnh Ngấn (Trái)	

7. Chọn hộp chọn **Khoảng bù Đóng gáy** nếu bạn muốn chỉ định khoảng bù đóng gáy bằng inch hoặc millimet.
8. Bấm **OK**.
9. Thay đổi các thiết đặt máy in khác nếu cần.
10. Thực hiện một trong các thao tác sau:
  - Đối với in 2 mặt tự động, bấm lại **OK**, rồi hoàn tất thao tác in của bạn.
  - Đối với in 2 mặt thủ công, nhấp lại vào **OK** và làm theo hướng dẫn trên màn hình.



Nếu giấy không nạp đúng, giấy có thể bị quăn. Lấy giấy ra, kéo thẳng giấy và đặt trở lại vào khay giấy.

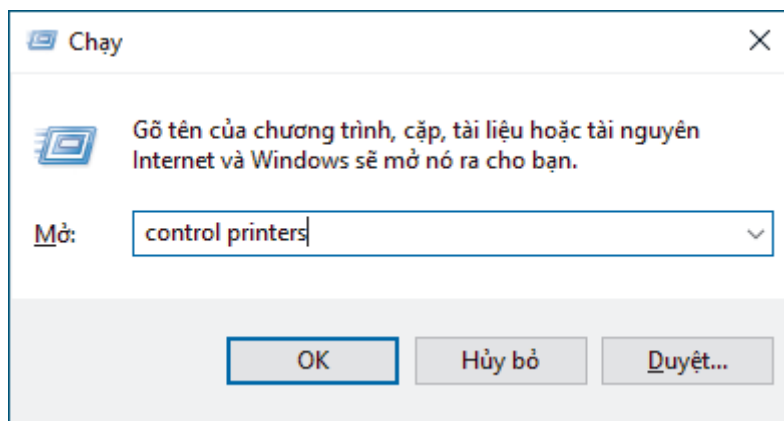
### Thông tin liên quan

- [In từ máy tính của bạn \(Windows\)](#)


## Thay đổi thiết đặt in mặc định (Windows)

Khi bạn thay đổi các thiết đặt in của một ứng dụng, các thay đổi chỉ áp dụng cho các tài liệu được in với ứng dụng đó. Để thay đổi cài đặt in cho tất cả các ứng dụng của Windows, bạn phải cấu hình các thuộc tính của trình điều khiển máy in.


1. Bấm giữ phím  và bấm phím  trên bàn phím của máy tính để khởi chạy **Chạy**.
2. Nhập "**control printers**" vào trường **Mở**: và nhấp vào **OK**.



Cửa sổ **Thiết bị và Máy in** xuất hiện.

 Nếu cửa sổ **Thiết bị và Máy in** không xuất hiện, hãy nhấp vào **Xem thêm thiết bị > Cài thiết bị và cài đặt máy in khác**.

3. Nhấp chuột phải vào biểu tượng cho model của bạn, rồi chọn **Thuộc tính Máy in**. (Nếu tùy chọn trình điều khiển máy in xuất hiện, hãy chọn trình điều khiển máy in của bạn.)  
Hộp thoại thuộc tính máy in xuất hiện.
4. Nhấp vào tab **Chung**, rồi nhấp vào nút **Printing Preferences... (Tùy chọn in...)** hoặc **Sở thích....**  
Hộp thoại trình điều khiển máy in xuất hiện.

 Để cấu hình thiết đặt khay, hãy nhấp vào tab **Thiết lập thiết bị** (có sẵn ở một số model nhất định).  
Để thay đổi cổng máy in, bấm vào tab **Cổng**.

5. Chọn thiết đặt in mà bạn muốn sử dụng làm mặc định cho tất cả các chương trình Windows.
6. Bấm **OK**.
7. Đóng hộp thoại thuộc tính máy in.

### Thông tin liên quan

- [In từ máy tính của bạn \(Windows\)](#)

#### Chủ đề liên quan:

- [In tài liệu \(Windows\)](#)
- [Cài đặt in \(Windows\)](#)
- [Vấn đề khi in](#)

## Cài đặt in (Windows)



- Khi bạn thay đổi các cài đặt in của một ứng dụng, các thay đổi chỉ áp dụng cho các tài liệu được in với ứng dụng đó.

Thông tin thêm >> *Thông tin liên quan: In tài liệu (Windows)*

- Để thay đổi thiết đặt in mặc định, bạn phải đặt cấu hình thuộc tính trình điều khiển máy in.

Thông tin thêm >> *Thông tin liên quan: Thay đổi thiết đặt in mặc định (Windows)*

>> **Cơ bản Tab**

>> **Nâng cao Tab**

### Cơ bản Tab

The screenshot shows the 'Brother Printer Printing Preferences' dialog box with the 'Basic' tab selected. The window title is 'Brother Printer Printing Preferences'. The left sidebar shows a preview of a document with a magnifying glass over a grid pattern. Below the preview, the following settings are listed: Khổ giấy: A4 (210 x 297 mm / 8.3 x 11.7 inch), Loại vật liệu in: Giấy thường, Bản sao: 1, Độ phân giải: 600 dpi, 2 mặt / Số tay: 2 mặt, Cơ giãn: Tắt, Hình chìm mờ: Tắt. At the bottom of the sidebar are buttons for 'Thêm Cấu hình...', 'Hỗ trợ...', and 'Xem trước Bản in'. The main area has three tabs: 'Cơ bản', 'Nâng cao', and 'Cấu hình In'. Under 'Cơ bản', the following settings are visible: Khổ giấy: A4, Hướng:  Hướng dọc,  Hướng ngang, Bản sao: 1,  Xếp bộ, Loại vật liệu in: Giấy thường, Độ phân giải: 600 dpi, Thiết lập in: Đồ họa, and a 'Thiết đặt Bằng tay...' button. Under 'Nhiều Trang', the settings are: Nhiều Trang: Bình thường, Thứ tự Trang: Phải, rồi Xuống, Đường Vạch: (empty), 2 mặt / Số tay: 2 mặt, and a 'Thiết lập 2 mặt' button. Under 'Nguồn Giấy', the settings are: Trang Đầu: Tự động Chọn, and Các Trang Khác: Giống Trang đầu. At the bottom right of the main area is a 'Mặc định' button. At the bottom of the dialog are buttons for 'OK', 'Hủy', 'Áp dụng(W)', and 'Trợ giúp'.

#### 1. Khổ giấy

Chọn khổ giấy bạn muốn sử dụng. Bạn có thể chọn khổ giấy tiêu chuẩn hoặc tạo một khổ giấy tùy chỉnh.

#### 2. Hướng

Chọn hướng (dọc hoặc ngang) cho bản in của bạn.

Nếu ứng dụng của bạn có một cài đặt tương tự, chúng tôi khuyên bạn nên thiết đặt hướng sử dụng ứng dụng.

### 3. Bản sao

Nhập số bản sao (1-999) mà bạn muốn in vào trường này.

#### Xếp bộ

Chọn tùy chọn này để in bộ các tài liệu nhiều trang trong đường biên giấy gốc. Khi chọn tùy chọn này, một bản sao hoàn chỉnh tài liệu của bạn sẽ được in, rồi in lại theo số bản sao mà bạn đã chọn. Nếu chọn tùy chọn này, khi đó mỗi trang sẽ được in theo số bản sao được chọn trước khi trang tài liệu tiếp theo được in.

### 4. Loại vật liệu in

Chọn loại phương tiện bạn muốn sử dụng. Để đạt được kết quả in tốt nhất, máy tự động điều chỉnh cài đặt in của máy theo loại phương tiện được chọn.

### 5. Độ phân giải

Chọn độ phân giải in. Vì độ phân giải in và tốc độ in có liên quan với nhau, độ phân giải càng cao, thời gian in tài liệu càng lâu.

### 6. Thiết lập in

Chọn loại tài liệu mà bạn muốn in.

#### Thiết đặt Bằng tay...

Xác định các cài đặt bổ sung như độ sáng, độ tương phản và các cài đặt khác.

#### Đồ họa

##### In Trắng Đen

Chọn tùy chọn này để sử dụng trình điều khiển máy in để thể hiện các hình ảnh bán sắc.

##### Độ sáng

Điều chỉnh độ sáng.

##### Độ tương phản

Điều chỉnh độ tương phản.

##### Chất lượng Đồ họa

Chọn Đồ họa hoặc Văn bản để có chất lượng in tốt nhất dựa trên loại tài liệu mà bạn đang in.

##### Cải thiện In Màu xám

Chọn tùy chọn này để nâng cao chất lượng hình ảnh của các khu vực bóng mờ.

##### Cải thiện In Mẫu

Chọn tùy chọn này để cải thiện in hoa văn nếu nền và hoa văn được in khác với nền và hoa văn bạn thấy trên màn hình máy tính.

##### Cải thiện Nét mỏng

Chọn tùy chọn này để cải thiện chất lượng hình ảnh của những đường mảnh.

##### Sử dụng Bán sắc Hệ thống

Chọn tùy chọn này để sử dụng Windows để thể hiện các hình ảnh bán sắc.

#### Chế độ TrueType (sẵn có ở một số model nhất định)

##### Chế độ

Chọn cách phong chữ được xử lý để in.

##### Sử dụng Phong chữ TrueType Máy in

Chọn có sử dụng phong chữ tích hợp sẵn cho quá trình xử lý phong chữ hay không.

### 7. Nhiều Trang

Chọn tùy chọn này để in nhiều trang trên một tờ giấy hoặc in một trang tài liệu của bạn trên nhiều tờ giấy.

#### Thứ tự Trang

Chọn thứ tự trang khi in nhiều trang trên một tờ giấy.

## Đường Viên

Chọn loại đường biên được sử dụng khi in nhiều trang trên một tờ giấy.

## 8. 2 mặt / Sổ tay

Chọn tùy chọn này để in trên hai mặt giấy hoặc in tài liệu theo định dạng booklet bằng tính năng in hai mặt.

### Thiết lập 2 mặt

Nhấp vào nút này để chọn kiểu liên kết hai mặt. Bốn loại liên kết hai mặt có sẵn cho mỗi hướng.

## 9. Nguồn Giấy

Chọn cài đặt nguồn giấy theo điều kiện và mục đích in của bạn.

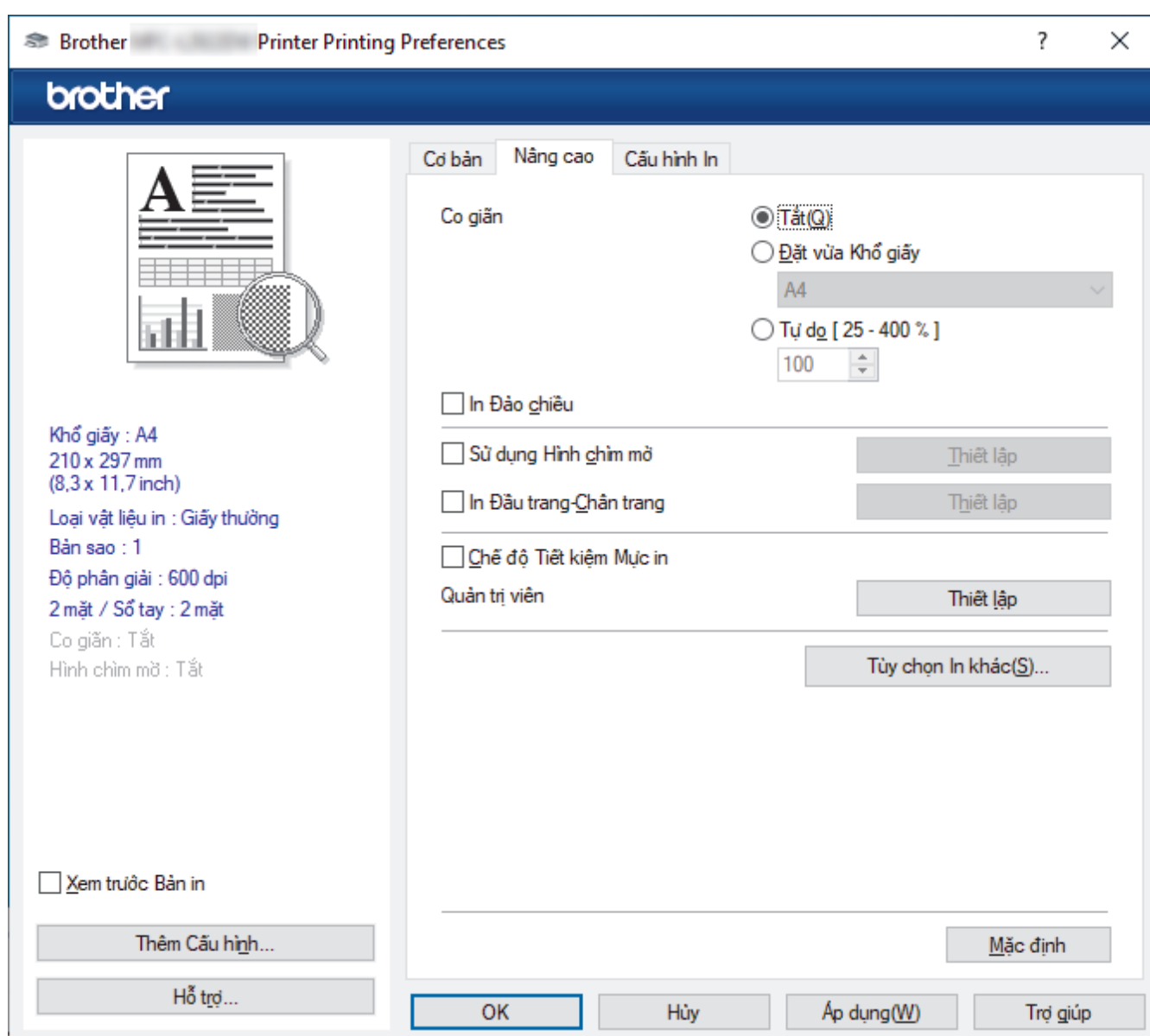
### Trang Đầu

Chọn nguồn giấy để sử dụng in trang đầu tiên.

### Các Trang Khác

Chọn nguồn giấy để sử dụng để in các trang thứ hai và tiếp theo.

## Nâng cao Tab



## 1. Co giãn

Chọn các tùy chọn này để phóng to hoặc thu nhỏ khổ giấy trong tài liệu của bạn.

## Đặt vừa Khổ giấy

Chọn tùy chọn này để phóng to hoặc thu nhỏ các trang tài liệu phù hợp với khổ giấy quy định. Khi bạn chọn tùy chọn này, hãy chọn khổ giấy mà bạn muốn từ danh sách thả xuống.

## Tỷ do [ 25 - 400 % ]

Chọn tùy chọn này để phóng to hoặc thu nhỏ giấy của tài liệu theo cách thủ công. Khi bạn chọn tùy chọn này, hãy nhập giá trị vào trường.

## 2. In Đảo chiều

Chọn tùy chọn này để xoay hình ảnh in 180 độ.

## 3. Sử dụng Hình chìm mờ

Chọn tùy chọn này để in logo hoặc văn bản trên tài liệu của bạn dưới dạng hình mờ. Chọn một trong các hình chìm mờ cài đặt sẵn, thêm hình chìm mờ mới hoặc sử dụng tập tin hình ảnh bạn đã tạo.

## 4. In Đầu trang-Chân trang

Chọn tùy chọn này để in ngày, giờ và tên người dùng đăng nhập trên tài liệu.

## 5. Chế độ Tiết kiệm Mực in

Chọn tính năng này để tiết kiệm mực khi in tài liệu; bản in sẽ nhạt hơn, nhưng vẫn có thể đọc được.

## 6. Quản trị viên

Tính năng này cho phép bạn thay đổi mật khẩu quản trị viên và giới hạn nhiều chức năng in khác nhau.

## 7. Xác thực Người dùng (sẵn có ở một số model nhất định)

Tính năng này cho phép bạn xác nhận các giới hạn cho mỗi người dùng.

## 8. Tùy chọn In khác

### Thời gian Ngủ

Chọn tùy chọn này để thiết đặt máy nhập chế độ nghỉ ngay lập tức sau khi in.

### Macro (sẵn có ở một số model nhất định)

Chọn tính năng này để in một mẫu đơn điện tử (macro), mà bạn đã lưu trong bộ nhớ máy của bạn, xếp chồng lên tác vụ in.

### Điều chỉnh Mật độ

Xác định mật độ in.

### Cải thiện Bản in ra

Chọn tùy chọn này để giảm lượng giấy xoắn và cải thiện ổn định mực.

### Bỏ qua Trang trống

Chọn tùy chọn này để cho phép trình điều khiển máy in tự động phát hiện trang trắng và loại bỏ trang trắng khi in.

### In Văn bản bằng mực Đen

Chọn tùy chọn này khi bạn muốn in văn bản màu bằng màu đen.

### In Lưu trữ

Chọn tùy chọn này để lưu dữ liệu in thành tệp PDF vào máy tính của bạn.

### Chế độ tiết kiệm

Chọn tùy chọn này để giảm độ ồn khi in.



## Thông tin liên quan

- [In từ máy tính của bạn \(Windows\)](#)



### Chủ đề liên quan:

- [Thay đổi thiết đặt in mặc định \(Windows\)](#)
- [In tài liệu \(Windows\)](#)

## Giám sát trạng thái máy từ máy tính của bạn (Windows)

Status Monitor là công cụ phần mềm có thể cấu hình để giám sát trạng thái của một hoặc nhiều máy, cho phép bạn nhận thông báo lỗi tức thì.

Thực hiện một trong các thao tác sau:

- Bấm đúp vào biểu tượng  trên khay tác vụ.
- Khởi chạy  (**Brother Utilities**), rồi nhấp vào danh sách thả xuống và chọn tên model của bạn (nếu chưa được chọn). Bấm **Công cụ** trong thanh điều hướng bên trái, rồi bấm **Status Monitor**.

### Xử lý sự cố

Nhấp vào nút **Xử lý sự cố** để truy cập trang web hỗ trợ.

### Tìm kiếm vật tư thay thế.

Bấm nút **Tìm kiếm vật tư thay thế** để biết thêm thông tin về vật tư chính hãng Brother.



### Thông tin liên quan

- [In từ máy tính của bạn \(Windows\)](#)

#### Chủ đề liên quan:

- [Vấn đề khi in](#)

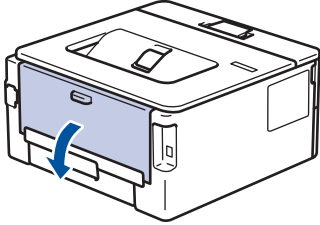


## Nạp và in lên phong bì trong khe nạp bằng tay

Trước khi nạp giấy, hãy ấn các góc và cạnh của phong bì xuống để làm cho chúng phẳng nhất có thể.

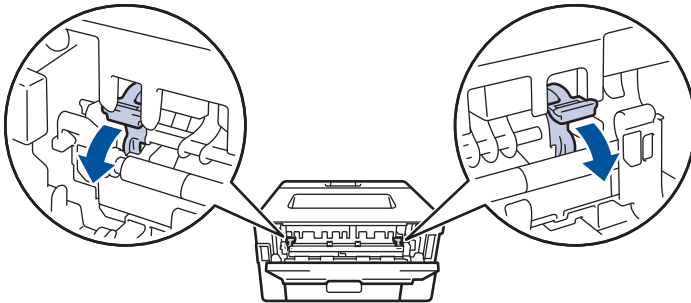
Khi bạn nạp khổ giấy khác vào khay, bạn phải thay đổi thiết đặt Khổ giấy trong máy hoặc trên máy tính của mình cùng lúc.

1. Mở nắp lưng của máy (khay đầu ra hướng lên).

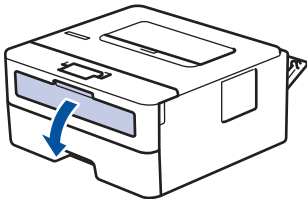


Máy tự động bật chế độ Nạp bằng tay khi bạn nạp giấy vào khe nạp bằng tay.

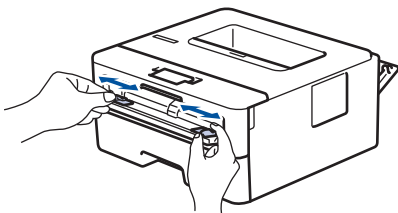
2. Kéo hai cần màu xanh lá cây xuống, một cần bên trái và một cần bên phải như trong hình minh họa.



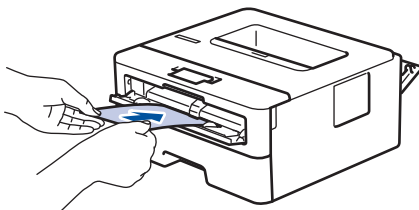
3. Trên mặt trước của máy, mở nắp khe nạp bằng tay.



4. Sử dụng cả hai tay để trượt thanh dẫn giấy của khe nạp bằng tay cho vừa với độ rộng của giấy bạn đang sử dụng.



5. Dùng cả hai tay, đưa một phong bì vào khe nạp bằng tay cho đến khi cạnh trước chạm vào trục lăn nạp giấy. Khi cảm thấy máy kéo giấy vào trong, hãy thả ra.





- Nạp phong bì vào khe nạp bằng tay với mặt in *hướng lên trên*.
- Kéo phong bì ra hoàn toàn khi bạn nạp lại phong bì vào khe nạp bằng tay.
- Không đặt nhiều hơn một phong bì vào khe nạp bằng tay cùng một lúc vì điều này có thể gây kẹt giấy.
- Đảm bảo rằng phong bì nằm thẳng và đúng vị trí trên khe nạp bằng tay. Nếu không, phong bì có thể không được nạp đúng, dẫn đến bản in bị lệch hoặc kẹt giấy.

6. Gửi công việc in của bạn đến máy.



Thay đổi tùy chọn in trên trong hộp thoại In.

Thiết đặt	Tùy chọn cho phong bì
Khổ giấy	Com-10 DL C5 Monarch
Loại vật liệu in	Bao thư Bao thư Dày Bao thư Mỏng

7. Sau khi phong bì đã in xuất ra khỏi máy, hãy đặt phong bì kế tiếp vào. Lặp lại với mỗi phong bì mà bạn muốn in.
8. Khi bạn đã in xong, hãy đưa hai cần màu xanh lá mà bạn đã điều chỉnh ở bước trước đó về vị trí ban đầu.
9. Khi xong, hãy đóng nắp lưng (khay đầu ra hướng lên) đến khi nắp khóa vào vị trí đã đóng.



### Thông tin liên quan

- [Nạp giấy](#)
- [In](#)

## In một Tập đính kèm email

Bạn có thể in các tập bằng cách gửi chúng qua email đến máy Brother của mình.

- Đảm bảo Web Based Management được đặt thành **Bật**. Để biết thêm thông tin, >> *Thông tin liên quan*
- Bạn có thể đính kèm tối đa 10 tài liệu, tổng cộng 20 MB vào một email.
- Tính năng này hỗ trợ các định dạng sau:
  - Tập tài liệu: PDF, TXT và tập Microsoft Office
  - Tập hình ảnh: JPEG, BMP, GIF, PNG và TIFF
- Theo mặc định, máy sẽ in cả tập đính kèm và nội dung email. Để chỉ in tập đính kèm email, hãy thay đổi thiết đặt nếu cần.

1. Khởi động trình duyệt web của bạn.
2. Nhập "https://machine's IP address" vào thanh địa chỉ của trình duyệt (vị trí "machine's IP address" là địa chỉ IP của máy bạn).

Ví dụ:

https://192.168.1.2

3. Nhập mật khẩu vào trường **Login (Đăng nhập)**, rồi nhấp vào **Login (Đăng nhập)** nếu cần.



Mật khẩu mặc định để quản lý cài đặt của máy này nằm ở phía sau máy và được đánh dấu "**Pwd**". Thay đổi mật khẩu mặc định bằng cách làm theo hướng dẫn trên màn hình khi bạn đăng nhập lần đầu tiên.

4. Trong thanh điều hướng bên trái, nhấp vào **Online Functions (Chức năng trực tuyến) > Online Functions Settings (Thiết đặt chức năng trực tuyến)**.



- Nếu thanh điều hướng bên trái không hiển thị, hãy bắt đầu điều hướng từ ☰.
- Nếu chức năng này bị khóa, hãy liên hệ với quản trị viên mạng của bạn để có quyền truy cập.

5. Bấm nút **I accept the terms and conditions (Tôi chấp nhận các điều khoản và điều kiện)**.
6. Truy cập vào máy của bạn, rồi làm theo hướng dẫn của máy để bật cài đặt.
7. Trên máy tính của bạn, nhấp vào **General Settings (Thiết đặt chung)**.  
Màn hình **Email Print (In email): General Settings (Thiết đặt chung)** xuất hiện.
8. Bấm nút **Enable (Bật)**.  
Máy sẽ in từ hướng dẫn.
9. Gửi email của bạn đến địa chỉ email trên trang này. Máy in các tập đính kèm email.



Để thay đổi thiết đặt, bao gồm thiết đặt địa chỉ email và máy in, nhấp vào nút **Online Functions Settings Page (Trang thiết đặt chức năng trực tuyến)**.



### Thông tin liên quan

- In

## Thay đổi Cài đặt In bằng cách sử dụng Bảng điều khiển

Chọn loại tài liệu mà bạn muốn in.

1. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [Printer (Máy in)], rồi bấm **OK**.
2. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [Print Settings (Thiết đặt in)], rồi bấm **OK**.
3. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [Graphics (Đồ họa)] hoặc [Text (Văn bản)], rồi chọn tùy chọn bạn muốn.
4. Bấm **Go (Vào)**.



### Thông tin liên quan

- [In](#)
-

## Hủy tác vụ in

Trên bảng điều khiển của máy, bấm và giữ **Go (Vào)** trong khoảng 2 giây để hủy công việc in hiện tại.



Để hủy nhiều tác vụ in, bấm và giữ **Go (Vào)** trong sáu giây.



### Thông tin liên quan

- [In](#)

#### Chủ đề liên quan:

- [Vấn đề khi in](#)

## In thử

Nếu có vấn đề với chất lượng in, hãy làm theo các hướng dẫn sau để in thử:

1. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [Printer (Máy in)], rồi bấm **OK**.
2. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [Print Options (Tùy chọn in)], rồi bấm **OK**.
3. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [Test Print (In thử)], rồi bấm **OK**.
4. Bấm **Go (Vào)**.

Máy sẽ in trang kiểm tra.



### Thông tin liên quan

- [In](#)

#### Chủ đề liên quan:

- [Cải thiện chất lượng in](#)

## Xử lý sự cố

Sử dụng phần này để giải quyết các vấn đề thông thường mà bạn có thể gặp phải khi sử dụng máy. Bạn có thể tự giải quyết hầu hết các vấn đề.

### QUAN TRỌNG

Để được trợ giúp kỹ thuật, bạn phải gọi đến bộ phận dịch vụ khách hàng của Brother hoặc đại lý Brother tại địa phương của bạn.



Nếu bạn cần trợ giúp thêm, hãy truy cập [support.brother.com](http://support.brother.com).

Trước hết, hãy kiểm tra những điều sau đây:

- Dây nguồn của máy được kết nối đúng và nguồn máy đang bật. >> *Hướng dẫn cài đặt nhanh*
- Tất cả các vật liệu bảo vệ đã được tháo ra. >> *Hướng dẫn cài đặt nhanh*
- Giấy được nạp đúng vào khay giấy.
- Cáp giao diện được kết nối chắc chắn với máy và máy tính hoặc kết nối không dây được cài đặt trên cả máy và máy tính của bạn.
- Thông báo lỗi và bảo trì

Nếu bạn không giải quyết được vấn đề bằng các lần kiểm tra, hãy xác định vấn đề rồi >> *Thông tin liên quan*



### Thông tin liên quan


- Thông báo lỗi và bảo trì
- Kẹt giấy
- Vấn đề khi in
- Cải thiện chất lượng in
- Vấn đề về mạng
- Các vấn đề về AirPrint
- Vấn đề khác
- Kiểm tra thông tin của máy
- Cập nhật firmware của máy bạn
- Chức năng đặt lại

## Thông báo lỗi và bảo trì

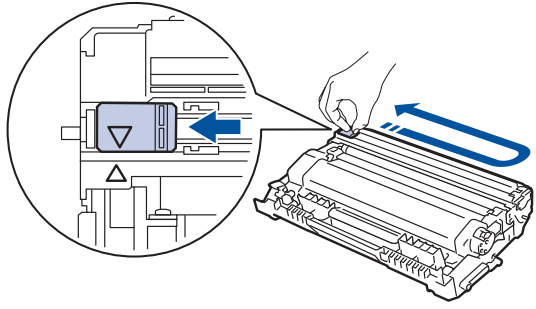
Như với bất kỳ sản phẩm văn phòng phức tạp nào, lỗi có thể xảy ra và vật tư có thể phải thay thế. Nếu điều này xảy ra, máy của bạn sẽ xác định lỗi hoặc bảo trì thường lệ bắt buộc và hiển thị thông báo thích hợp. Các thông báo lỗi và bảo trì thường gặp nhất được trình bày trong bảng sau.


Thực hiện theo hướng dẫn trong cột **Hành động** để xử lý lỗi và loại bỏ thông báo lỗi.

Bạn có thể tự giải quyết hầu hết các lỗi và thực hiện bảo trì thường lệ. Để biết thêm thông tin, truy cập [support.brother.com/faqs](http://support.brother.com/faqs).

Thông báo lỗi	Nguyên nhân	Hành động
2-sided Disabled (Đã vô hiệu 2 mặt)	Nắp lưng của máy không được đóng hoàn toàn.	Đóng nắp lưng của máy cho đến khi nắp khớp vào vị trí đóng.
	Khay in 2 mặt không được lắp vào hoàn toàn.	Lắp đặt chắc chắn khay in 2 mặt vào máy.
Cannot Detect (Không thể phát hiện)	Máy của bạn không thể phát hiện hộp mực.	Tháo cụm hộp mực và bộ trống mực. Tháo hộp mực khỏi bộ trống mực, rồi lắp lại hộp mực vào bộ trống mực.
	Máy của bạn không thể phát hiện bộ trống mực.	Lắp lại cụm hộp mực và bộ trống mực vào máy. ➤➤ <i>Thông tin liên quan: Thay Hộp mực</i>
Cannot Print (Không thể in) ##	Máy có vấn đề về cơ khí.	<ul style="list-style-type: none"> <li>Bấm và giữ  để tắt máy, chờ vài phút, rồi bật lại máy.</li> <li>Nếu vấn đề vẫn tiếp diễn, hãy liên hệ dịch vụ khách hàng Brother hoặc đại lý bán hàng của Brother ở địa phương bạn.</li> </ul>
Cartridge Error (Lỗi hộp mực)	Hộp mực không được lắp đúng.	Tháo cụm hộp mực và bộ trống mực. Lấy hộp mực ra, rồi lắp lại vào bộ trống mực. Lắp lại cụm hộp mực và bộ trống mực vào máy.
Change T1 Paper? (Thay giấy T1?)	Khay giấy chuẩn không được lắp hoặc không được lắp đúng.	Lắp lại khay giấy chuẩn.
Cooling Down (Làm nguội)	Nhiệt độ bên trong máy quá nóng. Máy tạm dừng công việc in hiện tại và đi vào chế độ Làm nguội.	Hãy chờ cho đến khi máy đã hoàn thành làm nguội. Đảm bảo tất cả các cửa thông gió trên máy không có vật cản. Khi đã nguội, máy sẽ khôi phục lại công tác in.
Cover is Open (Nắp đang mở)	Nắp phía trước không được đóng hoàn toàn.	Mở, rồi đóng chặt nắp phía trước của máy.
	Nắp khối sấy không được đóng hoàn toàn.	Đóng nắp bộ sấy mực bên trong nắp lưng của máy.



Thông báo lỗi	Nguyên nhân	Hành động
Drum ! (Trống ! )	Dây corona trên bộ trống mực phải được vệ sinh.	<p>Làm sạch dây corona trên bộ trống mực.</p>  <p>➤➤ <i>Thông tin liên quan: Vệ sinh Dây Corona</i> Nếu vấn đề vẫn tiếp diễn, hãy thay mới bộ trống mực.</p>
	Bộ trống mực hoặc cụm hộp mực và bộ trống mực không được lắp đúng.	Tháo bộ trống mực, tháo hộp mực khỏi bộ trống mực, rồi lắp lại hộp mực vào bộ trống mực. Lắp lại bộ trống mực vào máy.
Drum End Soon (Trống sắp hỏng)	Bộ trống mực gần hết tuổi thọ.	Đặt mua bộ trống mực mới trước khi màn hình LCD hiển thị Replace Drum (Thay trống mực).
Jam 2-sided (Kẹt 2 mặt)	Giấy bị kẹt trong khay giấy 2 mặt hoặc bên trong nắp sau.	Lấy giấy bị kẹt ra khỏi khay giấy 2 mặt hoặc bộ sấy mực.
Jam Inside (Kẹt giấy trong máy)	Giấy bị kẹt bên trong máy.	Mở nắp phía trước, tháo trống mực và mực in, rồi lấy giấy bị kẹt ra.
Jam Rear (Kẹt phía sau máy)	Giấy bị kẹt trong bộ phận phía sau của máy.	Mở nắp khối sấy và lấy toàn bộ giấy kẹt ra. Đóng nắp khối sấy. Nếu vẫn còn thông báo lỗi, bấm <b>Go (Vào)</b> .
Jam Tray 1 (Kẹt khay 1)	Giấy bị kẹt trong khay giấy được chỉ báo.	Kéo khay giấy được chỉ báo trên màn hình LCD ra và loại bỏ toàn bộ giấy kẹt.
Manual Feed (Nạp bằng tay)	<b>Bảng tay</b> được chọn làm nguồn giấy trong trình điều khiển máy in, nhưng không có giấy trong khe nạp bằng tay.	Đưa giấy vào khe nạp bằng tay.
Media Mismatch (Môi trường không phù hợp)	Loại phương tiện được xác định trong trình điều khiển máy in khác với loại giấy được xác định trong menu của máy.	Nạp đúng loại giấy được chỉ báo trên màn hình LCD, rồi chọn đúng loại phương tiện trong phần cài đặt Loại giấy trên máy. Bấm <b>Go (Vào)</b> .
No Drum Unit (Không có Bộ Trống từ)	Bộ trống mực không được lắp đúng.	Lắp lại cụm hộp mực và bộ trống mực. ➤➤ <i>Thông tin liên quan: Thay Bộ trống mực</i>
No Paper (Không có giấy)	Máy hết giấy hoặc giấy không được nạp đúng vào khay giấy.	<ul style="list-style-type: none"> <li>Nạp lại giấy lại vào khay giấy. Đảm bảo thanh dẫn giấy được đặt về đúng khổ giấy.</li> <li>Nếu giấy nằm trong khay, hãy lấy ra và nạp lại. Đảm bảo thanh dẫn giấy được đặt về đúng khổ giấy.</li> <li>Không nạp quá nhiều giấy vào khay.</li> </ul>
No Paper T1 (Không có giấy T1)	Máy không thể nạp giấy từ khay giấy được chỉ báo.	Thực hiện một trong các thao tác sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>Nạp lại giấy vào khay giấy được chỉ báo trên màn hình LCD. Đảm bảo thanh dẫn giấy được đặt về đúng khổ giấy.</li> <li>Nếu giấy nằm trong khay, hãy lấy ra và nạp lại. Đảm bảo thanh dẫn giấy được đặt về đúng khổ giấy.</li> <li>Không nạp quá nhiều giấy vào khay giấy.</li> </ul>

Thông báo lỗi	Nguyên nhân	Hành động
No Toner (Không có hộp mực)	Hộp mực hoặc cụm hộp mực và bộ trống mực không được lắp đúng.	Tháo cụm hộp mực và bộ trống mực. Tháo hộp mực khỏi bộ trống mực, rồi lắp lại hộp mực vào bộ trống mực. Lắp lại cụm hộp mực và bộ trống mực vào máy. Nếu vấn đề vẫn tiếp diễn, hãy thay mới hộp mực. ➤➤ <i>Thông tin liên quan: Thay Hộp mực</i>
Out of Memory (Hết bộ nhớ)	Bộ nhớ của máy đầy.	Bấm và giữ <b>Go (Vào)</b> trong khoảng hai giây và giám độ phân giải in.
Replace Drum (Thay trống)	Đã đến lúc thay bộ trống mực.	Thay bộ trống mực mới vào. ➤➤ <i>Thông tin liên quan: Thay Bộ trống mực</i>
	Nếu thông báo này xuất hiện sau khi thay bộ trống mực, bộ đếm của bộ trống mực chưa được đặt lại.	Đặt lại bộ đếm của bộ trống mực. ➤➤ <i>Thông tin liên quan: Đặt lại Bộ đếm Trống mực</i>
Replace Toner (Thay mực)	Hộp mực hết tuổi thọ.	Thay hộp mực bằng hộp mực mới. ➤➤ <i>Thông tin liên quan: Thay Hộp mực</i>
Self-Diagnostic (Tự chẩn đoán)	Bộ sấy không hoạt động đúng.	Bấm và giữ  để tắt máy, chờ vài giây, rồi bật lại máy. Vẫn để nguồn bật, để máy ở chế độ nghỉ trong 15 phút.
	Bộ sấy mực quá nóng.	
Size Error (Lỗi khổ giấy)	Khay giấy bạn chọn không hỗ trợ khổ giấy được chỉ định trong trình điều khiển máy in.	Thay đổi cài đặt trình điều khiển máy in hoặc cài đặt khay giấy của máy để khổ giấy được chọn trong trình điều khiển máy in phù hợp với khổ giấy được nạp trong khay bạn chọn.
Size Error DX (Lỗi kích thước DX)	Khổ giấy được chỉ định trong cài đặt khổ giấy của máy không phù hợp để in 2 mặt tự động.	Nạp khổ giấy đúng vào khay và thiết đặt khay phù hợp với khổ giấy đó. Chọn khổ giấy phù hợp để in 2 mặt. Bấm <b>Go (Vào)</b> .
	Khổ giấy trong khay không đúng và không thích hợp để in 2 mặt tự động.	Khổ giấy thích hợp để in 2 mặt tự động là A4.
Size Mismatch (Kích thước không trùng khớp)	Khổ giấy trong khay không đúng.	Nạp đúng khổ giấy vào khay được chỉ báo trên màn hình LCD và thiết đặt khổ giấy cho khay. Bấm <b>Go (Vào)</b> .
Toner Low (Hộp mực gần hết tuổi thọ)	Nếu màn hình LCD hiển thị thông báo này, bạn vẫn có thể in. Hộp mực gần hết tuổi thọ.	Hãy đặt hàng hộp mực mới ngay để bạn có sẵn ngay khi màn hình LCD hiển thị <b>Replace Toner (Thay mực)</b> .

## ✓ Thông tin liên quan

- [Xử lý sự cố](#)

### Chủ đề liên quan:

- [Thay thế vật tư](#)
- [Thay Hộp mực](#)
- [Thay Bộ trống mực](#)
- [Đặt lại Bộ đếm Trống mực](#)
- [Vệ sinh Dây Corona](#)

## Kẹt giấy

Luôn lấy giấy còn lại khỏi khay giấy, tải và làm thẳng chông giấy khi bạn thêm giấy mới. Điều này giúp tránh tình trạng kẹt giấy.

- Lấy giấy bị kẹt ra
- Giấy bị kẹt trong khay giấy
- Giấy bị kẹt ở phía sau máy
- Giấy bị kẹt bên trong máy
- Giấy bị kẹt trong khay in 2 mặt

## Lấy giấy bị kẹt ra

Nếu kẹt giấy hoặc lỗi nhiều tờ giấy được nạp cùng nhau xảy ra thường xuyên, hãy thực hiện như sau:

- Vệ sinh trục cuộn lấy giấy và miếng đệm tách biệt các khay giấy.  
➤➤ *Thông tin liên quan: Vệ sinh trục cuộn lấy giấy*
- Nạp giấy vào khay đúng cách.  
➤➤ *Thông tin liên quan: Nạp giấy*
- Thiết đặt khổ giấy và loại giấy chính xác trên máy.  
➤➤ *Thông tin liên quan: Thiết đặt giấy*
- Thiết đặt khổ giấy và loại giấy chính xác trên máy tính.  
➤➤ *Thông tin liên quan: In tài liệu (Windows)*  
➤➤ *Thông tin liên quan: In bằng ứng dụng AirPrint*
- Sử dụng giấy được khuyến dùng.  
➤➤ *Thông tin liên quan: Sử dụng giấy đặc biệt*

### ✓ Thông tin liên quan

- [Kẹt giấy](#)

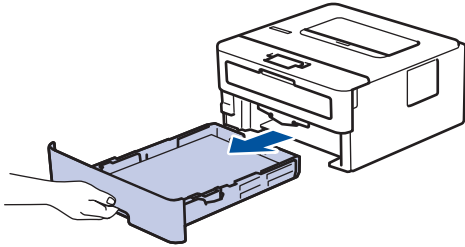
#### Chủ đề liên quan:

- [Vệ sinh trục cuộn lấy giấy](#)
- [Nạp giấy](#)
- [Thiết đặt giấy](#)
- [In tài liệu \(Windows\)](#)
- [Sử dụng giấy đặc biệt](#)

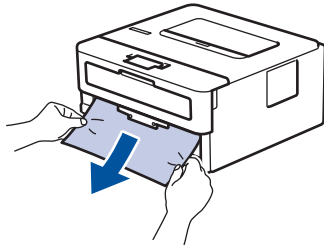
## Giấy bị kẹt trong khay giấy

Nếu bảng điều khiển của máy hoặc Bộ giám sát trạng thái cho biết có giấy bị kẹt trong khay giấy, hãy thực hiện theo các bước sau:

1. Kéo hẳn khay giấy ra khỏi máy.

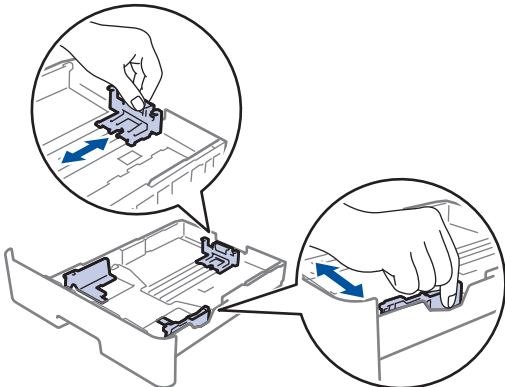


2. Kéo từ từ giấy bị kẹt ra.

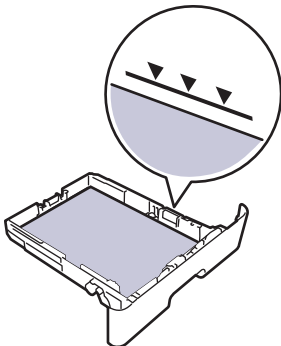


Việc kéo giấy bị kẹt xuống phía dưới bằng cả hai tay cho phép bạn lấy giấy ra dễ dàng hơn.

3. Tải chồng giấy để tránh kẹt giấy thêm nữa và trượt thanh dẫn hướng giấy cho vừa với khổ giấy. Nạp giấy vào khay giấy.



4. Đảm bảo rằng giấy nằm thấp hơn dấu giấy tối đa (▼▼▼).



5. Lắp chắc chắn khay giấy trở lại vào máy.



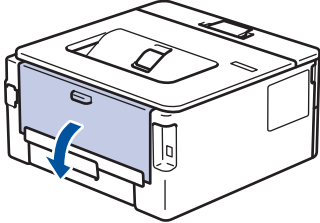
### Thông tin liên quan

- [Kẹt giấy](#)

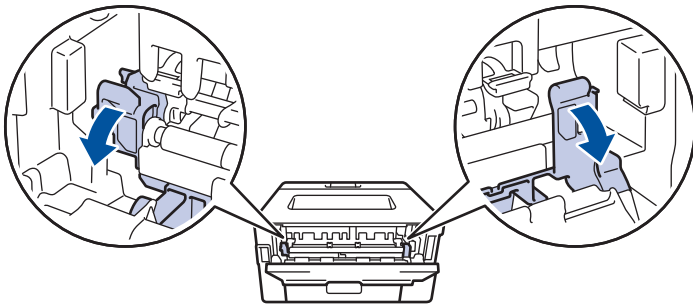
## Giấy bị kẹt ở phía sau máy

Nếu bảng điều khiển của máy hoặc Status Monitor cho biết có giấy kẹt ở phía sau máy (Kẹt giấy phía sau), hãy thực hiện như sau:

1. Để máy bật trong 10 phút để quạt bên trong làm nguội các bộ phận rất nóng bên trong máy.
2. Mở nắp lưng.



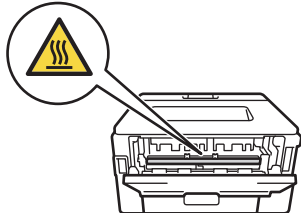
3. Kéo các vấu màu xanh lam bên trái và phải về phía bạn để nhả nắp khối sấy.



### CẢNH BÁO

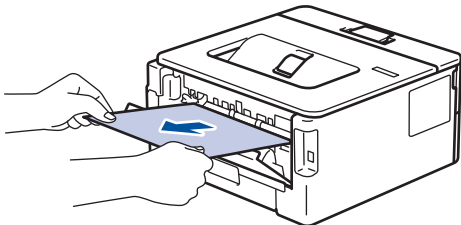
#### BỀ MẶT NÓNG

Các bộ phận bên trong của máy sẽ rất nóng. Chờ cho máy nguội lại trước khi chạm vào các bộ phận này.

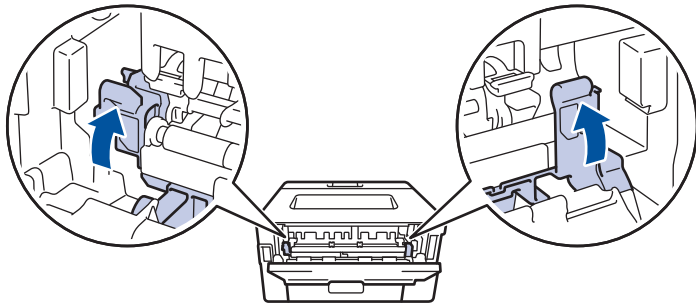


Nếu các cần phong bì màu xanh lá cây bên trong nắp lưng được kéo xuống vị trí phong bì, hãy nâng các cần này lên vị trí ban đầu trước khi kéo các vấu màu xanh lam xuống.

4. Dùng cả hai tay nhẹ nhàng kéo giấy bị kẹt ra khỏi máy.



5. Đóng nắp khối sấy.



Nếu bạn in trên phong bì, hãy kéo các cần phong bì màu xanh lá cây xuống vị trí phong bì lại lần nữa trước khi đóng vỏ mặt sau.

6. Đóng nắp lưng cho đến khi nắp khớp vào vị trí đóng.



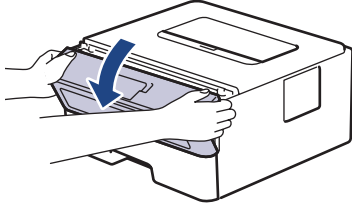
**Thông tin liên quan**

- Kẹt giấy

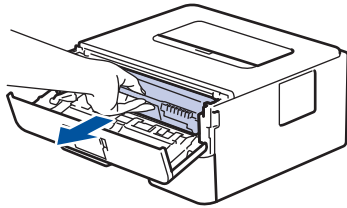
## Giấy bị kẹt bên trong máy

Nếu bảng điều khiển của máy hoặc Bộ giám sát trạng thái cho biết có giấy bị kẹt bên trong máy, hãy thực hiện theo các bước sau:

1. Để máy bật trong 10 phút để quạt bên trong làm nguội các bộ phận rất nóng bên trong máy.
2. Mở nắp phía trước.



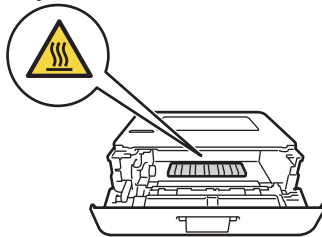
3. Tháo cụm hộp mực và bộ trống mực.



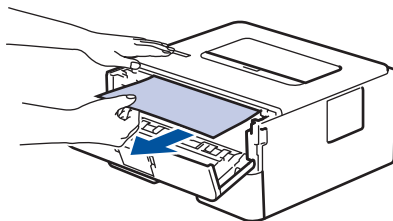
### ⚠ CẢNH BÁO

#### BỀ MẶT NÓNG

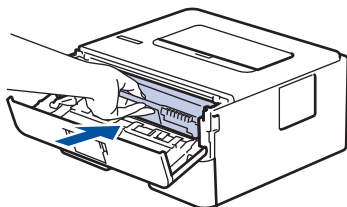
Các bộ phận bên trong của máy sẽ rất nóng. Chờ cho máy nguội lại trước khi chạm vào các bộ phận này.



4. Kéo giấy bị kẹt ra từ từ.



5. Lắp đặt hộp mực và cụm bộ trống mực vào máy.



6. Đóng nắp phía trước.

### ✓ Thông tin liên quan

- Kẹt giấy

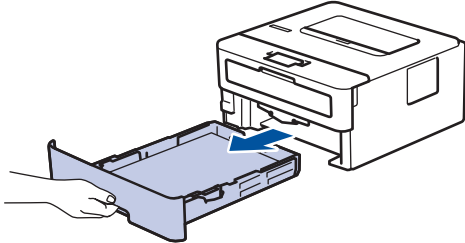


## Giấy bị kẹt trong khay in 2 mặt

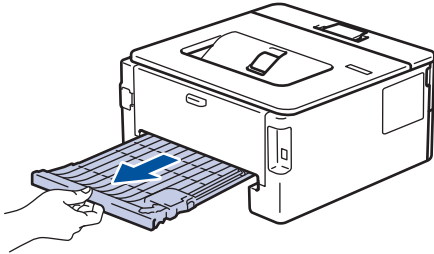
Model: HL-B2100D/HL-B2100DB/HL-B2180DW/HL-B2180DWB/HL-B2181DW

Nếu bảng điều khiển của máy hoặc Bộ giám sát trạng thái cho biết có giấy bị kẹt trong khay in 2 mặt, hãy thực hiện theo các bước sau:

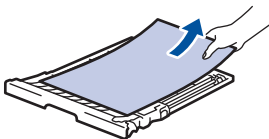
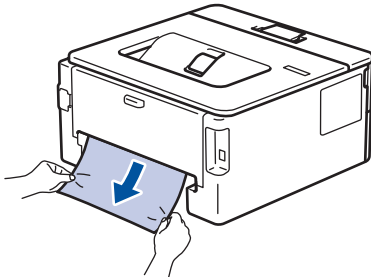
1. Để máy bật trong 10 phút để quạt bên trong làm nguội các bộ phận rất nóng bên trong máy.
2. Kéo hẳn khay giấy ra khỏi máy.



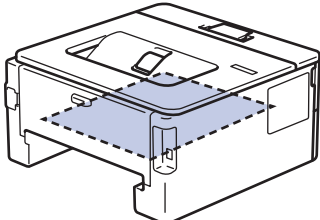
3. Ở phía sau máy, kéo hẳn khay in 2 mặt ra khỏi máy.



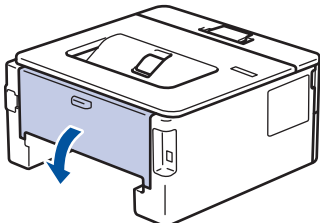
4. Kéo giấy bị kẹt ra khỏi máy hoặc ra khỏi khay in 2 mặt.



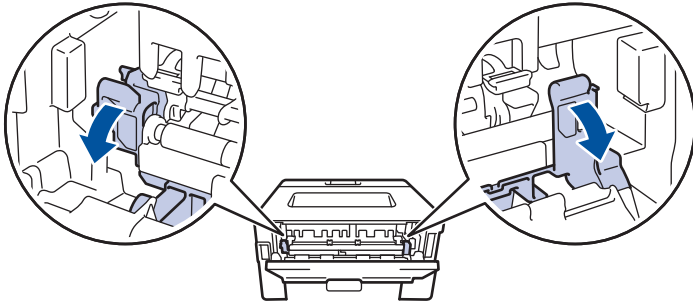
5. Lấy giấy có thể đã kẹt dưới máy do tĩnh điện.



6. Nếu giấy không bị kẹt trong khay in 2 mặt, hãy mở nắp lưng.



7. Kéo các vấu màu xanh lam bên trái và phải về phía bạn để nhả nắp khối sấy.

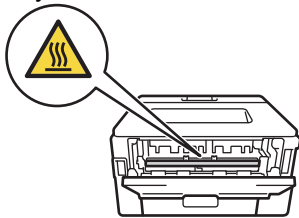


Nếu các cần phong bì màu xanh lá cây bên trong nắp lưng được kéo xuống vị trí phong bì, hãy nâng các cần này lên vị trí ban đầu trước khi kéo các vấu màu xanh lam xuống.

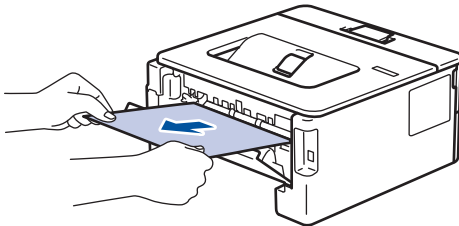
## ⚠ CẢNH BÁO

### BỀ MẶT NÓNG

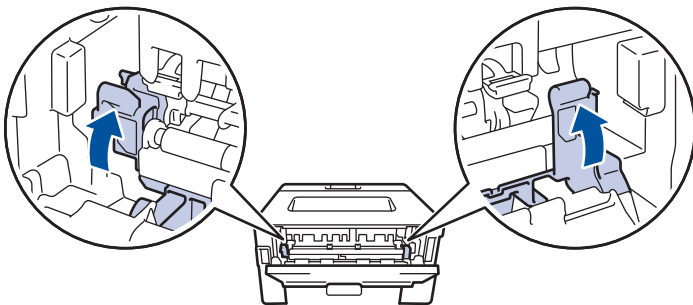
Các bộ phận bên trong của máy sẽ rất nóng. Chờ cho máy nguội lại trước khi chạm vào các bộ phận này.



8. Dùng cả hai tay nhẹ nhàng kéo giấy bị kẹt ra khỏi phần phía sau của máy.



9. Đóng nắp khối sấy.



Nếu bạn in trên phong bì, hãy kéo các cần phong bì màu xanh lá cây xuống vị trí phong bì lại lần nữa trước khi đóng vỏ mặt sau.

10. Đóng nắp lưng đến khi nắp khớp vào vị trí đã đóng.

11. Đẩy mạnh khay in 2 mặt vào phía sau của máy.




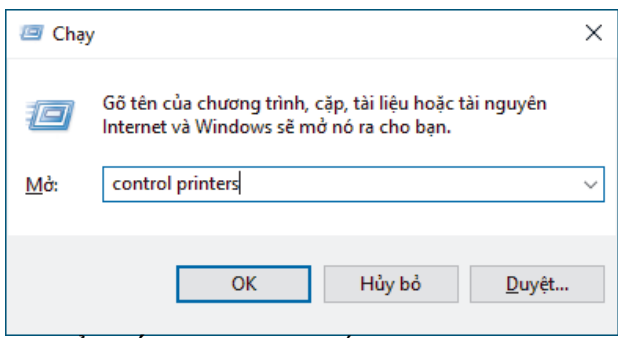

12. Đẩy mạnh khay giấy vào phía trước của máy.

## ✓ Thông tin liên quan

- Kẹt giấy

## Vấn đề khi in

Nếu sau khi đọc thông tin trong bảng này, bạn vẫn cần trợ giúp, hãy xem các gợi ý khắc phục sự cố mới nhất tại [support.brother.com/faqs](http://support.brother.com/faqs).

Khó khăn	Gợi ý
Không có bản in	<p>Đảm bảo rằng máy không ở chế độ Tắt nguồn.</p> <p>Nếu máy ở chế độ Tắt nguồn, bấm , rồi gửi lại dữ liệu in.</p> <p>Kiểm tra xem đã cài đặt và chọn đúng trình điều khiển máy in chưa.</p> <p>Kiểm tra xem Status Monitor hoặc bảng điều khiển của máy có hiển thị lỗi hay không.</p> <p>Kiểm tra máy có đang trực tuyến không:</p> <p>Windows:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Bấm giữ phím  và bấm phím  trên bàn phím của máy tính để khởi chạy <b>Chạy</b>.</li> <li>Nhập "<b>control printers</b>" vào trường <b>Mở:</b> và nhấp vào <b>OK</b>.</li> </ol> <div data-bbox="853 907 1476 1243" style="border: 1px solid #ccc; padding: 5px; margin: 10px 0;">  <p>The screenshot shows a Windows 'Chạy' (Run) dialog box. The title bar says 'Chạy'. Below the title bar, there is a text area with the instruction: 'Gõ tên của chương trình, tệp, tài liệu hoặc tài nguyên Internet và Windows sẽ mở nó ra cho bạn.' Below this is a text input field labeled 'Mở:' containing the text 'control printers'. At the bottom, there are three buttons: 'OK', 'Hủy bỏ', and 'Duyệt...'.</p> </div> <p>Cửa sổ <b>Thiết bị và Máy in</b> xuất hiện.</p> <p> Nếu cửa sổ <b>Thiết bị và Máy in</b> không xuất hiện, hãy nhấp vào <b>Xem thêm thiết bị &gt; Cài thiết bị và cài đặt máy in khác</b>.</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Nhấp chuột phải vào biểu tượng cho model của bạn, rồi nhấp vào <b>Xem đang in gì</b>.</li> <li>Nếu tùy chọn trình điều khiển máy in xuất hiện, hãy chọn trình điều khiển máy in của bạn.</li> <li>Bấm <b>Máy in</b> trong thanh menu và đảm bảo rằng <b>Sử dụng Máy in Gián tuyến</b> không được chọn.</li> </ol> <p>Mac:</p> <p>Nhấp vào menu <b>System Preferences (Tùy chọn hệ thống)</b> hoặc <b>System Settings (Thiết đặt hệ thống)</b>, rồi chọn tùy chọn <b>Printers &amp; Scanners (Máy in &amp; máy quét)</b>. Khi máy ngoại tuyến, hãy xóa máy, rồi thêm lại.</p>
Máy không in hoặc đã dừng in.	Hủy công việc in và xóa công việc khỏi bộ nhớ. Bản in ra có thể không hoàn chỉnh. Gửi lại dữ liệu in.
Các đầu hoặc chân trang xuất hiện khi tài liệu hiển thị trên màn hình nhưng không hiển thị khi in tài liệu.	Có vùng không thể in ở trên cùng và dưới cùng của trang. Điều chỉnh lề trên cùng và dưới cùng trong tài liệu của bạn để cho phép in vùng này.
Máy in không như mong muốn hoặc in văn bản lộn xộn.	Hủy công việc in và xóa công việc khỏi bộ nhớ. Bản in ra có thể không hoàn chỉnh. Gửi lại dữ liệu in.

Khó khăn	Gợi ý
	<p>Kiểm tra thiết đặt trong ứng dụng của bạn để đảm bảo rằng thiết đặt được cài đặt hoạt động với máy của bạn.</p> <p>Xác nhận rằng trình điều khiển máy in Brother được chọn trong cửa sổ In của ứng dụng.</p>
Máy in đúng một vài trang đầu, rồi một vài trang sau bị mất chữ.	<p>Kiểm tra thiết đặt trong ứng dụng của bạn để đảm bảo rằng thiết đặt được cài đặt hoạt động với máy của bạn.</p> <p>Máy của bạn không nhận tất cả dữ liệu đã gửi từ máy tính. Đảm bảo rằng bạn đã kết nối cáp giao diện đúng cách.</p>
Không thể in trên 1 mặt hoặc 2 mặt. (HL-B2100D/HL-B2100DB/HL-B2180DW/HL-B2180DWB/HL-B2181DW)	<p>(Windows) Thay đổi tùy chọn 2 mặt trong trình điều khiển máy in.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Nếu bạn muốn thực hiện thay đổi tạm thời, hãy chọn <b>Không</b> hoặc <b>2 mặt</b> trong trình điều khiển máy in từ ứng dụng của bạn: &gt;&gt; <i>Thông tin liên quan: In tài liệu (Windows)</i></li> <li>Nếu bạn muốn thực hiện thay đổi vĩnh viễn, hãy thay đổi thiết đặt trình điều khiển máy in mặc định: &gt;&gt; <i>Thông tin liên quan: Thay đổi thiết đặt in mặc định (Windows)</i></li> </ul>
Máy không in trên cả hai mặt của giấy mặc dù thiết lập trình điều khiển máy in là 2 mặt và máy hỗ trợ in 2 mặt tự động.	Kiểm tra thiết đặt khổ giấy trong trình điều khiển máy in. Bạn phải chọn giấy A4. Trọng lượng giấy được hỗ trợ là 60 đến 105g/m <sup>2</sup>
Tốc độ in quá chậm.	<p>Giảm độ phân giải trong trình điều khiển máy in.</p> <p>Nếu bạn bật Chế độ im lặng, hãy tắt chế độ này trong trình điều khiển máy in hoặc menu của máy.</p> <p>Khi in liên tục, tốc độ in có thể tự động giảm để hạ nhiệt độ bên trong máy.</p>
Máy không nạp giấy.	<p>Nếu có giấy trong khay giấy, đảm bảo rằng giấy nằm thẳng. Nếu giấy bị quăn, kéo thẳng giấy. Đôi khi bạn nên thử lấy giấy ra, lật ngược chồng giấy, rồi đặt lại vào khay giấy.</p> <p>Tải kỹ chồng giấy và đặt trở lại khay giấy.</p> <p>Giảm lượng giấy trong khay giấy, rồi thử lại.</p> <p>(Dành cho các model có Khe Nạp Thủ công) Đảm bảo rằng <b>Bằng tay</b> không được chọn cho <b>Nguồn Giấy</b> trong trình điều khiển máy in.</p> <p>Vệ sinh trục cuộn lấy giấy.</p>
Máy không nạp giấy từ Khe nạp bằng tay. (Dành cho các model có Khe Nạp Thủ công)	<p>Sử dụng cả hai tay để đẩy chắc chắn một tờ giấy vào khe nạp bằng tay đến khi cạnh giấy trên cùng chạm vào trục lăn nạp giấy. Tiếp tục đẩy giấy chạm vào trục lăn đến khi máy nhận giấy và kéo giấy vào trong sâu hơn.</p> <p>Nạp lần lượt từng tờ giấy vào khe nạp bằng tay.</p> <p>Đảm bảo rằng <b>Bằng tay</b> được chọn cho <b>Nguồn Giấy</b> trong trình điều khiển máy in.</p>
Máy không nạp phong bì.	Nạp lần lượt từng phong bì vào khe nạp bằng tay. Ứng dụng của bạn phải được thiết đặt để in khổ phong bì mà bạn đang sử dụng. Điều này thường được thực hiện trong menu Cài đặt trang hoặc Cài đặt tài liệu trong ứng dụng của bạn.
Vị trí in bị lệch so với đối tượng in sẵn.	Điều chỉnh vị trí in bằng thiết đặt Vị trí in cho từng khay giấy.



## Thông tin liên quan

- Xử lý sự cố



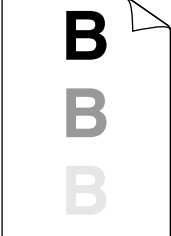
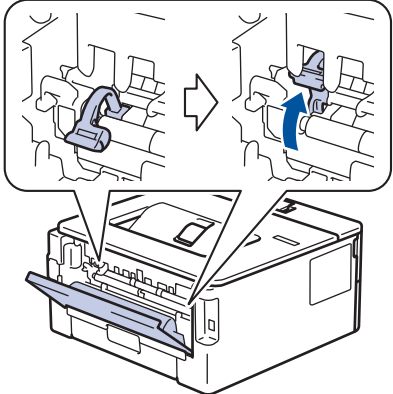
### **Chủ đề liên quan:**



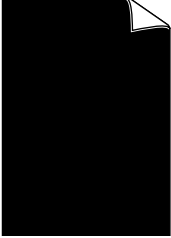

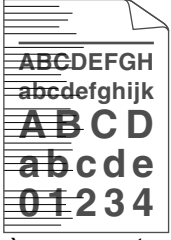
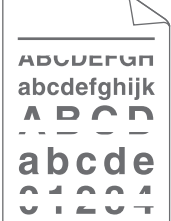
- Giám sát trạng thái máy từ máy tính của bạn (Windows)
- Hủy tác vụ in
- Vệ sinh trục cuộn lấy giấy
- Thay đổi thiết đặt in mặc định (Windows)
- In tài liệu (Windows)

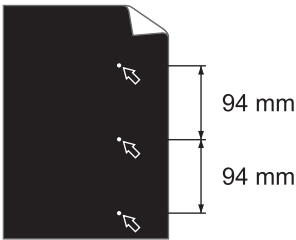
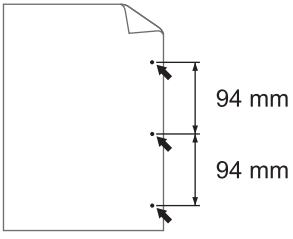
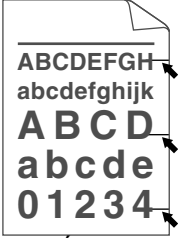
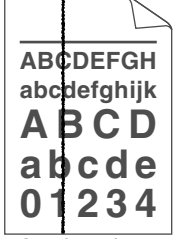

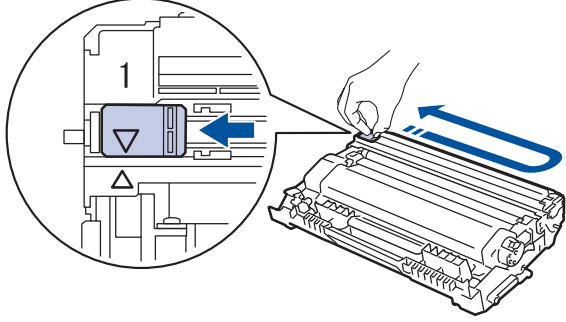
## Cải thiện chất lượng in

Nếu bạn có vấn đề về chất lượng in, hãy in trang kiểm tra trước tiên. Nếu bản in có chất lượng tốt, vấn đề có thể không phải ở máy. Kiểm tra các kết nối cáp giao diện và thử in tài liệu khác. Nếu bản in hoặc trang kiểm tra được in từ máy có vấn đề về chất lượng, hãy xem các ví dụ về chất lượng in xấu và thực hiện theo khuyến nghị trong bảng.

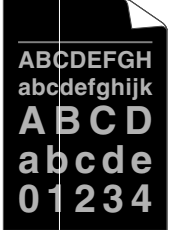

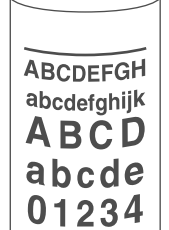
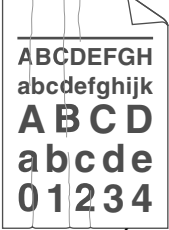
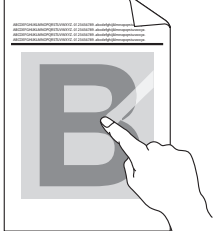
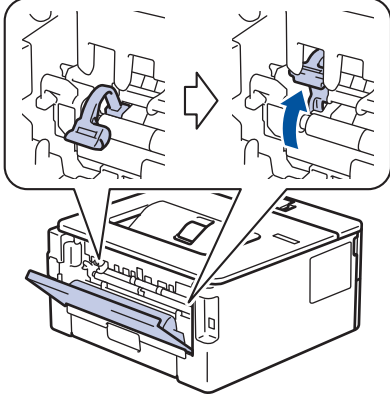
- Để có chất lượng in tốt nhất, chúng tôi khuyên bạn nên sử dụng phương tiện in được khuyến nghị. Đảm bảo bạn sử dụng giấy đáp ứng thông số kỹ thuật của chúng tôi.
- Kiểm tra hộp mực và bộ trống mực có được lắp chính xác không.


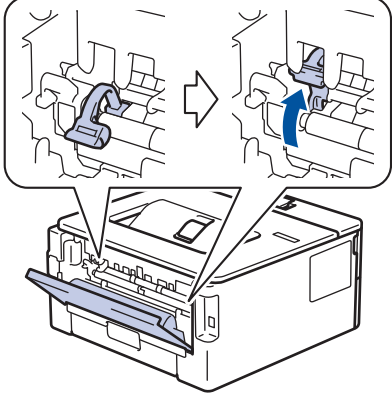
Ví dụ về chất lượng in không tốt	Khuyến nghị
 <p>Mờ</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Nếu máy hiển thị trạng thái Thay mực in, lắp hộp mực mới vào.</li> <li>Kiểm tra môi trường của máy. Các điều kiện như độ ẩm, nhiệt độ cao, v.v... có thể gây ra lỗi in này.</li> <li>Nếu toàn bộ trang giấy quá nhạt, chế độ Tiết kiệm mực in có thể được bật. Tắt chế độ Tiết kiệm mực in trong thiết đặt menu của máy hoặc trình điều khiển máy in.</li> <li>Vệ sinh bộ trống mực.</li> <li>Vệ sinh dây corona trên bộ trống mực.</li> <li>Thay hộp mực mới mới vào.</li> <li>Thay bộ trống mực mới vào.</li> </ul>
 <p>Nền màu xám</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Kiểm tra môi trường của máy. Các điều kiện, như nhiệt độ và độ ẩm cao có thể tăng mức độ đổ bóng của nền.</li> <li>Vệ sinh bộ trống mực.</li> <li>Thay bộ trống mực mới vào.</li> </ul>
 <p>Ảnh tạo bóng mờ</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Kiểm tra môi trường của máy. Các điều kiện, như độ ẩm và nhiệt độ thấp có thể gây ra vấn đề về chất lượng in này.</li> <li>Chọn loại phương tiện phù hợp trong trình điều khiển máy in.</li> <li>Chọn loại phương tiện thích hợp từ các tùy chọn loại giấy trên máy của bạn.</li> <li>Đảm bảo hai cần màu xanh lá cây bên trong nắp lưng nằm ở vị trí trên. Kéo hai cần màu xanh lá cây lên cho đến khi chúng dừng lại.</li> </ul>  <ul style="list-style-type: none"> <li>Vệ sinh bộ trống mực.</li> <li>Thay bộ trống mực mới vào.</li> </ul>

Ví dụ về chất lượng in không tốt	Khuyến nghị
	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Thay hộp mực mới mới vào.</li> <li>• Bộ sấy mực có thể bị bẩn. Liên hệ Dịch vụ khách hàng của Brother theo số:</li> </ul>
 <p>Các đốm mực nhỏ</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Đảm bảo thiết đặt loại phương tiện trong trình điều khiển khớp với loại giấy bạn đang sử dụng.</li> <li>• Vệ sinh bộ trống mực.</li> <li>• Hộp mực có thể bị hỏng. Thay hộp mực mới mới vào.</li> <li>• Bộ trống mực có thể bị hỏng. Thay bộ trống mực mới vào.</li> <li>• Bộ sấy mực có thể bị bẩn. Liên hệ Dịch vụ khách hàng của Brother theo số:</li> </ul>
 <p>Chữ in có lỗ</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Chọn chế độ <b>Giấy dày</b> trong trình điều khiển máy in hoặc sử dụng giấy mỏng hơn bạn hiện đang sử dụng.</li> <li>• Chọn loại phương tiện thích hợp từ các tùy chọn loại giấy trên máy của bạn.</li> <li>• Kiểm tra môi trường của máy. Các điều kiện, như độ ẩm cao có thể khiến chữ in có lỗ.</li> <li>• Bộ trống mực có thể bị hỏng. Thay bộ trống mực mới vào.</li> </ul>
 <p>Đen toàn bộ</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Vệ sinh dây corona bên trong bộ trống mực.</li> <li>• Bộ trống mực có thể bị hỏng. Thay bộ trống mực mới vào.</li> </ul>
 <p>Các đường màu trắng ngang trang giấy</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Chọn loại phương tiện phù hợp trong trình điều khiển máy in.</li> <li>• Chọn loại phương tiện thích hợp từ các tùy chọn loại giấy trên máy của bạn.</li> <li>• Vấn đề có thể tự biến mất. In một vài trang trắng để giải quyết vấn đề này, đặc biệt nếu máy không được sử dụng trong thời gian dài.</li> <li>• Vệ sinh bộ trống mực.</li> <li>• Bộ trống mực có thể bị hỏng. Thay bộ trống mực mới vào.</li> </ul>
 <p>Các đường ngang trang giấy</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Vệ sinh bộ trống mực.</li> <li>• Bộ trống mực có thể bị hỏng. Thay bộ trống mực mới vào.</li> </ul>
	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Kiểm tra môi trường của máy. Các điều kiện, như độ ẩm và nhiệt độ cao có thể gây ra vấn đề về chất lượng in này.</li> <li>• Vệ sinh bộ trống mực.</li> <li>• Nếu vấn đề không được giải quyết sau khi một vài trang, thay bộ trống mực mới.</li> </ul>

Ví dụ về chất lượng in không tốt	Khuyến nghị
<p data-bbox="172 170 778 230">Các đường, dải hoặc gân sọc màu trắng ngang trang giấy</p>  <p data-bbox="167 488 783 548">Đốm trắng trên văn bản và đồ họa đen cách quãng 94 mm</p>  <p data-bbox="309 792 641 824">Đốm đen cách quãng 94 mm</p>	<ul data-bbox="818 241 1449 488" style="list-style-type: none"> <li>Nếu vấn đề không được giải quyết sau khi in trang trắng, bộ trống mực có thể có vật lạ, chẳng hạn như keo từ nhãn, kẹt trên trống mực. Vệ sinh bộ trống mực.  <b>&gt;&gt; Thông tin liên quan: Vệ sinh Bộ trống mực</b></li> <li>Bộ trống mực có thể bị hỏng. Thay bộ trống mực mới vào.</li> </ul>
 <p data-bbox="279 1079 671 1111">Mực đen tạo dấu ngang trang giấy</p>	<ul data-bbox="818 842 1474 1256" style="list-style-type: none"> <li>Nếu bạn sử dụng tờ giấy nhãn cho máy in laser, keo từ các tờ giấy đôi khi có thể dính vào bề mặt trống. Vệ sinh bộ trống mực.  <b>&gt;&gt; Thông tin liên quan: Vệ sinh Bộ trống mực</b></li> <li>Nếu bạn sử dụng giấy có kẹp hoặc dập ghim, bộ trống mực có thể bị hỏng.</li> <li>Nếu ánh sáng mặt trời trực tiếp rọi vào bộ trống mực không được đóng gói (hoặc ánh sáng phòng trong thời gian dài), bộ trống mực có thể bị hỏng.</li> <li>Vệ sinh bộ trống mực.</li> <li>Bộ trống mực có thể bị hỏng. Thay bộ trống mực mới vào.</li> </ul>
 <p data-bbox="279 1516 671 1576">Đường màu đen dọc trang giấy Trang in bị rầy mực dọc trang giấy</p>	<ul data-bbox="818 1279 1417 1339" style="list-style-type: none"> <li>Vệ sinh dây corona bên trong bộ trống mực bằng cách trượt vấu màu xanh lá cây.</li> </ul> <p data-bbox="852 1361 1437 1435"> Đảm bảo vấu màu xanh lá cây của dây corona nằm ở vị trí ban đầu (1).</p>  <ul data-bbox="818 1787 1417 1928" style="list-style-type: none"> <li>Bộ trống mực có thể bị hỏng. Thay bộ trống mực mới vào.</li> <li>Bộ sấy mực có thể bị bẩn. Liên hệ Dịch vụ khách hàng của Brother theo số:</li> </ul>



Ví dụ về chất lượng in không tốt	Khuyến nghị
 <p data-bbox="268 398 687 432">Các đường màu trắng dọc trang giấy</p>	<ul data-bbox="818 170 1457 338" style="list-style-type: none"> <li>• Đảm bảo không có vật lạ, chẳng hạn như mẫu giấy rách, giấy dính ghi chú hoặc bụi bẩn, ở trong máy và quanh hộp mực và bộ trống mực.</li> <li>• Bộ trống mực có thể bị hỏng. Thay bộ trống mực mới vào.</li> </ul>
 <p data-bbox="384 678 568 712">Hình ảnh bị lệch</p>	<ul data-bbox="818 450 1457 853" style="list-style-type: none"> <li>• Đảm bảo giấy hoặc phương tiện in khác được nạp chính xác trong khay giấy và thanh dẫn giấy không tỳ quá chặt hoặc quá lỏng vào chông giấy.</li> <li>• Đặt thanh dẫn giấy chính xác.</li> <li>• Khay giấy có thể quá đầy.</li> <li>• Kiểm tra loại giấy và chất lượng giấy.</li> <li>• Kiểm tra xem có vật rời ra, như giấy rách bên trong máy.</li> <li>• Nếu sự cố chỉ xảy ra trong khi in 2 mặt tự động, hãy kiểm tra giấy rách trong khay 2 mặt. Xác minh khay 2 mặt được chèn hoàn toàn và nắp lưng được đóng hoàn toàn.</li> </ul>
 <p data-bbox="331 1115 619 1149">Ảnh quăn hoặc gợn sóng</p>	<ul data-bbox="818 875 1457 1234" style="list-style-type: none"> <li>• Kiểm tra loại giấy và chất lượng giấy. Nhiệt độ và độ ẩm cao có thể khiến giấy bị quăn.</li> <li>• Nếu bạn không sử dụng máy thường xuyên, giấy có thể nằm trong khay giấy quá lâu. Lật ngược chông giấy trong khay giấy. Ngoài ra, tải chông giấy, rồi xoay giấy 180° trong khay giấy.</li> <li>• Mở nắp lưng (khay đầu ra hướng lên) để cho phép trang đã in chạy ra trên khay đầu ra hướng lên.</li> <li>• Chọn chế độ <b>Giảm thiểu Quăn Giấy</b> trong trình điều khiển máy in khi bạn không sử dụng phương tiện in được chúng tôi khuyến nghị.</li> </ul>
 <p data-bbox="363 1485 587 1518">Nhăn hoặc gấp nếp</p>	<ul data-bbox="818 1256 1457 1391" style="list-style-type: none"> <li>• Đảm bảo giấy được nạp đúng cách.</li> <li>• Kiểm tra loại giấy và chất lượng giấy.</li> <li>• Lật ngược chông giấy trong khay hoặc xoay giấy 180° trong khay giấy.</li> </ul>
 <p data-bbox="336 1765 616 1798">Khả năng hiện mực kém</p>	<ul data-bbox="818 1536 1457 1626" style="list-style-type: none"> <li>• Đảm bảo hai cần màu xanh lá cây bên trong nắp lưng nằm ở vị trí trên. Kéo hai cần màu xanh lá cây lên cho đến khi chúng dừng lại.</li> </ul>  <ul data-bbox="818 2040 1457 2096" style="list-style-type: none"> <li>• Đảm bảo thiết đặt loại phương tiện trong trình điều khiển máy in khớp với loại giấy bạn đang sử dụng.</li> </ul>

Ví dụ về chất lượng in không tốt	Khuyến nghị
	<ul style="list-style-type: none"> <li>Chọn chế độ <b>Cải thiện khả năng hiện mực</b> trong trình điều khiển máy in.</li> </ul> <p>Nếu lựa chọn này không cho thấy cải thiện rõ rệt, hãy thay đổi thiết đặt trình điều khiển máy in trong <b>Loại vật liệu in</b> thành thiết đặt dày. Nếu bạn đang in phong bì, hãy chọn <b>Bao thư Dày</b> trong thiết đặt loại phương tiện.</p>
 <p>Phong bì gấp nếp</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Đảm bảo hai cần màu xanh lá cây bên trong nắp lưng được kéo xuống đến vị trí của phong bì khi bạn in phong bì. Sau khi bạn in xong, đặt lại các cần về vị trí ban đầu. Kéo các cần lên cho đến khi chúng dừng lại.</li> </ul>  <ul style="list-style-type: none"> <li>Đảm bảo phong bì được in với nắp lưng (khay đầu ra hướng lên) mở.</li> <li>(Dành cho các model có Khe Nạp Thủ công) Đảm bảo phong bì chỉ được nạp từ khe nạp bằng tay.</li> </ul>

## ✓ Thông tin liên quan

- [Xử lý sự cố](#)

### Chủ đề liên quan:

- [In thử](#)
- [Vệ sinh Bộ trống mực](#)
- [Giảm mức tiêu thụ mực](#)
- [Thay Hộp mực](#)
- [Thay Bộ trống mực](#)

## Vấn đề về mạng

**Model:** HL-B2150W/HL-B2180DW/HL-B2180DWB/HL-B2181DW

- [Thông báo lỗi](#)
- [Sử dụng Công cụ sửa chữa kết nối mạng \(Windows\)](#)
- [Nếu bạn đang gặp vấn đề với mạng của máy](#)

## Thông báo lỗi

**Model:** HL-B2150W/HL-B2180DW/HL-B2180DWB/HL-B2181DW

Thông báo lỗi thường gặp nhất được trình bày trong bảng.

Thông báo lỗi	Nguyên nhân	Hành động
Maximum limit of connected devices has been reached. (Đã đạt đến giới hạn thiết bị được kết nối tối đa.)	Bốn thiết bị di động đã kết nối với mạng Wi-Fi Direct khi máy Brother là Chủ sở hữu nhóm.	Sau khi tắt kết nối hiện tại giữa máy Brother và thiết bị di động khác, hãy thử cấu hình lại cài đặt Wi-Fi Direct. Bạn có thể xác nhận trạng thái kết nối bằng cách in Báo cáo cấu hình mạng.
Connection Error (Lỗi kết nối)	Các thiết bị khác cũng đang cố kết nối với mạng Wi-Fi Direct.	Đảm bảo không có thiết bị khác nào cố kết nối với mạng Wi-Fi Direct, rồi thử cấu hình lại thiết đặt Wi-Fi Direct.
Connection Fail (Kết nối không thành công)	Máy Brother và thiết bị di động không thể giao tiếp trong cấu hình mạng Wi-Fi Direct.	<ul style="list-style-type: none"><li>Chuyển thiết bị di động gần hơn đến máy Brother.</li><li>Chuyển máy Brother và thiết bị di động đến khu vực không có vật cản trở.</li><li>Nếu bạn đang sử dụng Phương pháp mã PIN của WPS, đảm bảo bạn đã nhập đúng mã PIN.</li></ul>
No Device (Không có thiết bị)	Khi cấu hình mạng Wi-Fi Direct, máy Brother không thể tìm thấy thiết bị di động.	<ul style="list-style-type: none"><li>Đảm bảo máy và thiết bị di động của bạn ở chế độ Wi-Fi Direct.</li><li>Chuyển thiết bị di động gần hơn đến máy Brother.</li><li>Chuyển máy Brother và thiết bị di động đến khu vực không có vật cản trở.</li><li>Nếu bạn đang cấu hình bằng tay mạng Wi-Fi Direct, đảm bảo bạn đã nhập đúng mật khẩu.</li><li>Nếu thiết bị di động của bạn có trang cấu hình để lấy địa chỉ IP, đảm bảo địa chỉ IP của thiết bị di động đã được cấu hình qua DHCP.</li></ul>



### Thông tin liên quan


- [Vấn đề về mạng](#)

## Sử dụng Công cụ sửa chữa kết nối mạng (Windows)

**Model:** HL-B2150W/HL-B2180DW/HL-B2180DWB/HL-B2181DW

Sử dụng Công cụ sửa chữa kết nối mạng để sửa chữa thiết đặt mạng của máy Brother. Công cụ này sẽ cấp địa chỉ IP và Mặt nạ mạng con đúng.

Đảm bảo máy đang bật và kết nối vào cùng mạng với máy tính của bạn.

1. Khởi chạy  (**Brother Utilities**), rồi nhấp vào danh sách thả xuống và chọn tên dòng máy của bạn (nếu chưa được chọn).
2. Bấm **Công cụ** trong thanh điều hướng bên trái, rồi bấm **Công cụ Sửa chữa Kết nối Mạng**.
3. Làm theo hướng dẫn trên màn hình.
4. Kiểm tra chẩn đoán bằng cách in Báo cáo cấu hình mạng hoặc trang thiết đặt máy in.



Công cụ sửa chữa kết nối mạng sẽ tự động bắt đầu nếu bạn chọn tùy chọn **Kích hoạt Công cụ Sửa chữa Kết nối** trong Status Monitor. Bấm chuột phải vào màn hình Status Monitor, rồi bấm **Thiết lập Khác > Kích hoạt Công cụ Sửa chữa Kết nối**. Chúng tôi không khuyến nghị điều này khi người quản trị mạng của bạn đã thiết đặt địa chỉ IP thành Tĩnh, vì điều này sẽ tự động thay đổi địa chỉ IP.

Nếu địa chỉ IP chính xác và Mặt nạ mạng con vẫn chưa được gán ngay cả khi bạn đã dùng Công cụ sửa chữa kết nối mạng, hãy hỏi quản trị viên mạng của bạn để biết thông tin này.



### Thông tin liên quan

- [Vấn đề về mạng](#)

#### Chủ đề liên quan:

- [Máy của tôi không thể in qua mạng](#)
- [Tôi muốn kiểm tra xem thiết bị mạng của mình có đang hoạt động chính xác không.](#)

## Nếu bạn đang gặp vấn đề với mạng của máy

Nếu bạn cho rằng có vấn đề với môi trường mạng của máy, hãy xem thử các chủ đề sau. Bạn có thể tự giải quyết hầu hết các vấn đề.

Nếu bạn cần trợ giúp thêm, hãy truy cập [support.brother.com/faqs](https://support.brother.com/faqs).

- Tôi không thể hoàn tất việc cấu hình cài đặt mạng không dây
- Máy của tôi không thể in qua mạng
- Tôi muốn kiểm tra xem thiết bị mạng của mình có đang hoạt động chính xác không.

## Tôi không thể hoàn tất việc cấu hình cài đặt mạng không dây

**Model:** HL-B2150W/HL-B2180DW/HL-B2180DWB/HL-B2181DW

Tắt bộ định tuyến không dây của bạn và bật lại. Sau đó, thử cấu hình lại các thiết đặt không dây. Nếu bạn không thể giải quyết được vấn đề, hãy làm theo hướng dẫn sau:

Điều tra vấn đề bằng cách sử dụng Báo cáo WLAN.

Nguyên nhân	Hành động	Giao diện
Thiết đặt bảo mật của bạn (SSID/Khóa mạng) không chính xác.	Xác nhận các thiết đặt bảo mật bằng <b>Wireless Setup Helper (Trình trợ giúp cài đặt không dây)</b> (Windows). Để biết thêm thông tin và tải xuống tiện ích này, hãy truy cập trang <b>Downloads</b> cho model của bạn tại <a href="http://support.brother.com/downloads">support.brother.com/downloads</a> . Chọn và xác nhận rằng bạn đang sử dụng thiết đặt bảo mật chính xác. - Xem hướng dẫn đi kèm với điểm truy cập/bộ định tuyến LAN không dây của bạn để biết thông tin về cách tìm thiết đặt bảo mật. - Tên nhà sản xuất hoặc số model của điểm truy cập/bộ định tuyến LAN không dây có thể được sử dụng làm thiết đặt bảo mật mặc định. - Tham khảo ý kiến của nhà sản xuất điểm truy cập/bộ định tuyến, nhà cung cấp Internet hoặc người quản trị mạng của bạn.	Không dây
Địa chỉ MAC của máy Brother không được cho phép.	Xác nhận rằng Địa chỉ MAC của máy Brother được cho phép trong bộ lọc. Bạn có thể tìm thấy Địa chỉ MAC trên bảng điều khiển của máy Brother.	Không dây
Điểm truy cập/bộ định tuyến LAN không dây của bạn đang ở chế độ tàng hình (không truyền phát SSID).	<ul style="list-style-type: none"> <li>Nhập bằng tay SSID hoặc Khóa mạng chính xác.</li> <li>Kiểm tra SSID hoặc Khóa mạng trong hướng dẫn đi kèm với điểm truy cập/bộ định tuyến LAN không dây của bạn và cấu hình lại cài đặt mạng không dây.</li> </ul>	Không dây
Máy của bạn đang cố gắng kết nối với mạng Wi-Fi 5 GHz. Kênh hiện tại được thiết đặt trên điểm truy cập/bộ định tuyến mạng LAN không dây của bạn không được hỗ trợ. (Chỉ những quốc gia hỗ trợ Wi-Fi 5 GHz)	Thay đổi kênh trên điểm truy cập/bộ định tuyến mạng LAN không dây của bạn thành kênh được máy của bạn hỗ trợ. <ol style="list-style-type: none"> <li>Xác nhận các kênh được máy của bạn hỗ trợ. Truy cập <a href="http://support.brother.com/g/d/a5m6/">support.brother.com/g/d/a5m6/</a>, chọn model của bạn để biết thêm thông tin.</li> <li>Kiểm tra thiết đặt kênh của điểm truy cập/bộ định tuyến mạng LAN không dây của bạn. Đảm bảo rằng thiết đặt này được đặt thành một trong các kênh được máy của bạn hỗ trợ và không thiết đặt thành "T.động" hoặc "Tự động". Để biết thêm thông tin về cách thay đổi thiết đặt kênh, hãy xem các hướng dẫn được cung cấp kèm theo điểm truy cập/bộ định tuyến LAN không dây của bạn.</li> <li>Hãy thử kết nối lại máy của bạn với mạng Wi-Fi.</li> </ol>	Không dây
Thiết đặt bảo mật của bạn (SSID/mật khẩu) không chính xác.	Xác nhận SSID và mật khẩu. Khi bạn đang cấu hình mạng bằng tay, SSID và mật khẩu được hiển thị trên máy Brother của bạn. Nếu thiết bị di động của bạn hỗ trợ cấu hình bằng tay, SSID và mật khẩu sẽ được hiển thị trên màn hình thiết bị di động của bạn.	Wi-Fi Direct
Bạn đang sử dụng Android™ 4.0.	Nếu thiết bị di động của bạn ngắt kết nối (khoảng sáu phút sau khi sử dụng Wi-Fi Direct), hãy thử cấu hình một lần bấm bằng WPS (được khuyến nghị) và thiết đặt máy Brother làm Chủ sở hữu nhóm.	Wi-Fi Direct

Nguyên nhân	Hành động	Giao diện
Máy Brother của bạn được đặt quá xa so với thiết bị di động.	Di chuyển máy Brother đến gần thiết bị di động trong phạm vi khoảng 1 mét khi bạn cấu hình thiết đặt mạng Wi-Fi Direct.	Wi-Fi Direct
Có một số chướng ngại vật (ví dụ như tường hoặc đồ đạc) giữa máy của bạn và thiết bị di động.	Di chuyển máy Brother đến khu vực không có chướng ngại vật.	Wi-Fi Direct
Có máy tính không dây, thiết bị hỗ trợ Bluetooth®, lò vi sóng hoặc điện thoại không dây kỹ thuật số ở gần máy Brother hoặc thiết bị di động của bạn.	Di chuyển các thiết bị khác ra xa khỏi máy Brother hoặc thiết bị di động.	Wi-Fi Direct
Bạn đã kiểm tra và thử tắt cả các cách trên nhưng máy Brother của bạn vẫn không thể hoàn tất việc cấu hình Wi-Fi Direct.	<ul style="list-style-type: none"> <li>Tắt máy Brother của bạn và bật lại. Sau đó, thử cấu hình lại thiết đặt Wi-Fi Direct.</li> <li>Nếu bạn đang sử dụng máy Brother làm máy khách, hãy xác nhận có bao nhiêu thiết bị được cho phép trong mạng Wi-Fi Direct hiện tại, rồi kiểm tra xem bao nhiêu thiết bị được kết nối.</li> </ul>	Wi-Fi Direct

### Đối với Windows

Nếu kết nối không dây của bạn đã bị ngắt và bạn đã kiểm tra và thử tắt cả các cách trên, chúng tôi khuyến nghị sử dụng Công cụ sửa chữa kết nối mạng.






### Thông tin liên quan

- Nếu bạn đang gặp vấn đề với mạng của máy



## Máy của tôi không thể in qua mạng

Model: HL-B2150W/HL-B2180DW/HL-B2180DWB/HL-B2181DW

Nguyên nhân	Hành động
Máy bạn ngắt kết nối khỏi mạng không dây.	HL-B2150W/HL-B2180DW/HL-B2180DWB/HL-B2181DW 1. Bấm <b>Wi-Fi</b> . 2. Bấm <b>▲</b> hoặc <b>▼</b> để chọn tùy chọn <b>Recover WLAN</b> (Khôi phục WLAN), rồi bấm <b>OK</b> . 3. Khi thiết bị không dây của bạn kết nối thành công, máy sẽ hiển thị <b>Connected</b> (Đã kết nối).
Phần mềm bảo mật của bạn chặn máy của bạn truy cập vào mạng.	Một số phần mềm bảo mật có thể chặn truy cập mà không hiển thị hộp thoại thông báo bảo mật ngay cả sau khi đã cài đặt thành công. Để cho phép truy cập, xem hướng dẫn dành cho phần mềm bảo mật của bạn hoặc hỏi nhà sản xuất phần mềm.
Máy Brother của bạn không được gán địa chỉ IP có sẵn.	<ul style="list-style-type: none"><li>Xác nhận địa chỉ IP và Mật mã mạng con. Xác nhận rằng cả địa chỉ IP và Mật mã mạng con của máy tính và máy Brother của bạn là chính xác và nằm trên cùng một mạng. Để biết thêm thông tin về cách xác nhận địa chỉ IP và Mật mã mạng con, hỏi người quản trị mạng của bạn.</li><li>Windows Xác nhận địa chỉ IP và Mật mã mạng con bằng cách sử dụng Công cụ sửa chữa kết nối mạng.</li></ul>
Công việc in thất bại vẫn còn nằm trong hàng đợi in của máy tính.	<ul style="list-style-type: none"><li>Nếu công việc in thất bại vẫn còn nằm trong hàng đợi in của máy tính của bạn, hãy xóa công việc đó.</li><li>Nếu không, hãy chọn biểu tượng máy in trong thư mục sau và hủy bỏ tất cả các tài liệu: (Windows) 1. Bấm giữ phím  và bấm phím  trên bàn phím của máy tính để khởi chạy <b>Chạy</b>. 2. Nhập "<b>control printers</b>" vào trường <b>Mở:</b> và nhấp vào <b>OK</b>.</li></ul> <div data-bbox="603 1402 1390 1821" data-label="Image"></div> <p>Cửa sổ <b>Thiết bị và Máy in</b> xuất hiện.</p> <p> Nếu cửa sổ <b>Thiết bị và Máy in</b> không xuất hiện, hãy nhấp vào <b>Xem thêm thiết bị &gt; Cài thiết bị và cài đặt máy in khác</b>.</p> <p>Mac: Nhấp vào <b>System Settings (Thiết đặt hệ thống) &gt; Printers &amp; Scanners (Máy in &amp; máy quét)</b> hoặc <b>System Preferences (Tùy chọn hệ thống) &gt; Printers &amp; Scanners (Máy in &amp; máy quét)</b>.</p>

---

Nguyên nhân	Hành động
Máy của bạn không được kết nối với mạng không dây.	In Báo cáo WLAN để kiểm tra mã lỗi trên báo cáo đã in. ➤➤ <i>Thông tin liên quan: In Báo cáo WLAN</i>

Nếu bạn đã kiểm tra và thử tất cả các cách trên nhưng máy của bạn vẫn không thể in, hãy gỡ cài đặt rồi cài đặt lại trình điều khiển (Windows).



### Thông tin liên quan

- Nếu bạn đang gặp vấn đề với mạng của máy

#### Chủ đề liên quan:

- Sử dụng Công cụ sửa chữa kết nối mạng (Windows)
  - Tôi muốn kiểm tra xem thiết bị mạng của mình có đang hoạt động chính xác không.
-

Trang chủ > Xử lý sự cố > Vấn đề về mạng > Nếu bạn đang gặp vấn đề với mạng của máy > Tôi muốn kiểm tra xem thiết bị mạng của mình có đang hoạt động chính xác không.

## Tôi muốn kiểm tra xem thiết bị mạng của mình có đang hoạt động chính xác không.

Model: HL-B2150W/HL-B2180DW/HL-B2180DWB/HL-B2181DW

Kiểm tra	Hành động
Kiểm tra xem máy Brother, điểm truy cập/bộ định tuyến hoặc bộ chia cổng mạng của bạn có được bật không.	<b>Kiểm tra như sau:</b> <ul style="list-style-type: none"><li>Dây nguồn được kết nối đúng cách và máy Brother được bật.</li><li>Điểm truy cập/bộ định tuyến hoặc bộ chia cổng được bật và đèn LED liên kết của nó đang nhấp nháy.</li><li>Đã tháo hết bao bì bảo vệ khỏi máy.</li><li>Cụm hộp mực và bộ trống mực được lắp đặt đúng cách.</li><li>Nắp của máy đã được đóng hoàn toàn.</li><li>Giấy được nạp đúng vào khay giấy.</li><li>(Đối với mạng có dây) Cáp mạng được kết nối chắc chắn với máy Brother và với bộ định tuyến hoặc bộ chia cổng.</li></ul>
Kiểm tra <b>Link Status</b> trong Báo cáo cấu hình mạng hoặc trang Thiết đặt máy in.	In Báo cáo cấu hình mạng và kiểm tra xem <b>Ethernet Link Status</b> hoặc <b>Wireless Link Status</b> có là <b>Link OK</b> không.
Kiểm tra xem bạn có thể “kiểm tra kết nối” máy Brother từ máy tính của mình hay không.	Kiểm tra kết nối máy Brother từ máy tính bằng cách sử dụng địa chỉ IP hoặc tên nút trong cửa sổ nhắc lệnh Windows hoặc ứng dụng Mac Terminal: kiểm tra kết nối <ipaddress> hoặc <nodename>. <ul style="list-style-type: none"><li>Thành công: Máy Brother của bạn đang hoạt động chính xác và được kết nối vào cùng mạng với máy tính.</li><li>Không thành công: Máy Brother của bạn không được kết nối vào cùng mạng với máy tính của bạn.</li></ul> Windows: Hỏi quản trị viên của bạn về địa chỉ IP và mật mã mạng con, sau đó sử dụng Công cụ sửa chữa kết nối mạng. Mac: Xác nhận rằng địa chỉ IP và Mật mã mạng con được thiết đặt chính xác.
Kiểm tra xem máy Brother của bạn có được kết nối với mạng không dây không.	In Báo cáo WLAN để kiểm tra mã lỗi trên báo cáo đã in. ➤➤ <i>Thông tin liên quan: In Báo cáo WLAN</i>

Nếu bạn đã kiểm tra và thử tất cả các cách trên nhưng bạn vẫn đang gặp vấn đề, hãy xem hướng dẫn đi kèm với điểm truy cập/bộ định tuyến không dây của bạn để tìm thông tin về SSID (Tên mạng) và Khóa mạng (Mật khẩu), rồi thiết đặt chính xác các mục này.

### ✓ Thông tin liên quan

- Nếu bạn đang gặp vấn đề với mạng của máy

#### Chủ đề liên quan:

- Sử dụng Công cụ sửa chữa kết nối mạng (Windows)
- Máy của tôi không thể in qua mạng

## Các vấn đề về AirPrint

Model: HL-B2150W/HL-B2180DW/HL-B2180DWB/HL-B2181DW


Khó khăn	Gợi ý
Máy của tôi không hiển thị trong danh sách máy in.	Hãy đảm bảo máy đã được bật. Đảm bảo máy và thiết bị di động hoặc máy Mac của bạn được kết nối với cùng một mạng. Di chuyển thiết bị di động của bạn lại gần điểm truy cập không dây/bộ định tuyến hoặc máy của bạn.
Tôi không thể in.	Hãy đảm bảo máy đã được bật. Đảm bảo máy và thiết bị di động hoặc máy Mac của bạn được kết nối với cùng một mạng.
Tôi đang cố gắng in một tài liệu nhiều trang từ thiết bị iOS, nhưng CHỈ in được trang đầu tiên.	Đảm bảo bạn đang chạy phiên bản hệ điều hành mới nhất.



### Thông tin liên quan

- [Xử lý sự cố](#)

## Vấn đề khác

Khó khăn	Gợi ý
Máy sẽ không bật.	<p>Các điều kiện bất lợi về kết nối điện (như sét hoặc điện áp tăng vọt) có thể đã kích hoạt cơ chế an toàn bên trong của máy. Rút phích cắm dây nguồn. Chờ mười phút, rồi rút phích cắm dây nguồn và bấm  để bật máy.</p> <p>Nếu vấn đề vẫn không được giải quyết và bạn đang sử dụng bộ ngắt điện, ngắt kết nối thiết bị này để đảm bảo rằng đây không phải là nguyên nhân gây ra vấn đề. Cắm dây nguồn của máy trực tiếp vào ổ cắm điện khác trên tường mà bạn đã biết là có hoạt động. Nếu vẫn không có điện, thử cáp điện khác.</p>
Không thể cài đặt phần mềm Brother.	<p><b>(Windows)</b></p> <p>Nếu có cảnh báo Phần mềm bảo mật xuất hiện trên màn hình máy tính trong khi cài đặt, hãy thay đổi thiết đặt Phần mềm bảo mật để cho phép chương trình cài đặt sản phẩm của Brother hoặc chương trình khác chạy.</p> <p><b>(Mac)</b></p> <p>Nếu bạn đang sử dụng chức năng tường lửa của phần mềm chống vi-rút hoặc chống phần mềm gián điệp, hãy tạm thời vô hiệu chức năng này, rồi cài đặt phần mềm Brother của bạn.</p>



### Thông tin liên quan

- [Xử lý sự cố](#)

## Kiểm tra thông tin của máy

Thực hiện theo các hướng dẫn này để kiểm tra số sê-ri và phiên bản firmware của máy.

1. Bấm ▲ hoặc ▼ để chọn tùy chọn [Machine Info. (Thông tin máy)], rồi bấm **OK**.
2. Bấm ▲ hoặc ▼ để chọn một trong các tùy chọn sau đây:

Tùy chọn	Mô tả
Serial No. (Số sê-ri)	Kiểm tra số sê-ri máy của bạn.
Firmware Version (Phiên bản Firmware)	Kiểm tra phiên bản firmware của máy.
Page Counter (Bộ đếm giấy)	Kiểm tra tổng số trang mà máy đã in.
Parts Life (Tuổi thọ các bộ phận)	Kiểm tra tuổi thọ còn lại của các vật tư.

3. Bấm **OK**.

### Thông tin liên quan

- [Xử lý sự cố](#)

## Cập nhật firmware của máy bạn

Để giữ cho hiệu suất máy của bạn cập nhật, hãy kiểm tra [support.brother.com/downloads](http://support.brother.com/downloads) để có bản nâng cấp firmware mới nhất. Nếu không, một số chức năng của máy có thể không có.



### Thông tin liên quan

- [Xử lý sự cố](#)

#### Chủ đề liên quan:

- [Kiểm tra mật khẩu của máy](#)

## Chức năng đặt lại

- [Đặt lại máy](#)
- [Đặt lại mạng](#)
- [Đặt lại theo nhà máy](#)



## Đặt lại máy

Sử dụng chức năng Đặt lại máy để đặt lại các thiết đặt của máy về thiết đặt mặc định theo nhà máy.

Chức năng Đặt lại máy sẽ không đặt lại cài đặt mạng và cài đặt bảo mật.

1. Bấm ▲ hoặc ▼ để chọn tùy chọn sau:
  - a. Chọn [Initial Setup (Cài đặt ban đầu)]. Bấm **OK**.
  - b. Chọn [Reset (Đặt lại)]. Bấm **OK**.
  - c. Chọn [Machine Reset (Đặt lại máy)]. Bấm **OK**.
2. Bấm ▼ để chọn [Reset (Đặt lại)].
3. Bấm ▼ để khởi động lại máy.

### ✓ Thông tin liên quan

- [Chức năng đặt lại](#)

#### Chủ đề liên quan:

- [Kiểm tra mật khẩu của máy](#)

## Đặt lại mạng

**Model:** HL-B2150W/HL-B2180DW/HL-B2180DWB/HL-B2181DW

Sử dụng chức năng Đặt lại mạng để khôi phục cài đặt mạng của máy về cài đặt mặc định theo nhà máy (gồm thông tin Địa chỉ IP, ngoại trừ mật khẩu quản trị viên).

Rút phích cắm tất cả cáp giao diện trước khi bạn thực hiện Đặt lại mạng.

- Bấm ▲ hoặc ▼ để chọn tùy chọn sau:
  - Chọn [Initial Setup (Cài đặt ban đầu)]. Bấm **OK**.
  - Chọn [Reset (Đặt lại)]. Bấm **OK**.
  - Chọn [Network Reset (Đặt lại mạng)]. Bấm **OK**.
- Bấm ▼ để chọn [Reset (Đặt lại)].
- Bấm ▼ để khởi động lại máy.

### Thông tin liên quan

- [Chức năng đặt lại](#)

## Đặt lại theo nhà máy

Sử dụng chức năng Đặt lại theo nhà máy để khôi phục tất cả cài đặt về cài đặt theo nhà máy.

Rút phích cắm tất cả các cáp giao diện trước khi bạn thực hiện Đặt lại theo nhà máy.

1. Bấm ▲ hoặc ▼ để chọn tùy chọn sau:
  - a. Chọn [Initial Setup (Cài đặt ban đầu)]. Bấm **OK**.
  - b. Chọn [Reset (Đặt lại)]. Bấm **OK**.
  - c. Chọn [Factory Reset (Đặt lại theo nhà máy)]. Bấm **OK**.
2. Bấm ▼ để chọn [Reset (Đặt lại)].
3. Bấm ▼ để khởi động lại máy.

### ✓ Thông tin liên quan

- [Chức năng đặt lại](#)

## Bảo trì thường lệ

- Thay thế vật tư
- Vệ sinh máy
- Kiểm tra tuổi thọ còn lại của bộ phận
- Đóng gói và vận chuyển máy của bạn

## Thay thế vật tư

Bạn phải thay thế vật tư khi máy chỉ báo rằng tuổi thọ vật tư đã hết.

Hộp mực và bộ trống mực là hai vật tư riêng biệt. Đảm bảo rằng cả hai được lắp đặt thành một cụm. Mã sản phẩm của vật tư có thể khác nhau tùy thuộc vào từng quốc gia.

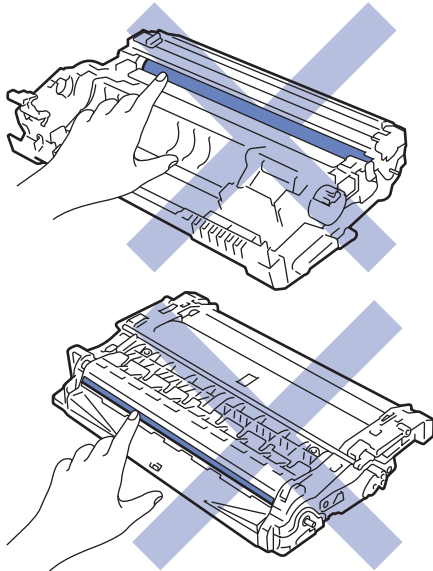
### LƯU Ý

- Tùy quốc gia, hộp mực có thể có sẵn hoặc không. Hãy truy cập trang web sau hoặc liên hệ với văn phòng Brother tại địa phương của bạn để biết thêm thông tin.
- Đảm bảo niêm kín túi đựng vật tư đã sử dụng để bột mực in không tràn khỏi hộp mực.
- Thái bỏ vật phẩm tiêu hao đã sử dụng theo quy định của địa phương, tách riêng vật phẩm tiêu hao với rác thải sinh hoạt. Nếu bạn có thắc mắc, vui lòng gọi đến văn phòng phụ trách thải rác ở địa phương bạn. Đảm bảo niêm kín lại mực tiêu hao để vật liệu bên trong không tràn ra.
- Chúng tôi khuyến nghị nên đặt cả vật tư đã qua sử dụng và vật tư mới lên trên một mảnh giấy để tránh vô ý làm vật liệu bên trong tràn ra hoặc vương vãi.
- Việc sử dụng giấy không hoàn toàn tương đương với phương tiện in được khuyến dùng có thể làm giảm tuổi thọ của các vật tư và bộ phận của máy.
- Tuổi thọ dự kiến của mỗi hộp mực được dựa theo tiêu chuẩn ISO/IEC 19752. Tần suất thay thế sẽ thay đổi tùy theo khối lượng in, tỉ lệ phần trăm che phủ, loại phương tiện được sử dụng và việc bật/tắt máy.
- Tần suất thay thế vật tư không phải hộp mực sẽ thay đổi tùy theo khối lượng in, loại phương tiện được sử dụng và việc bật/tắt máy.
- Thao tác cẩn thận với hộp mực. Nếu mực vương vãi vào tay hoặc quần áo của bạn, ngay lập tức lau hoặc rửa vết mực bằng nước lạnh.

### QUAN TRỌNG

Để tránh gặp vấn đề về chất lượng in, **KHÔNG** chạm vào các phần gạch chéo trong hình minh họa.

#### Bộ trống mực



#### Thông tin liên quan

- [Bảo trì thường lệ](#)
  - [Thay Hộp mực](#)
  - [Thay Bộ trống mực](#)

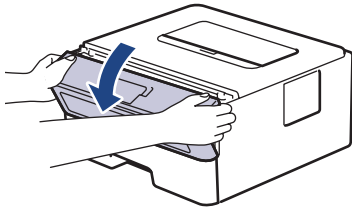
- 
- Đặt lại Bộ đếm Trống mục

**Chủ đề liên quan:**

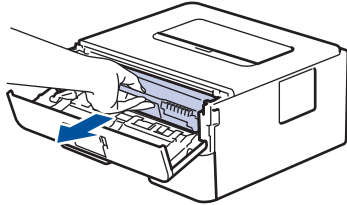
- Thông báo lỗi và bảo trì
-

## Thay Hộp mực

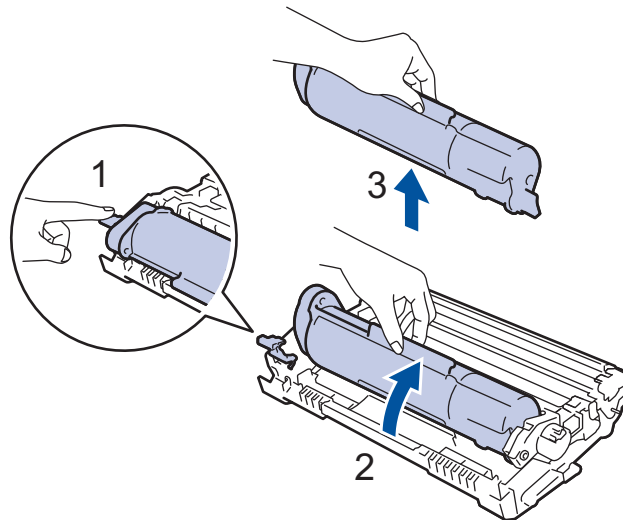
1. Đảm bảo máy được bật.
2. Mở nắp phía trước.



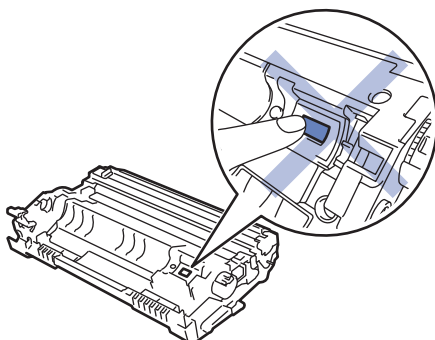
3. Tháo cụm hộp mực và bộ trống mực khỏi máy.



4. Đẩy cần khóa màu xanh lá cây xuống, rồi lấy hộp mực ra khỏi bộ trống mực như hình minh họa.

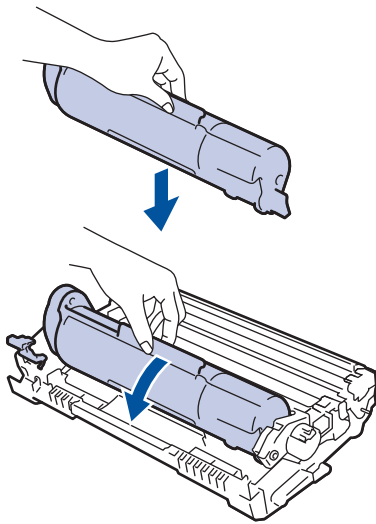


Để tránh vương mực in trên tay hoặc quần áo của bạn, **KHÔNG** chạm vào các phần gạch chéo trong hình minh họa.



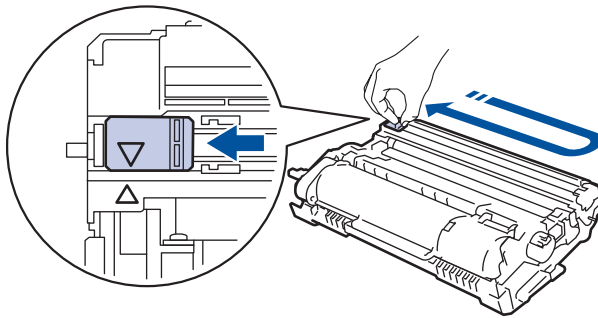
5. Mở bao bì hộp mực mới.

6. Đẩy mạnh hộp mực mới vào bộ trống mực cho đến khi bạn nghe thấy hộp mực đã khóa vào vị trí.



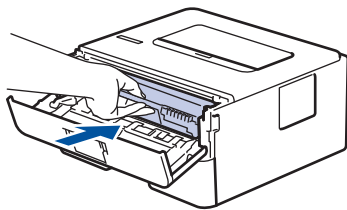
Đảm bảo bạn đã lắp hộp mực vào đúng cách, nếu không hộp mực có thể tách rời khỏi bộ trống mực.

7. Vệ sinh dây corona bên trong bộ trống mực bằng cách trượt nhẹ vấu màu xanh lá cây từ trái sang phải và từ phải sang trái nhiều lần.



Đảm bảo đưa vấu về vị trí ban đầu (▲). Mũi tên trên vấu phải được căn thẳng hàng với mũi tên trên bộ trống mực. Nếu không, các trang đã in có thể có vạch sọc.

8. Lắp lại cụm hộp mực và bộ trống mực vào máy.



9. Đóng nắp phía trước của máy.



- Không tắt máy hoặc mở nắp phía trước cho đến khi máy trở về Chế độ sẵn sàng.
- Hộp mực đi kèm máy Brother là hộp mực Inbox.
- Bạn nên chuẩn bị sẵn hộp mực mới để sẵn sàng sử dụng khi bạn thấy cảnh báo Mực in sắp hết.
- KHÔNG mở bao bì hộp mực mới cho đến khi bạn sẵn sàng lắp hộp mực mới.
- Nếu để mở bao bì hộp mực trong thời gian dài, tuổi thọ mực in sẽ bị rút ngắn.
- Chúng tôi khuyên bạn nên sử dụng vật tư Brother chính hãng để đảm bảo hiệu suất và chất lượng in ổn định. Mặc dù không phải tất cả vật tư không chính hãng đều có thể gây ra các vấn đề về chất lượng, nhưng có trường hợp một số vật tư có thể ảnh hưởng xấu đến chất lượng in hoặc khiến máy bị trục trặc. Brother có thể tính phí sửa chữa máy nếu chứng minh được rằng vật tư không chính hãng gây ra hư hỏng, ngay cả khi máy vẫn còn bảo hành.



## Thông tin liên quan

- [Thay thế vật tư](#)



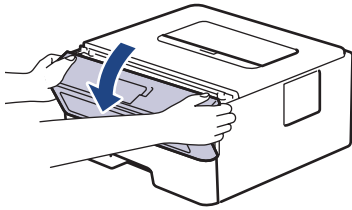
---

**Chủ đề liên quan:**

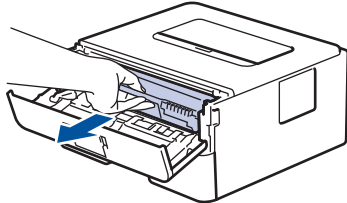
- Thông báo lỗi và bảo trì
  - Cải thiện chất lượng in
-

## Thay Bộ trống mực

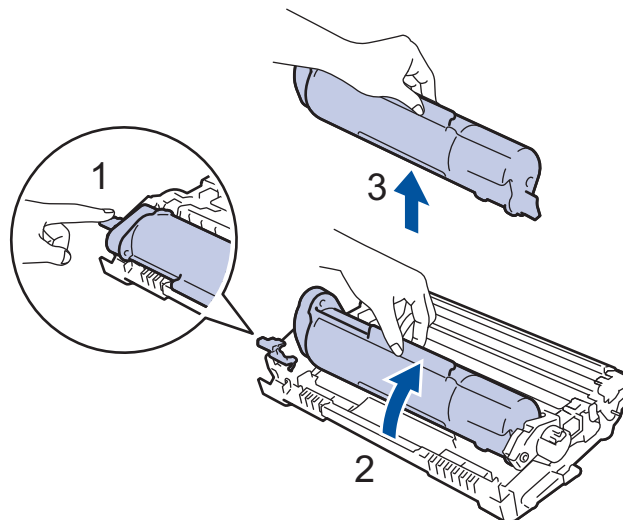
1. Đảm bảo máy được bật.
2. Mở nắp phía trước.



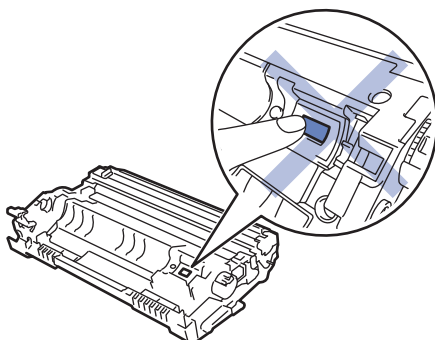
3. Tháo cụm hộp mực và bộ trống mực khỏi máy.



4. Đẩy cần khóa màu xanh lá cây xuống, rồi lấy hộp mực ra khỏi bộ trống mực như hình minh họa.

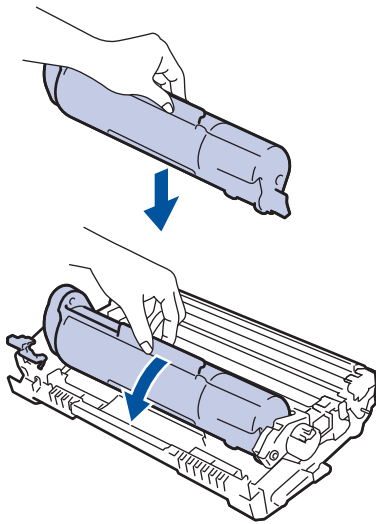


Để tránh vương mực in trên tay hoặc quần áo của bạn, **KHÔNG** chạm vào các phần gạch chéo trong hình minh họa.



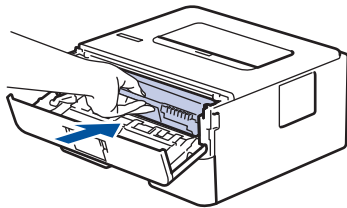
5. Mở bao bì bộ trống mới.

6. Đẩy mạnh hộp mực vào bộ trống mực mới cho đến khi bạn nghe thấy hộp mực đã khóa vào vị trí.



Đảm bảo bạn đã lắp hộp mực vào đúng cách, nếu không hộp mực có thể tách rời khỏi bộ trống mực.

7. Lắp lại cụm hộp mực và bộ trống mực vào máy.



8. Đóng nắp phía trước của máy.

## LƯU Ý

- Hao mòn trống mực xảy ra do việc sử dụng, quay trống mực và tương tác với giấy, mực và các vật liệu khác trong đường dẫn giấy. Khi thiết kế sản phẩm này, Brother đã quyết định sử dụng số lần quay trống mực làm yếu tố hợp lý để xác định tuổi thọ trống mực. Khi trống mực đạt đến giới hạn quay do nhà máy thiết lập tương ứng với sản lượng trang định mức, màn hình LCD của sản phẩm sẽ đề xuất bạn thay trống mực. Sản phẩm sẽ tiếp tục hoạt động nhưng chất lượng in có thể không được tối ưu.
- Nếu ánh sáng mặt trời trực tiếp rọi vào bộ trống mực không được đóng gói (hoặc ánh sáng phòng trong thời gian dài), bộ trống mực có thể bị hỏng.
- Có nhiều yếu tố xác định tuổi thọ trống mực thực tế, như nhiệt độ, độ ẩm, loại giấy, loại mực in được sử dụng, v.v... Trong điều kiện lý tưởng, tuổi thọ trung bình của trống mực được ước tính khoảng 12.000 trang dựa trên 1 trang mỗi tác vụ (giấy 1 mặt A4/Letter). Số trang có thể bị ảnh hưởng do nhiều yếu tố bao gồm nhưng không giới hạn loại giấy và kích thước giấy.

Vì chúng tôi không kiểm soát được các yếu tố xác định tuổi thọ trống mực thực tế, chúng tôi không thể đảm bảo số lượng trang tối thiểu mà trống mực của bạn sẽ in được.

- Chỉ nên sử dụng máy trong môi trường sạch sẽ, không có bụi, có đủ độ thông thoáng.

Chúng tôi khuyên bạn nên sử dụng vật tư Brother chính hãng để đảm bảo hiệu suất và chất lượng in ổn định. Mặc dù không phải tất cả vật tư không chính hãng đều có thể gây ra các vấn đề về chất lượng, nhưng có trường hợp một số vật tư có thể ảnh hưởng xấu đến chất lượng in hoặc khiến máy bị trục trặc. Brother có thể tính phí sửa chữa máy nếu chứng minh được rằng vật tư không chính hãng gây ra hư hỏng, ngay cả khi máy vẫn còn bảo hành.



## Thông tin liên quan

- [Thay thế vật tư](#)

### Chủ đề liên quan:

- [Thông báo lỗi và bảo trì](#)
- [Cải thiện chất lượng in](#)

- 
- Đặt lại Bộ đếm Trống mục
-

## Đặt lại Bộ đếm Trống mực

Khi bạn thay bộ trống mực bằng một bộ mới, bạn phải đặt lại bộ đếm trống mực bằng cách hoàn tất các bước sau:

### QUAN TRỌNG

**KHÔNG** đặt lại bộ đếm trống mực nếu bạn không thay bộ trống mực.

1. Đảm bảo máy được bật.
2. Đảm bảo đã đóng nắp của máy.
3. Bấm đồng thời **OK** và **▲**.
4. Bấm **OK** để chọn [Drum (Trống từ)].
5. Chọn [Reset (Đặt lại)] để đặt lại bộ đếm trống mực.



### Thông tin liên quan

- [Thay thế vật tư](#)

#### Chủ đề liên quan:

- [Thông báo lỗi và bảo trì](#)
- [Thay Bộ trống mực](#)

## Vệ sinh máy

Thường xuyên vệ sinh bên ngoài và bên trong máy bằng khăn khô, không có xơ.

Khi bạn thay hộp mực hoặc bộ trống mực, hãy nhớ vệ sinh bên trong máy. Nếu các trang in bị rây mực in, hãy vệ sinh bên trong máy bằng khăn khô, không có xơ.

### ⚠ CẢNH BÁO

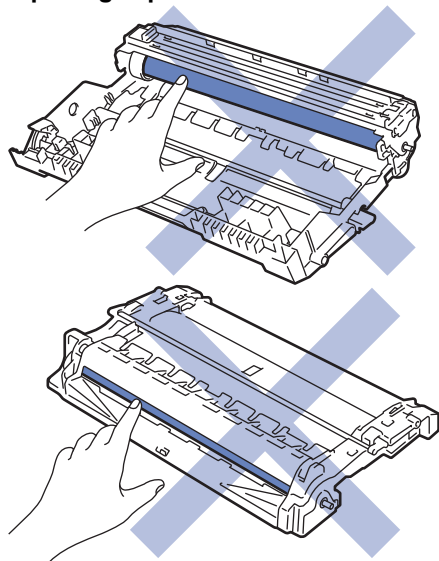
KHÔNG sử dụng các chất dễ cháy, bất kỳ loại chất xịt nào, hoặc dung môi/chất lỏng hữu cơ có chứa cồn hoặc amoniac để vệ sinh bên trong hoặc bên ngoài sản phẩm. Làm như vậy có thể gây ra hỏa hoạn. Thay vào đó, chỉ sử dụng khăn khô, không có xơ.



### QUAN TRỌNG

- KHÔNG sử dụng cồn isopropyl để lau vết bẩn trên bảng điều khiển. Việc này có thể làm nứt bảng điều khiển.
- Để tránh gặp vấn đề về chất lượng in, KHÔNG chạm vào các phần gạch chéo trong hình minh họa.

#### Bộ trống mực



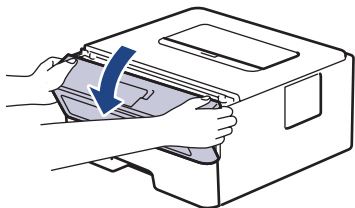
### ✓ Thông tin liên quan

- Bảo trì thường lệ
  - Vệ sinh Dây Corona
  - Vệ sinh Bộ trống mực
  - Vệ sinh trục cuộn lấy giấy

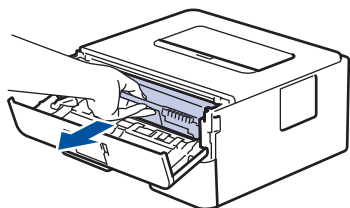
## Vệ sinh Dây Corona

Nếu bạn gặp phải vấn đề về chất lượng in hoặc bảng điều khiển hiển thị trạng thái [Drum ! (Trống mực !)], hãy vệ sinh dây corona.

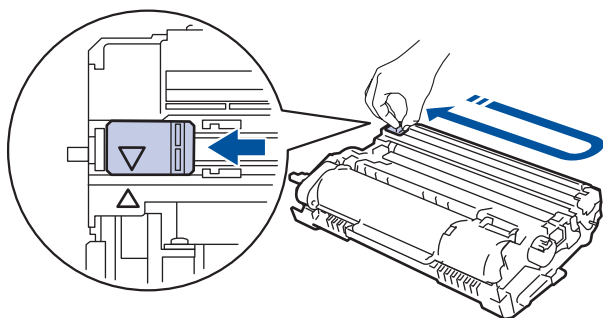
1. Mở nắp phía trước.



2. Tháo cụm hộp mực và bộ trống mực khỏi máy.

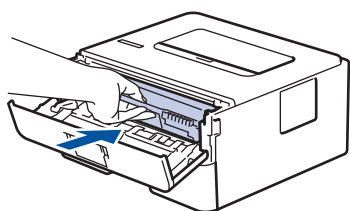


3. Vệ sinh dây corona bên trong bộ trống mực bằng cách trượt nhẹ vấu màu xanh lá cây từ trái sang phải và từ phải sang trái nhiều lần.



Đảm bảo đưa vấu về vị trí ban đầu (▲). Mũi tên trên vấu phải được căn thẳng hàng với mũi tên trên bộ trống mực. Nếu không, các trang đã in có thể có vạch sọc.

4. Lắp lại cụm hộp mực và bộ trống mực vào máy.



5. Đóng nắp phía trước của máy.

### ✓ Thông tin liên quan

- [Vệ sinh máy](#)

#### Chủ đề liên quan:

- [Thông báo lỗi và bảo trì](#)

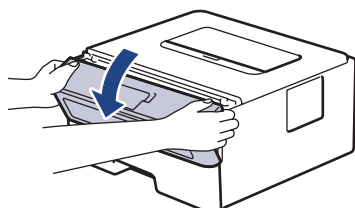
## Vệ sinh Bộ trống mực

Nếu bản in ra có chấm hoặc dấu lặp lại khác cách quãng 94 mm, trống mực có thể có vật lạ, chẳng hạn như keo dán từ nhãn bị mắc vào bề mặt trống mực.

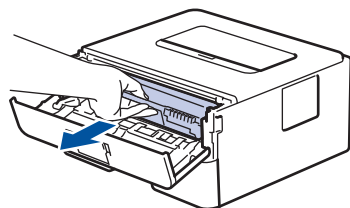
1. Đảm bảo rằng máy đang ở Chế độ Sẵn sàng.
2. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [Print Reports (In báo cáo)], rồi bấm **OK**.
3. Bấm ▲ hoặc ▼ để chọn tùy chọn [Drum Dot Print (In chấm mực của trống mực)].
4. Bấm **Go (Vào)**.

Máy in Tờ kiểm tra chấm mực của trống mực

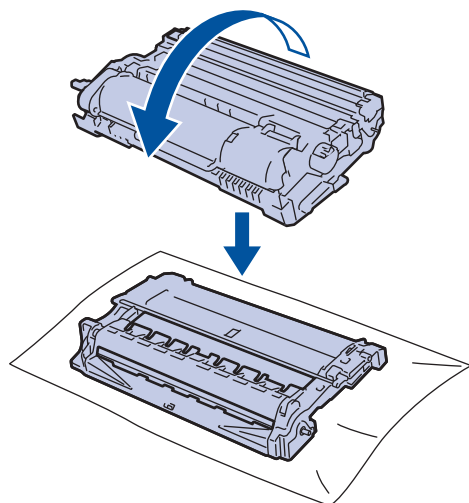
5. Bấm và giữ  để tắt máy.
6. Mở nắp phía trước.



7. Tháo cụm hộp mực và bộ trống mực khỏi máy.

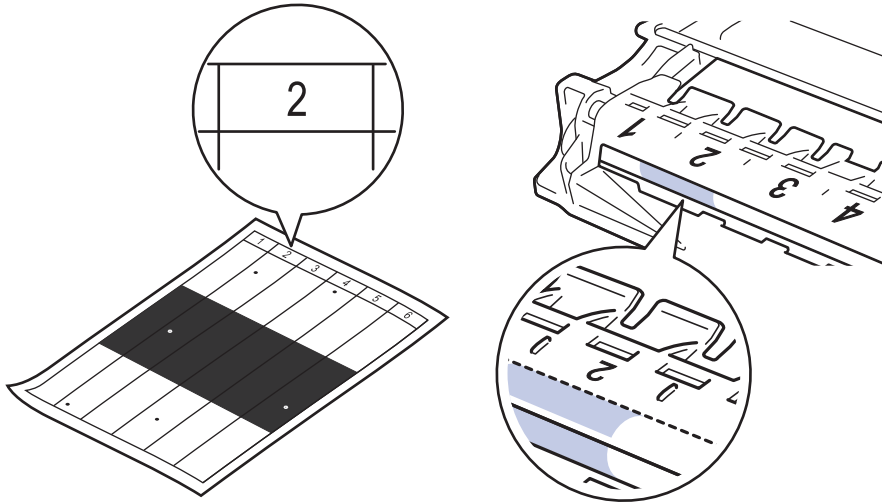


8. Xoay bộ trống mực như trong hình minh họa. Đảm bảo bánh răng của bộ trống mực ở bên trái.

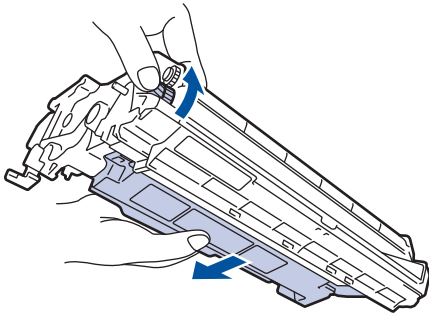




9. Sử dụng các điểm đánh dấu được đánh số bên cạnh ống lăn của trống mực để tìm dấu vết trên trống mực. Ví dụ: một đốm mực trong cột 2 trên tờ kiểm tra có nghĩa là có một dấu vết trong vùng "2" của trống mực.



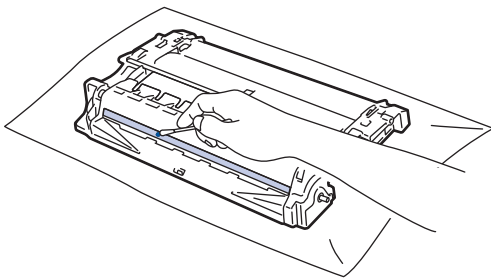
10. Xoay bánh răng ở đầu bộ trống mực trong khi đẩy gạch chéo trong hình minh họa để tìm dấu hiệu hoặc vật lạ.



## QUAN TRỌNG

Để tránh gặp vấn đề về chất lượng in, **KHÔNG** chạm vào bề mặt của bộ trống mực, mà chỉ được chạm vào bánh răng ở đầu bộ trống mực.

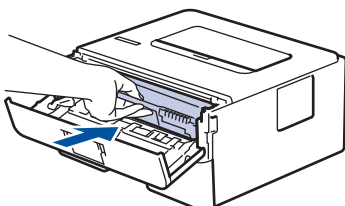
11. Nhẹ nhàng lau bề mặt trống mực bằng tấm bông khô cho đến khi không còn dấu vết hoặc vật lạ trên bề mặt.



## LƯU Ý

**KHÔNG** vệ sinh bề mặt của trống mực nhạy quang bằng vật sắc nhọn hoặc bất kỳ chất lỏng nào.

12. Lắp lại cụm hộp mực và bộ trống mực vào máy.



13. Đóng nắp phía trước của máy.

---

14. Bấm  để bật máy.



### Thông tin liên quan

- Vệ sinh máy

**Chủ đề liên quan:**


- Cải thiện chất lượng in
-

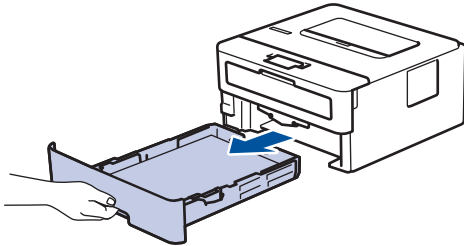
## Vệ sinh trục cuộn lấy giấy

Vệ sinh trục cuộn lấy giấy theo định kỳ có thể giúp ngăn ngừa tình trạng kẹt giấy bằng cách đảm bảo rằng giấy đã được nạp đúng cách.

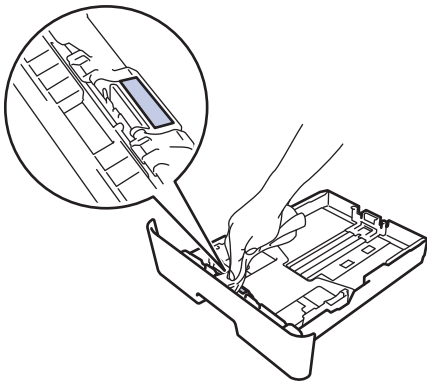
Trước khi bắt đầu quy trình vệ sinh ►► *Thông tin liên quan: Vệ sinh máy*

Nếu bạn gặp vấn đề về nạp giấy, hãy vệ sinh trục cuộn lấy giấy như sau:

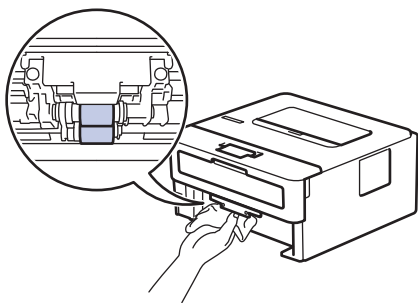
1. Bấm và giữ  để tắt máy.
2. Kéo hần khay giấy ra khỏi máy.




3. Nếu giấy được nạp hoặc có vật gì đó bị kẹt bên trong khay giấy, hãy lấy vật bị kẹt ra.
4. Vắt kiệt khăn không có xơ được ngâm trong nước ấm, rồi lau miếng đệm của bộ phận chia tách trên khay giấy để loại bỏ bụi.



5. Lau hai trục cuộn lấy giấy bên trong máy để loại bỏ bụi.



6. Nạp lại giấy và lắp lại chắc chắn khay giấy vào máy.
7. Bấm  để bật máy.

### ✓ Thông tin liên quan

- [Vệ sinh máy](#)

#### Chủ đề liên quan:

- [Vấn đề khi in](#)

## Kiểm tra tuổi thọ còn lại của bộ phận

- Bấm ▲ hoặc ▼ để chọn tùy chọn sau:
  - Chọn [Machine Info. (Thông tin máy)]. Bấm **OK**.
  - Chọn [Parts Life (Tuổi thọ các bộ phận)]. Bấm **OK**.
- Bấm ▲ hoặc ▼ để chọn bộ phận máy mà bạn muốn kiểm tra, rồi bấm **OK**.  
Màn hình LCD sẽ hiển thị tuổi thọ còn lại ước chừng của bộ phận đó.




### Thông tin liên quan

- [Bảo trì thường lệ](#)

## Đóng gói và vận chuyển máy của bạn



Nếu vì bất kỳ lý do gì, bạn phải vận chuyển máy, hãy đóng gói lại cẩn thận trong thùng máy để tránh mọi hư hỏng trong khi vận chuyển. Máy cần được bảo hiểm thích hợp bởi nhà vận chuyển.

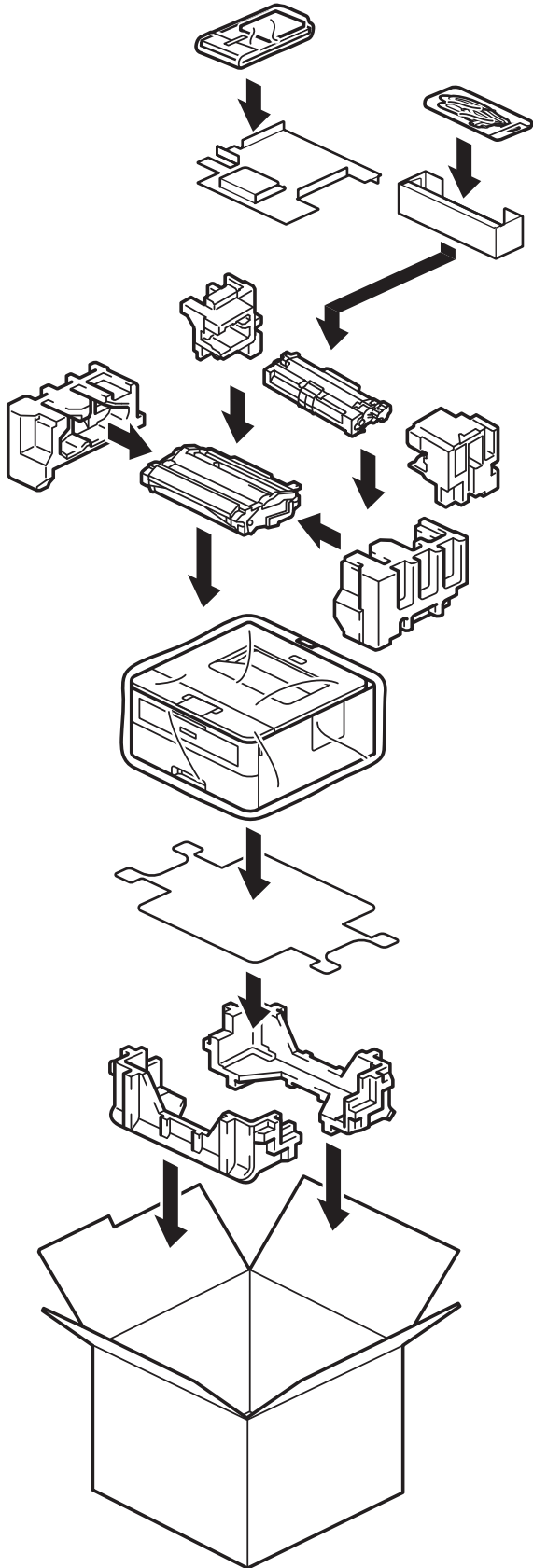
1. Bấm và giữ  để tắt máy. Để máy tắt trong ít nhất 10 phút để làm nguội máy.
2. Ngắt kết nối tất cả các cáp, rồi rút phích cắm dây nguồn khỏi ổ cắm điện.



Một số dòng máy được trang bị dây cáp nguồn AC không thể tháo rời. Nếu dây nguồn của bạn không thể tháo rời, hãy gập nó lại và để nó trên đầu máy để đóng gói dễ dàng.

3. Đặt máy vào túi ban đầu chứa máy.

4. Đóng gói máy, vật liệu in và dây nguồn AC (nếu có) trong thùng cát-tông gốc bằng vật liệu đóng gói gốc như được chỉ ra. (Vật liệu đóng gói ban đầu có thể khác nhau tùy thuộc vào quốc gia của bạn.) Hình minh họa có thể khác với các vật liệu đóng gói thực tế. Các vật liệu có thể thay đổi tùy theo model của bạn.



5. Đóng thùng cát-tông và dán kín thùng.

### ✓ Thông tin liên quan

- Bảo trì thường lệ

## Thiết đặt máy

Tùy chỉnh thiết đặt và tính năng để biến máy của bạn thành một công cụ làm việc hiệu quả hơn.

- [Kiểm tra mật khẩu của máy](#)
- [Thay đổi Cài đặt Máy từ Bảng điều khiển](#)
- [In danh sách thiết đặt máy in](#)
- [Thay đổi Cài đặt Máy bằng tiện ích Quản lý dựa trên Web](#)

## Kiểm tra mật khẩu của máy

Nếu được nhắc nhập mật khẩu, hãy kiểm tra thông tin sau:

>> [Tìm Mật khẩu mặc định](#)

>> [Đổi mật khẩu](#)

>> [Đặt lại mật khẩu](#)

### Tìm Mật khẩu mặc định

Mật khẩu mặc định để quản lý thiết đặt của máy này nằm ở phía sau máy và được đánh dấu "Pwd".

### Đổi mật khẩu

Chúng tôi khuyến nghị đổi mật khẩu mặc định ngay lập tức để bảo vệ máy của bạn khỏi truy cập trái phép.

Sử dụng Quản lý trên nền web để đổi mật khẩu.

Thông tin thêm >> [Thông tin liên quan](#)

### Đặt lại mật khẩu

Nếu bạn quên mật khẩu, hãy đặt lại máy về thiết đặt mặc định theo nhà máy. Mật khẩu cũng sẽ được đặt lại về mật khẩu mặc định.

Thông tin thêm >> [Thông tin liên quan](#)

### Thông tin liên quan

- [Thiết đặt máy](#)

#### Chủ đề liên quan:

- [Đặt lại máy](#)
- [Cập nhật firmware của máy bạn](#)



## Thay đổi Cài đặt Máy từ Bảng điều khiển

- [Thiết đặt chung](#)
- [Bảng menu \(đối với model có màn hình LCD\)](#)

## Thiết đặt chung

- Thiết đặt đếm ngược vào chế độ ngủ
- Giới thiệu về Chế độ ngủ sâu
- Thiết đặt chế độ tự động tắt nguồn
- Giảm mức tiêu thụ mực
- Giảm tiếng ồn khi in
- Thay đổi ngôn ngữ trên màn hình LCD

## Thiết đặt đếm ngược vào chế độ ngủ

Thiết đặt Chế độ ngủ (hay Chế độ tiết kiệm điện) có thể giảm tiêu thụ điện năng. Chọn thời gian máy phải ở chế độ ngủ trước khi đi vào Chế độ ngủ. Bộ hẹn giờ Chế độ ngủ được đặt lại khi máy nhận được công việc in.

Khi ở Chế độ ngủ, máy hoạt động như thể đã tắt. Máy sẽ thức dậy và bắt đầu in khi nhận được công việc in. Sử dụng những hướng dẫn này để thiết đặt hẹn giờ (đếm ngược) trước khi máy vào Chế độ ngủ.



Không thể tắt thiết đặt Chế độ ngủ do các vấn đề về môi trường.

- Bấm ▲ hoặc ▼ để chọn tùy chọn sau:
  - Chọn [General Setup (Cài đặt chung)]. Bấm **OK**.
  - Chọn [Ecology (Sinh thái học)]. Bấm **OK**.
  - Chọn [Sleep Time (Thời gian ngủ)]. Bấm **OK**.
- Bấm ▲ hoặc ▼ để nhập thời lượng (tối đa 50 phút) mà máy sẽ duy trì ở trạng thái nghỉ trước khi vào Chế độ ngủ.  
Bấm **Go (Vào)**.



### Thông tin liên quan

- [Thiết đặt chung](#)

## Giới thiệu về Chế độ ngủ sâu

Nếu máy ở Chế độ ngủ và không nhận được bất kỳ lệnh nào trong một khoảng thời gian nhất định, máy sẽ tự động vào Chế độ ngủ sâu. Khoảng thời gian sẽ dựa trên dòng máy và thiết đặt cụ thể của bạn.

Chế độ ngủ sâu sử dụng ít điện năng hơn Chế độ ngủ.



Không thể tắt thiết đặt Chế độ ngủ sâu do các vấn đề về môi trường.

Model áp dụng	Bảng điều khiển của Máy ở Chế độ Ngủ sâu	Những điều kiện sẽ đánh thức máy
HL-B2100D/HL-B2100DB/ HL-B2150W/HL-B2180DW/ HL-B2180DWB/HL-B2181DW	Màn hình LCD Deep Sleep (Ngủ sâu).	<ul style="list-style-type: none"><li>Máy nhận được một lệnh.</li><li>Có người đã bấm nút trên bảng điều khiển.</li></ul>



### Thông tin liên quan

- [Thiết đặt chung](#)

## Thiết đặt chế độ tự động tắt nguồn

Nếu máy ở Chế độ ngủ sâu trong một khoảng thời gian nhất định thì tùy theo model và thiết đặt của bạn, máy sẽ tự động đi vào Chế độ tắt nguồn. Máy sẽ không vào Chế độ Tắt nguồn khi máy được kết nối với mạng.

Để bắt đầu in, bấm  trên bảng điều khiển, rồi gửi công việc in.



Chọn thời gian mà máy phải ở Chế độ ngủ sâu trước khi đi vào Chế độ tự động tắt nguồn.

- Bấm ▲ hoặc ▼ để chọn tùy chọn sau:
  - Chọn [General Setup (Cài đặt chung)]. Bấm **OK**.
  - Chọn [Ecology (Sinh thái học)]. Bấm **OK**.
  - Chọn [Auto Power Off (Tự động tắt nguồn)]. Bấm **OK**.
- Bấm ▲ hoặc ▼ để chọn thời lượng (1, 2, 4 hoặc 8 giờ) mà máy sẽ duy trì ở trạng thái nghỉ trước khi vào Chế độ tắt nguồn.
- Bấm **Go (Vào)**.



### Thông tin liên quan

- [Thiết đặt chung](#)

## Giảm mức tiêu thụ mực

Sử dụng tính năng Tiết kiệm Mực in có thể làm giảm mức tiêu thụ mực. Khi tính năng Tiết kiệm Mực in được đặt thành bật, mực in trên tài liệu của bạn sẽ mờ hơn.

Chúng tôi KHÔNG khuyến nghị bạn sử dụng tính năng Tiết kiệm Mực in để in ảnh hoặc các hình ảnh thang đo màu xám.

- Bấm ▲ hoặc ▼ để chọn tùy chọn sau:
  - Chọn [General Setup (Cài đặt chung)]. Bấm **OK**.
  - Chọn [Ecology (Sinh thái học)]. Bấm **OK**.
  - Chọn [Toner Save (Tiết kiệm mực)]. Bấm **OK**.
- Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị [On (Bật)], và sau đó bấm **Go (Vào)**.

### ✓ Thông tin liên quan

- [Thiết đặt chung](#)

#### Chủ đề liên quan:

- [Cải thiện chất lượng in](#)

## Giảm tiếng ồn khi in

Thiết đặt Chế độ Im lặng có thể giúp làm giảm tiếng ồn khi in. Khi Chế độ Im lặng được bật, tốc độ in sẽ giảm xuống. Thiết đặt theo nhà máy là tắt.

- Bấm ▲ hoặc ▼ để chọn tùy chọn sau:
  - Chọn [General Setup (Cài đặt chung)]. Bấm **OK**.
  - Chọn [Ecology (Sinh thái học)]. Bấm **OK**.
  - Chọn [Quiet Mode (Chế độ im lặng)]. Bấm **OK**.
- Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [On (Bật)] hoặc [Off (Tắt)], rồi bấm **Go (Vào)**.



### Thông tin liên quan

- [Thiết đặt chung](#)

## Thay đổi ngôn ngữ trên màn hình LCD

Thay đổi ngôn ngữ cho màn hình LCD nếu cần.

Tính năng này không có ở một số quốc gia.

1. Bấm ▲ hoặc ▼ để chọn tùy chọn sau:
  - a. Chọn [Initial Setup (Cài đặt ban đầu)]. Bấm **OK**.
  - b. Chọn [Local Language (Ngôn ngữ cục bộ)]. Bấm **OK**.
2. Bấm ▲ hoặc ▼ để chọn ngôn ngữ của bạn, và sau đó bấm **Go (Vào)**.



### Thông tin liên quan

- [Thiết đặt chung](#)



## **Bảng menu (đối với model có màn hình LCD)**

- Truy cập các menu và thay đổi các thiết đặt của máy
- Bảng thiết đặt

## Truy cập các menu và thay đổi các thiết đặt của máy

Sử dụng bảng điều khiển để truy cập các menu và thay đổi các thiết đặt khác nhau của máy.

1. Cuộn qua mỗi cấp menu bằng cách bấm ▲ hoặc ▼.
2. Khi tùy chọn bạn muốn xuất hiện trên màn hình LCD, bấm **OK**.  
Màn hình LCD hiển thị cấp menu tiếp theo.
3. Bấm ▲ hoặc ▼ để cuộn đến lựa chọn của bạn.
4. Bấm **OK** hoặc **Go (Vào)**.
5. Khi bạn đã hoàn tất thiết đặt tùy chọn, màn hình LCD hiển thị một thông báo xác nhận.

### ✓ Thông tin liên quan

- [Bảng menu \(đối với model có màn hình LCD\)](#)

## Bảng thiết đặt

Sử dụng bảng này để hiểu các menu và tùy chọn khác nhau mà bạn sẽ sử dụng để thiết đặt tùy chọn của mình trên máy.

>> [General Setup (Cài đặt chung)]  
 >> [Printer (Máy in)]  
 >> [Network (Mạng)] (HL-B2150W/HL-B2180DW/HL-B2180DWB/HL-B2181DW)  
 >> [Print Reports (In báo cáo)]  
 >> [Machine Info. (Thông tin máy)]  
 >> [Initial Setup (Cài đặt ban đầu)]

### [General Setup (Cài đặt chung)]

Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Mô tả
Tray Setting (Thiết đặt khay)	Paper Type (Loại giấy)	-	Thiết đặt loại giấy trong khay giấy.
	Paper Size (Khổ giấy)	-	Thiết đặt khổ giấy trong khay giấy.
	Manual Feed (Nạp bằng tay)	-	Chọn khay giấy bạn muốn sử dụng.
	Print Position (Vị trí in)	X Offset	Điều chỉnh vị trí bắt đầu in (thường ở góc trên bên trái của trang) cho giấy bạn nạp vào khay giấy sang ngang từ -500 (trái) đến +500 (phải) điểm khi in tại 300 dpi.
		Y Offset	Điều chỉnh vị trí bắt đầu in (thường ở góc trên bên trái của trang) cho giấy bạn nạp vào khay giấy theo chiều dọc từ -500 (lên) đến +500 (xuống) điểm khi in tại 300 dpi.
Check Paper (Kiểm tra giấy)	-	Chọn xem có hiển thị thông báo cho biết bạn phải kiểm tra loại giấy và khổ giấy khi kéo khay giấy khỏi máy hay không.	
Ecology	Eco Mode (Chế độ Tiết kiệm)	-	Bật các cài đặt máy sau đây: <ul style="list-style-type: none"> <li>• 2-sided Print (In 2 mặt): Long Edge (Cạnh dài) <sup>12</sup></li> <li>• Sleep Time (Thời gian Chờ): 0Min (Tối thiểu)</li> <li>• Quiet Mode (Chế độ im lặng): On (Bật) <sup>1</sup></li> <li>• Toner Save (Tiết kiệm mực): On (Bật) <sup>1</sup></li> </ul>
	Toner Save (Tiết kiệm mực)	-	Tăng sản lượng trang của hộp mực.
	Sleep Time (Thời gian ngủ)	-	Thiết đặt thời gian chờ trước khi máy vào Chế độ tiết kiệm điện.
	Quiet Mode (Chế độ im lặng)	-	Giảm tiếng ồn khi in.
	Auto Power Off (Tắt nguồn tự động)	-	Thiết đặt số giờ mà máy sẽ duy trì ở chế độ Ngủ Sâu trước khi đi vào chế độ Tắt Nguồn.
Panel Control (Bảng điều khiển)	Button Repeat (Lặp lại nút)	-	Thiết đặt thời gian thay đổi thông báo trên màn hình LCD khi nhấn giữ ▲ hoặc ▼.

Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Mô tả
Panel Control (Bảng điều khiển)	Message Scroll (Cuộn thông báo)	-	Thiết đặt thời gian bằng giây thông báo trên màn hình LCD sẽ cuộn ngang màn hình LCD. Từ mức 1 (0,2 giây) đến Mức 10 (2 giây).
	LCD Contrast (Độ tương phản LCD)	-	Điều chỉnh độ tương phản của màn hình LCD.
	Auto Online (Trực tuyến tự động)	-	Thiết đặt máy để trở về Chế độ Sẵn sàng sau khi ở chế độ nghỉ 30 giây.
Setting Lock (Khóa thiết đặt)	-	-	Khóa cài đặt máy bằng cách sử dụng mật khẩu Khóa Cài đặt.
Interface (Giao diện)	Select (Chọn)	-	Chọn giao diện sẽ sử dụng. Nếu bạn chọn Auto (Tự động), máy thay đổi giao diện thành USB hoặc mạng tùy thuộc vào giao diện nào đang nhận dữ liệu.
	Auto IF Time (Thời gian IF tự động)	-	Thiết đặt khoảng thời gian hết giờ chờ cho lựa chọn giao diện tự động.
	Input Buffer (Bộ đệm đầu vào)	-	Tăng hoặc giảm dung lượng bộ đệm đầu vào.

1 Chỉ có thể thay đổi cài đặt này sau khi bạn thay đổi các cài đặt nhất định của máy trong Web Based Management.

2 Dành cho các model in 2 mặt tự động.

## [Printer (Máy in)]

Cấp 3	Cấp 4	Mô tả
Resolution (Độ phân giải)	-	Chọn độ phân giải in.
Density (Mật độ)	-	Tăng hoặc giảm mật độ in.
Print Settings (Thiết đặt in)	-	Thiết đặt cài đặt in thành Văn bản hoặc Đồ họa.
Print Options (Tùy chọn in)	Font List (Danh sách phông chữ)	In danh sách phông chữ và mẫu HP LaserJet.
	Test Print (In thử)	In trang kiểm tra.
2-sided (2 mặt) (Dành cho các model in 2 mặt tự động)	2-sided Print (In 2 mặt)	Chọn xem có in trên cả hai mặt giấy hay không.
	Single Image (Một ảnh)	Đối với một tác vụ in mà trang cuối là một hình ảnh 1 mặt, chọn tùy chọn 1-sided Feed (Nạp giấy 1 mặt) để giảm thời gian in. Khi bạn sử dụng phần tiêu đề giấy viết thư hoặc giấy in sẵn, bạn phải chọn tùy chọn 2-sided Feed (Nạp giấy 2 mặt). Nếu bạn chọn 1-sided Feed (Nạp giấy 1 mặt) cho phần tiêu đề giấy viết thư hoặc giấy in sẵn, trang cuối sẽ được in trên mặt sau.
Auto Continue (Tiếp tục tự động/ Auto Continue)	-	Chọn bạn có muốn máy xóa các lỗi về kích cỡ giấy hoặc lỗi về loại phương tiện tự động hay không, và sử dụng giấy từ các khay khác.
Paper Type (Loại giấy)	-	Thiết đặt loại giấy.
Paper Size (Khổ giấy)	-	Thiết đặt khổ giấy.
Copies (Bản sao)	-	Thiết đặt số lượng trang in.

Cấp 3	Cấp 4	Mô tả
Orientation (Hướng)	-	Đặt giấy in theo hướng dọc hoặc ngang.
Print Position (Vị trí in)	X Offset	Điều chỉnh vị trí bắt đầu in (thường ở góc trên bên trái của trang) cho giấy bạn nạp vào khay giấy sang ngang từ -500 (trái) đến +500 (phải) điểm khi in tại 300 dpi.
	Y Offset	Điều chỉnh vị trí bắt đầu in (thường ở góc trên bên trái của trang) cho giấy bạn nạp vào khay giấy theo chiều dọc từ -500 (lên) đến +500 (xuống) điểm khi in tại 300 dpi.
Auto FF (FF tự động)	-	Cho phép máy in mọi dữ liệu còn lại tự động.
HP LaserJet	Font No. (Số phông chữ)	Thiết đặt số phông. Menu này xuất hiện nếu phông mềm được cài đặt trên máy Brother.
	Font Pitch (Font Pitch)	Thiết đặt bước phông. (Chỉ có ở một số phông nhất định.)
	Font Point (Điểm phông)	Thiết đặt cỡ phông. (Chỉ có ở một số phông nhất định.)
	Symbol Set (Bộ ký hiệu)	Chọn biểu tượng hoặc ký tự được thiết đặt.
	Table Print (In bảng)	In bảng mã.
	Auto LF (LF tự động)	BẬT: CR -> CR+LF, TẮT: CR -> CR
	Auto CR (CR tự động)	BẬT: LF -> LF+CR, FF -> FF+CR hoặc VT -> VT+CR TẮT: LF -> LF, FF -> FF hoặc VT -> VT
	Auto WRAP (NGẮT DÒNG tự động)	Chọn xem bạn có muốn đẩy dòng và trở về đầu dòng khi vị trí đầu in tới lề phải không.
	Auto SKIP (BỎ QUA tự động)	Chọn xem bạn có muốn đẩy dòng và trở về đầu dòng khi vị trí đầu in tới lề dưới không.
	Left Margin (Lề trái)	Thiết đặt lề trái ở cột 0 thành 70 cột tại 1 cpi.
	Right Margin (Lề phải)	Thiết đặt lề phải ở cột 10 thành 80 cột tại 1 cpi.
	Top Margin (Lề trên)	Thiết đặt khoảng cách lề trên từ cạnh trên của giấy.
	Bottom Margin (Lề dưới)	Thiết đặt khoảng cách lề dưới từ cạnh dưới của giấy.
	Lines (Số dòng)	Thiết đặt số lượng dòng mỗi trang.
Tray Command (Lệnh đến khay)	Chọn cài đặt này nếu thông báo khay không phù hợp xuất hiện khi bạn sử dụng trình điều khiển HP.	
Reset Printer (Đặt lại máy in)	-	Khôi phục cài đặt máy về cài đặt mặc định theo nhà máy.

### [Network (Mạng)] (HL-B2150W/HL-B2180DW/HL-B2180DWB/HL-B2181DW)

Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Mô tả
Wired LAN (LAN có dây)	TCP/IP	Boot Method (Phương thức khởi động)	-	Chọn phương thức IP phù hợp nhất với nhu cầu của bạn.

Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Mô tả
Wired LAN (LAN có dây)	TCP/IP	IP Address (Địa chỉ IP)	-	Nhập địa chỉ IP.
		Subnet Mask (Mặt nạ mạng con)	-	Nhập Mặt nạ mạng con.
		Gateway (Cổng kết nối)	-	Nhập địa chỉ Cổng.
		Node Name (Tên nút)	-	Nhập tên Nude.
		WINS Config (Cấu hình WINS)	-	Chọn chế độ cấu hình WINS.
		WINS Server (Máy chủ WINS)	Primary	Chỉ định địa chỉ IP của máy chủ WINS chính.
			Secondary (Phụ)	Chỉ định địa chỉ IP của máy chủ WINS phụ.
		DNS Server (Máy chủ DNS)	Primary	Chỉ định địa chỉ IP của máy chủ DNS chính.
			Secondary (Phụ)	Chỉ định địa chỉ IP của máy chủ DNS phụ.
	APIPA	-	Tự động cấp phát địa chỉ IP từ dải địa chỉ liên kết cục bộ. <sup>1</sup>	
	IPv6	-	Bật hoặc vô hiệu giao thức IPv6.	
	Ethernet	-	-	Chọn chế độ liên kết Ethernet.
	Wired Status (Trạng thái Kết nối)	-	-	Hiển thị trạng thái kết nối mạng có dây.
	MAC Address (Địa chỉ MAC)	-	-	Hiển thị địa chỉ MAC của máy.
	Set to Default (Đặt về Mặc định)	-	-	Khôi phục các cài đặt mạng có dây của máy về cài đặt của nhà máy.
Wired Enable (Kết nối Có dây)	-	-	Bật hoặc tắt giao diện có dây.	
WLAN (Wi-Fi) (WLAN (Wi-Fi))	Find Network (Tìm mạng)	-	-	Cấu hình thiết đặt mạng không dây của bạn bằng tay.
	TCP/IP	Boot Method (Phương thức khởi động)	-	Chọn phương thức IP phù hợp nhất với nhu cầu của bạn.
		IP Address (Địa chỉ IP)	-	Nhập địa chỉ IP.
		Subnet Mask (Mặt nạ mạng con)	-	Nhập Mặt nạ mạng con.
		Gateway (Cổng kết nối)	-	Nhập địa chỉ Cổng.

Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Mô tả
WLAN (Wi-Fi) (WLAN (Wi-Fi))	TCP/IP	Node Name (Tên nút)	-	Nhập tên Nude.
		WINS Config (Cấu hình WINS)	-	Chọn chế độ cấu hình WINS.
		WINS Server (Máy chủ WINS)	Primary	Chỉ định địa chỉ IP của máy chủ WINS chính.
			Secondary (Phụ)	Chỉ định địa chỉ IP của máy chủ WINS phụ.
		DNS Server (Máy chủ DNS)	Primary	Chỉ định địa chỉ IP của máy chủ DNS chính.
			Secondary (Phụ)	Chỉ định địa chỉ IP của máy chủ DNS phụ.
		APIPA	-	Tự động cấp phát địa chỉ IP từ dải địa chỉ liên kết cục bộ. <sup>1</sup>
	IPv6	-	Bật hoặc vô hiệu giao thức IPv6.	
	WPS/Push Button (Nút WPS/Push)	-	-	Cấu hình các cài đặt mạng không dây bằng cách sử dụng phương pháp nhấn một nút.
	WPS/PIN Code (Mã WPS/PIN)	-	-	Cấu hình thiết lập mạng không dây của bạn bằng cách sử dụng WPS với mã PIN.
	Recover WLAN (Khôi phục WLAN)	-	-	Khởi động lại thiết bị mở rộng để kết nối mạng (WLAN) của máy.
	WLAN Status (Trạng thái WLAN)	Status (Trạng thái)	-	Hiển thị trạng thái kết nối mạng không dây.
		Signal (Tín hiệu)	-	Xem cường độ tín hiệu mạng không dây.
		Channel (Kênh)	-	Hiển thị kênh đang sử dụng khi Status (Trạng thái) là Active (Kích hoạt).
		Speed (Tốc độ)	-	Hiển thị tốc độ kết nối khi Status (Trạng thái) là Active (Kích hoạt).
		SSID	-	Hiển thị SSID không dây (Tên mạng).
		Comm. Mode (Chế độ liên lạc)	-	Hiển thị Chế độ Liên lạc hiện tại.
	MAC Address (Địa chỉ MAC)	-	-	Hiển thị địa chỉ MAC của máy.
	Set to Default (Đặt về Mặc định)	-	-	Khôi phục các cài đặt mạng không dây của máy về cài đặt của nhà máy.
	WLAN Enable (Bật WLAN)	-	-	Bật hoặc tắt giao diện không dây.
	Wi-Fi Direct	Manual (Thủ công)	-	-
Group Owner (Chủ sở hữu nhóm)		-	-	Thiết lập máy của bạn là Chủ sở hữu nhóm.

Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Mô tả	
Wi-Fi Direct	Push Button (Nút bấm)	-	-	Cấu hình các cài đặt mạng Wi-Fi Direct bằng cách sử dụng phương pháp ấn một lần trước khi thao tác hết thời gian chờ.	
	PIN Code (Mã PIN)	-	-	Cấu hình các cài đặt mạng Wi-Fi Direct bằng cách sử dụng WPS với mã PIN trước khi thao tác hết thời gian chờ.	
	Device Info. (Thông tin Thiết bị)	Device Name (Tên Thiết bị)	-	-	Xem tên thiết bị của máy.
		SSID	-	-	Hiển thị SSID của Chủ sở hữu nhóm (Tên mạng).
		IP Address (Địa chỉ IP)	-	-	Hiển thị Địa chỉ IP máy.
	Status Info. (Thông tin Trạng thái)	Status (Trạng thái)	-	-	Hiển thị trạng thái mạng Wi-Fi Direct.
		Signal (Tín hiệu)	-	-	Hiển thị cường độ tín hiệu mạng Wi-Fi Direct hiện tại. Khi máy của bạn đóng vai trò Chủ sở hữu nhóm, màn hình LCD luôn hiển thị Strong (Mạnh).
		Channel (Kênh)	-	-	Hiển thị kênh đang sử dụng khi Status (Trạng thái) là G/O Active (G/O Hiện hoạt) hoặc Client Active (Khách hàng hiện hoạt).
		Speed (Tốc độ)	-	-	Hiển thị tốc độ kết nối khi Status (Trạng thái) là G/O Active (G/O Hiện hoạt) hoặc Client Active (Khách hàng hiện hoạt).
	I/F Enable (I/F Bật)	-	-	Bật hoặc tắt kết nối Wi-Fi Direct.	
Web Based Mgmt (Web Based Mgmt)	-	-	-	Bật hoặc tắt Web Based Management. Nếu bạn bật chức năng này, đảm bảo bạn chỉ định phương thức kết nối để sử dụng Web Based Management.	
Global Detect (Phát hiện toàn cầu)	Allow Detect (Cho phép phát hiện)	-	-	Bật hoặc tắt Global Detect, một chức năng phát hiện và thông báo cho người dùng khi người dùng vô tình kết nối mạng toàn cầu.	
	Reject Access (Từ chối truy cập)	-	-	Tắt kết nối với mạng toàn cầu.	
Network Reset (Đặt lại mạng)	-	-	-	Khôi phục cài đặt mạng của máy về cài đặt mặc định theo nhà máy, ngoại trừ mật khẩu quản trị viên.	

<sup>1</sup> Khi kết nối vào mạng, nếu "Phương thức boot" của máy là "Tự động", máy sẽ cố gắng thiết lập địa chỉ IP và Mật khẩu mạng con từ một máy chủ boot như DHCP. Nếu không thể tìm thấy máy chủ boot thì một địa chỉ IP APIPA sẽ được cấp phát, chẳng hạn như 169. 254. (001-254). (000-255). Nếu "Phương thức boot" của máy được thiết lập thành "Tĩnh", bạn phải nhập địa chỉ IP bằng tay từ bảng điều khiển của máy.



## [Print Reports (In báo cáo)]

Cấp 3	Mô tả
Printer Settings (Thiết đặt máy in)	In trang Thiết đặt máy in.
Network Config (Cấu hình mạng) (Dành cho các model có mạng)	In Báo cáo cấu hình mạng.
Print File List (Danh sách tệp tin cần in)	In một danh sách dữ liệu đã lưu trong bộ nhớ.
Drum Dot Print (In chấm mực của trống mực)	In tờ kiểm tra chấm trên trống mực.
WLAN Report (Báo cáo WLAN) (Dành cho các model có mạng không dây)	In báo cáo chẩn đoán kết nối không dây.

## [Machine Info. (Thông tin máy)]

Cấp 3	Cấp 4	Mô tả
Serial No. (Số sê-ri)	-	Hiển thị số sê-ri của máy.
Firmware Version (Phiên bản firmware)	Main Version (Phiên bản chính)	Kiểm tra phiên bản firmware của máy.
	Security Version (Phiên bản bảo mật)	
Page Counter (Bộ đếm giấy)	-	Hiển thị tổng số trang được in.
Parts Life (Tuổi thọ của bộ phận) 1	Toner (Mực)	Hiển thị tuổi thọ còn lại của hộp mực.
	Drum (Trống từ)	Hiển thị tuổi thọ còn lại của bộ trống mực.

<sup>1</sup> Tuổi thọ bộ phận mang tính ước chừng và có thể thay đổi tùy theo cách sử dụng.

## [Initial Setup (Cài đặt ban đầu)]

Cấp 3	Cấp 4	Mô tả
Reset (Đặt lại)	Machine Reset (Đặt lại máy)	Khôi phục toàn bộ cài đặt của máy mà bạn đã thay đổi, như Loại giấy.
	Network Reset (Đặt lại mạng)	Khôi phục cài đặt mạng của máy về cài đặt mặc định theo nhà máy, ngoại trừ mật khẩu quản trị viên.
	Factory Reset (Đặt lại theo nhà máy)	Đặt lại máy và khôi phục thiết đặt máy in (bao gồm cả thiết đặt lệnh) về thiết đặt mặc định của nhà máy.
Local Language (Ngôn ngữ địa phương)	-	Chọn ngôn ngữ trên màn hình LCD cho quốc gia của bạn.



### Thông tin liên quan

- Bảng menu (đối với model có màn hình LCD)

## In danh sách thiết đặt máy in

1. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [Print Reports (In báo cáo)], rồi bấm **OK**.
2. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [Printer Settings (Thiết đặt máy in)], rồi bấm **OK**.
3. Bấm **Go (Vào)**.

Máy sẽ in Thiết đặt máy in.



### Thông tin liên quan

- [Thiết đặt máy](#)

## Thay đổi Cài đặt Máy bằng tiện ích Quản lý dựa trên Web

Quản lý dựa trên Web là một tiện ích sử dụng một trình duyệt web chuẩn để quản lý máy của bạn bằng Giao thức truyền siêu văn bản (HTTP) hoặc Giao thức truyền siêu văn bản thông qua Tầng ổ bảo mật (HTTPS).

- [Quản lý dựa trên Web là gì?](#)
- [Truy cập tính năng Quản lý trên nền Web](#)
- [Thay đổi mật khẩu đăng nhập bằng Quản lý trên nền web](#)

## Quản lý dựa trên Web là gì?

Quản lý dựa trên Web là một tiện ích sử dụng một trình duyệt web chuẩn để quản lý máy của bạn bằng Giao thức truyền siêu văn bản (HTTP) hoặc Giao thức truyền siêu văn bản thông qua Tầng ổ bảo mật (HTTPS).



- Chúng tôi khuyên bạn nên sử dụng phiên bản mới nhất của các trình duyệt web sau:
  - Microsoft Edge, Firefox và Google Chrome™ cho Windows
  - Safari, Firefox và Google Chrome™ cho Mac
  - Google Chrome™ cho Android™
  - Safari và Google Chrome™ cho iOS
- Đảm bảo JavaScript và Cookie luôn được bật, bất kể bạn sử dụng trình duyệt nào.
- HL-B2150W/HL-B2180DW/HL-B2180DWB/HL-B2181DW:  
Đảm bảo máy của bạn được Bật và được kết nối với cùng mạng với máy tính và mạng của bạn hỗ trợ giao thức TCP/IP.

XXX-XXXX series brother

<

Login

[Trouble logging in?>>](#)

This machine's default password is on the back of the machine and marked "Pwd". We recommend changing it immediately.

Home

Status

Auto Refresh Interval

### Status

#### Device Status

Sleep

Automatic Refresh

Off  
 On

#### Toner Level

BK

Copyright(C) 2000-2021 Brother Industries, Ltd. All Rights Reserved.

Màn hình thực tế có thể khác với màn hình được thể hiện ở trên.



### Thông tin liên quan

- [Thay đổi Cài đặt Máy bằng tiện ích Quản lý dựa trên Web](#)

## Truy cập tính năng Quản lý trên nền Web

- Chúng tôi khuyên bạn nên sử dụng phiên bản mới nhất của các trình duyệt web sau:
  - Microsoft Edge, Firefox và Google Chrome™ cho Windows
  - Safari, Firefox và Google Chrome™ cho Mac
  - Google Chrome™ cho Android™
  - Safari và Google Chrome™ cho iOS
- Đảm bảo JavaScript và Cookie luôn được bật, bất kể bạn sử dụng trình duyệt nào.
- HL-B2150W/HL-B2180DW/HL-B2180DWB/HL-B2181DW:  
Chúng tôi khuyên bạn nên sử dụng giao thức bảo mật HTTPS khi định cấu hình cài đặt bằng tính năng Quản lý trên nền Web. Nếu bạn sử dụng HTTP khi cấu hình thiết đặt bằng Quản lý trên nền web, hãy làm theo lời nhắc trên màn hình để chuyển sang kết nối HTTPS bảo mật.
- HL-B2150W/HL-B2180DW/HL-B2180DWB/HL-B2181DW:  
Khi bạn sử dụng HTTPS để cấu hình tính năng Quản lý trên nền Web, trình duyệt của bạn sẽ hiển thị hộp thoại cảnh báo. Để tránh hiển thị hộp thoại cảnh báo, bạn có thể cài đặt chứng chỉ tự ký để sử dụng đường truyền SSL/TLS.
- Mật khẩu mặc định để quản lý cài đặt của máy này nằm ở phía sau máy và được đánh dấu "Pwd". Đổi mật khẩu mặc định bằng cách thực hiện theo hướng dẫn trên màn hình khi bạn đăng nhập lần đầu tiên. Chúng tôi khuyến nghị thay đổi mật khẩu mặc định ngay lập tức để bảo vệ máy của bạn khỏi truy cập trái phép.  
HL-B2150W/HL-B2180DW/HL-B2180DWB/HL-B2181DW:  
Bạn cũng có thể tìm mật khẩu mặc định trong Báo cáo cấu hình mạng.

>> Truy cập tính năng Quản lý trên nền web từ Trình duyệt web

>> Truy cập tính năng Quản lý trên nền web từ Brother iPrint&Scan (Windows/Mac)

>> Truy cập tính năng Quản lý trên nền web từ ứng dụng Brother Utilities (Windows)

### Truy cập tính năng Quản lý trên nền web từ Trình duyệt web

- Khởi động trình duyệt web của bạn.
- Nhập "https://machine's IP address" vào thanh địa chỉ của trình duyệt (vị trí "machine's IP address" là địa chỉ IP của máy bạn).

Ví dụ:

https://192.168.1.2



- Nếu bạn đang sử dụng Hệ thống Tên Miền hoặc bật tên NetBIOS, bạn có thể nhập tên khác, như "SharedPrinter" thay vì nhập địa chỉ IP.

Ví dụ: https://SharedPrinter

- Nếu bạn bật tên NetBIOS, bạn cũng có thể sử dụng tên nút.  
Ví dụ: https://brn123456abcdef
- Tên NetBIOS có thể được tìm thấy trong Báo cáo Cấu hình Mạng.

- Nhập mật khẩu vào trường **Login (Đăng nhập)**, rồi nhấp vào **Login (Đăng nhập)** nếu cần.



Mật khẩu mặc định để quản lý cài đặt của máy này nằm ở phía sau máy và được đánh dấu "Pwd". Thay đổi mật khẩu mặc định bằng cách làm theo hướng dẫn trên màn hình khi bạn đăng nhập lần đầu tiên.

- Nếu bạn muốn ghim thanh điều hướng ở bên trái màn hình, nhấp vào ☰ rồi nhấp vào .

Bây giờ, bạn có thể thay đổi thiết đặt của máy.



Nếu máy không hoạt động trong một khoảng thời gian nhất định, người dùng sẽ tự động đăng xuất. Thay đổi cài đặt đăng xuất trong menu **Logout Time (Thời gian đăng xuất)**.

## Truy cập tính năng Quản lý trên nền web từ Brother iPrint&Scan (Windows/Mac)

1. Khởi động Brother iPrint&Scan.

- Windows

Khởi chạy  (**Brother iPrint&Scan**).

- Mac

Trong thanh menu **Finder (Trình tìm kiếm)**, nhấp vào **Go (VÀO) > Applications (Ứng dụng)**, rồi nhấp đúp vào biểu tượng iPrint&Scan.

Màn hình Brother iPrint&Scan xuất hiện.

2. Nếu máy Brother của bạn chưa được chọn, hãy nhấp vào nút **Select your Machine (Chọn Máy in của bạn)**, rồi chọn tên model của bạn trong danh sách. Nhấp vào **OK**.

3. Nhấp vào



(**Cài đặt Máy/Vật tư**).

4. Nhấp vào **Toàn bộ Cài đặt**.

Trang Quản lý trên nền web xuất hiện.

5. Nhập mật khẩu vào trường **Login (Đăng nhập)**, rồi nhấp vào **Login (Đăng nhập)** nếu cần.



Mật khẩu mặc định để quản lý cài đặt của máy này nằm ở phía sau máy và được đánh dấu "**Pwd**". Thay đổi mật khẩu mặc định bằng cách làm theo hướng dẫn trên màn hình khi bạn đăng nhập lần đầu tiên.


6. Nếu bạn muốn ghim thanh điều hướng ở bên trái màn hình, nhấp vào  rồi nhấp vào .

Bây giờ, bạn có thể thay đổi thiết đặt của máy.



Bạn cũng có thể truy cập tính năng Quản lý trên nền web từ ứng dụng Brother Mobile Connect dành cho thiết bị di động.

## Truy cập tính năng Quản lý trên nền web từ ứng dụng Brother Utilities (Windows)

1. Khởi chạy  (**Brother Utilities**), rồi nhấp vào danh sách thả xuống và chọn tên dòng máy của bạn (nếu chưa được chọn).

2. Bấm **Công cụ** trong thanh điều hướng bên trái, rồi bấm **Cài đặt máy**.

Trang Quản lý trên nền web xuất hiện.

3. Nhập mật khẩu vào trường **Login (Đăng nhập)**, rồi nhấp vào **Login (Đăng nhập)** nếu cần.



Mật khẩu mặc định để quản lý cài đặt của máy này nằm ở phía sau máy và được đánh dấu "**Pwd**". Thay đổi mật khẩu mặc định bằng cách làm theo hướng dẫn trên màn hình khi bạn đăng nhập lần đầu tiên.

4. Nếu bạn muốn ghim thanh điều hướng ở bên trái màn hình, nhấp vào  rồi nhấp vào .

Bây giờ, bạn có thể thay đổi thiết đặt của máy.

HL-B2150W/HL-B2180DW/HL-B2180DWB/HL-B2181DW:

Nếu bạn thay đổi cài đặt giao thức, bạn phải khởi động lại máy sau khi nhấp vào **Submit (Gửi)** để kích hoạt cấu hình.

Sau khi cấu hình cài đặt, nhấp vào **Logout (Đăng xuất)**.



## Thông tin liên quan

- Thay đổi Cài đặt Máy bằng tiện ích Quản lý dựa trên Web

## Thay đổi mật khẩu đăng nhập bằng Quản lý trên nền web

Mật khẩu mặc định để quản lý cài đặt của máy này nằm ở phía sau máy và được đánh dấu “PwD”. Đổi mật khẩu mặc định bằng cách thực hiện theo hướng dẫn trên màn hình khi bạn đăng nhập lần đầu tiên. Chúng tôi khuyến nghị thay đổi mật khẩu mặc định ngay lập tức để bảo vệ máy của bạn khỏi truy cập trái phép.

1. Khởi động trình duyệt web của bạn.
2. Nhập “https://machine's IP address” vào thanh địa chỉ của trình duyệt (vị trí “machine's IP address” là địa chỉ IP của máy bạn).

Ví dụ:

https://192.168.1.2



- Nếu bạn đang sử dụng Hệ thống Tên Miền hoặc bật tên NetBIOS, bạn có thể nhập tên khác, như “SharedPrinter” thay vì nhập địa chỉ IP.

Ví dụ: https://SharedPrinter

- Nếu bạn bật tên NetBIOS, bạn cũng có thể sử dụng tên nút.

Ví dụ: https://brn123456abcdef

- Tên NetBIOS có thể được tìm thấy trong Báo cáo Cấu hình Mạng.

3. Thực hiện một trong các thao tác sau:
  - Nếu trước đây bạn đã thiết đặt mật khẩu của riêng mình, hãy nhập mật khẩu đó rồi nhấp vào **Login (Đăng nhập)**.
  - Nếu trước đây bạn chưa thiết đặt mật khẩu của riêng mình, hãy nhập mật khẩu đăng nhập mặc định, rồi nhấp vào **Login (Đăng nhập)**.
4. Trong thanh điều hướng bên trái, nhấp vào **Administrator (Quản trị viên) > Login Password (Mật khẩu đăng nhập)**.



- Mật khẩu mặc định để quản lý thiết đặt của máy này nằm ở phía sau máy và được đánh dấu “PwD”.
- Nếu thanh điều hướng bên trái không hiển thị, hãy bắt đầu điều hướng từ ☰.

5. Để thay đổi mật khẩu, hãy nhập mật khẩu hiện tại của bạn vào trường **Enter Old Password (Nhập mật khẩu cũ)**.
6. Thực hiện theo hướng dẫn **Login Password (Mật khẩu đăng nhập)** trên màn hình để nhập mật khẩu mới vào trường **Enter New Password (Nhập Mật khẩu mới)**.
7. Nhập lại mật khẩu mới vào trường **Confirm New Password (Xác nhận Mật khẩu mới)**.
8. Nhấp vào **Submit (Gửi)**.



Bạn cũng có thể thay đổi thiết đặt khóa trong menu **Login Password (Mật khẩu đăng nhập)**.



### Thông tin liên quan

- [Thay đổi Cài đặt Máy bằng tiện ích Quản lý dựa trên Web](#)



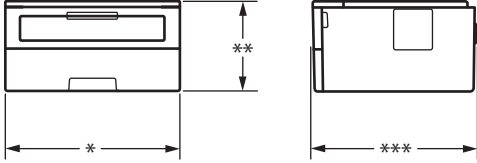
## Phụ lục

- Thông số kỹ thuật
- Vật tư
- Trợ giúp và hỗ trợ khách hàng của Brother

## Thông số kỹ thuật

- >> Thông số kỹ thuật chung
- >> Thông số kỹ thuật của phương tiện in
- >> Thông số kỹ thuật của máy in
- >> Thông số kỹ thuật giao diện
- >> Giao thức và tính năng bảo mật được hỗ trợ
- >> Thông số kỹ thuật yêu cầu cho máy tính

### Thông số kỹ thuật chung

<b>Loại máy in</b>		Laze
<b>Phương thức in</b>		Máy in laze quang điện tử
<b>Dung lượng bộ nhớ</b>	<b>Tiêu chuẩn</b>	128 MB
<b>Màn hình máy</b>		16 ký tự x 1 dòng
<b>Nguồn điện</b>		220 V đến 240 V AC 50/60 Hz
<b>Mức tiêu thụ điện năng</b> (Trung bình)	<b>Tối đa</b>	Khoảng 920 W
	<b>In<sup>1</sup></b>	Khoảng 470 W ở 25 °C
	<b>In (Chế độ im lặng)<sup>1</sup></b>	Khoảng 270 W ở 25 °C
	<b>Sẵn sàng<sup>1</sup></b>	Khoảng 43 W ở 25 °C
	<b>Ngủ<sup>1</sup></b>	Khoảng 3,8 W
	<b>Ngủ sâu<sup>1</sup></b>	Khoảng 0,5 W
<b>Tắt nguồn<sup>2 3</sup></b>		Khoảng 0,08 W
<b>Kích thước</b> (Đường viền điển hình)		Đơn vị: mm * : 356 ** : 183 *** : 360
		
<b>Trọng lượng (có vật tư)</b>		<ul style="list-style-type: none"> <li>• (HL-B2150W) 7,3 kg</li> <li>• (HL-B2100D/HL-B2100DB/HL-B2180DW/ HL-B2180DWB/HL-B2181DW) 7,5 kg</li> </ul>

<sup>1</sup> Đo khi kết nối máy bằng kết nối mạng giống với phương thức kiểm tra ENERGY STAR phiên bản 3.1.

<sup>2</sup> Đo theo Phiên bản 2.0 của IEC 62301.

<sup>3</sup> Mức tiêu thụ điện hơi khác nhau tùy vào môi trường sử dụng.

Độ ồn	Áp suất âm thanh <sup>4</sup>	In	LpAm = 49 dB (A)
		In (Chế độ im lặng)	LpAm = 44 dB (A)
		Sẵn sàng	LpAm = Tối đa 30 dB (A)
	Công suất âm thanh	In <sup>4</sup>	LWAc = 6,65 B (A)
		In (Chế độ im lặng)	LWAc = 6,06 B (A)
		Sẵn sàng	LWAc = Không thể nghe được
Nhiệt độ	Hoạt động	Từ 10 °C đến 32,5 °C	
	Lưu trữ	Từ 0 °C đến 40 °C	
Độ ẩm	Hoạt động	20% đến 80% (không có nước ngưng tụ)	
	Lưu trữ	35% đến 85% (không có nước ngưng tụ)	

### Thông số kỹ thuật của phương tiện in

Đầu vào giấy	Khay giấy (Chuẩn)	Loại giấy	Giấy thường, Giấy mỏng, Giấy tái chế, Giấy dày
		Khổ giấy	(Đối với Hàn Quốc và Thổ Nhĩ Kỳ) A4, Letter, B5 (JIS), B5 (ISO), A5, A5 (Cạnh dài), B6 (JIS), A6, Executive, 16K (195x270 mm), A4 ngắn (giấy 270mm) (Dành cho các quốc gia khác) A4, Letter, B5 (JIS), B5 (ISO), A5, A5 (Cạnh dài), B6 (JIS), A6, Executive, Legal, Mexico Legal, India Legal, Folio, 16K (195x270 mm), A4 ngắn (giấy 270mm)
		Trọng lượng giấy	60 đến 163 g/m <sup>2</sup> <sup>1</sup>
		Sức chứa giấy tối đa	Lên đến 250 tờ Giấy thường 80 g/m <sup>2</sup>
	Khe nạp bằng tay	Loại giấy	Giấy thường, Giấy mỏng, Giấy dày, Giấy dày hơn, Giấy tái chế, Giấy bông, Nhân, Phong bì, Phong bì mỏng, Phong bì dày
		Khổ giấy	<ul style="list-style-type: none"> <li>Chiều rộng: 76,2 đến 215,9 mm</li> <li>Chiều dài: 127 đến 355,6 mm</li> <li>Phong bì: COM-10, DL, C5, Monarch</li> </ul>
		Trọng lượng giấy	60 đến 230 g/m <sup>2</sup>
		Sức chứa giấy tối đa	Từng tờ một
	Đầu ra giấy <sup>2</sup>	Khay đầu ra hướng xuống	Lên đến 150 tờ Giấy thường 80 g/m <sup>2</sup> (úp xuống để chạy đến khay đầu ra giấy úp xuống) <sup>3</sup>
		Khay đầu ra hướng lên	Một tờ (ngửa lên để chạy đến khay đầu ra giấy ngửa lên)
2 mặt	In 2 mặt tự động	Loại giấy	Giấy thường, Giấy mỏng, Giấy tái chế
		Khổ giấy	A4
		Trọng lượng giấy	60 đến 105 g/m <sup>2</sup>

<sup>4</sup> Đo theo phương thức được quy định trong ISO 7779.

- Đối với giấy 105 g/m<sup>2</sup> trở lên, hãy mở nắp lưng để sử dụng khay đầu ra hướng lên.
- Đối với nhãn, chúng tôi khuyến nghị nên lấy tờ nhãn đã in ra khỏi khay giấy đầu ra ngay sau khi nhãn xuất ra từ máy để tránh bị nhòe mực.
- Được tính toán với 80 g/m<sup>2</sup> trong môi trường nhiệt độ bình thường, không ẩm ướt.

## Thông số kỹ thuật của máy in

<b>In 2 mặt tự động</b>	(HL-B2100D/HL-B2100DB/HL-B2180DW/HL-B2180DWB/HL-B2181DW) Có
<b>Mô phỏng</b>	PCL6
<b>Độ phân giải</b>	Lên đến 1200 x 1200 dpi
<b>Tốc độ in</b> <sup>1 2</sup>	<b>In 1 mặt</b> <sup>3</sup>
	<b>In 2 mặt</b>
	Lên đến 34 trang/phút (khổ A4) Lên đến 36 trang/phút (khổ Letter)
	(HL-B2100D/HL-B2100DB/HL-B2180DW/HL-B2180DWB/HL-B2181DW) Lên đến 16 mặt/phút (lên đến 8 tờ/phút) (khổ A4) Lên đến 17 mặt/phút (Lên đến 8,5 tờ/phút) (khổ Letter)
<b>Thời gian in lần đầu</b> <sup>4</sup>	Dưới 8,5 giây ở 23°C

- Tốc độ in có thể thay đổi tùy thuộc vào loại tài liệu mà bạn in.
- Tốc độ in có thể chậm hơn khi máy được kết nối bằng mạng LAN không dây.
- Các tốc độ in này dành cho in 1 mặt và được đo theo ISO/IEC 24734.
- Từ chế độ Sẵn sàng và khay tiêu chuẩn.

## Thông số kỹ thuật giao diện

<b>USB</b>	Loại: khe cắm USB Type-B Phiên bản: USB 2.0 tốc độ cao <sup>1 2</sup> Sử dụng cáp giao diện USB 2.0 không dài quá 2,0 m.
<b>LAN</b>	(HL-B2150W/HL-B2180DW/HL-B2180DWB/HL-B2181DW) 10Base-T/100Base-TX <sup>3</sup>
<b>LAN không dây</b>	(HL-B2150W/HL-B2180DW/HL-B2180DWB/HL-B2181DW) (Dành cho các quốc gia Châu Phi và Trung Đông, Bangladesh, Nepal và Pakistan) IEEE 802.11b/g/n (Cơ sở hạ tầng) IEEE 802.11g/n (Wi-Fi Direct) (Dành cho các quốc gia khác) IEEE 802.11a/b/g/n (Chế độ cơ sở hạ tầng) IEEE 802.11a/g/n (Wi-Fi Direct®)

- Máy của bạn có giao diện USB 2.0 tốc độ cao. Cũng có thể kết nối máy với máy tính có giao diện USB 1.1.
- Thiết bị chia cổng USB của bên thứ ba không được hỗ trợ.
- Sử dụng cáp xoắn đôi thẳng suốt Loại 5 (trở lên).

## Giao thức và tính năng bảo mật được hỗ trợ

Các giao thức và tính năng bảo mật được hỗ trợ có thể khác nhau tùy theo model.

### Ethernet

10Base-T/100Base-TX

### Mạng LAN không dây (2,4 GHz)

IEEE 802.11b/g/n (Chế độ cơ sở hạ tầng), IEEE 802.11g/n (Wi-Fi Direct)

### Mạng LAN không dây (5 GHz)

IEEE 802.11a/n (Chế độ cơ sở hạ tầng), IEEE 802.11a/n (Wi-Fi Direct)

#### Giao thức (IPv4)

ARP, RARP, BOOTP, DHCP, APIPA(Auto IP), phân giải tên WINS/NetBIOS, Bộ phân giải DNS, mDNS, Bộ đáp ứng LLMNR, LPR/LPD, Cổng Raw Tùy chỉnh/Cổng 9100, Máy khách SMTP, IPP/IPPS, Máy chủ FTP, SNMPv1/v2c/v3, máy chủ HTTP/HTTPS, máy khách và máy chủ TFTP, ICMP, Dịch vụ Web (in)

#### Giao thức (IPv6)

NDP, RA, bộ phân giải DNS, mDNS, bộ đáp ứng LLMNR, LPR/LPD, Cổng Raw Tùy chỉnh/Cổng 9100, IPP/IPPS, Máy khách SMTP, Máy chủ FTP, SNMPv1/v2c/v3, máy chủ HTTP/HTTPS, máy khách và máy chủ TFTP, ICMPv6, Dịch vụ Web (In)

#### Bảo mật mạng (có dây)

SMTP-AUTH, SNMP v3,SSL/TLS(SMTP,HTTP,IPP), 802.1x (EAP-MD5, EAP-FAST, PEAP, EAP-TLS, EAP-TTLS), OAuth(SMTP, POP3, IMAP4)

#### Bảo mật mạng (không dây)

SMTP-AUTH, SNMP v3,SSL/TLS(SMTP,HTTP,IPP), 802.1x (EAP-FAST, PEAP, EAP-TLS, EAP-TTLS), OAuth(SMTP, POP3, IMAP4)

#### Bảo mật mạng không dây

WEP 64/128 bit, WPA-PSK (TKIP/AES), WPA2-PSK (TKIP/AES) (Wi-Fi Direct chỉ hỗ trợ WPA2-PSK (AES)), WPA3-SAE (AES)

#### Chứng nhận không dây

Giấy phép Đánh dấu chứng nhận Wi-Fi (WPA3™ - Doanh nghiệp, Cá nhân), Giấy phép Đánh dấu Định danh Wi-Fi Protected Setup™ (WPS), Wi-Fi CERTIFIED™ Wi-Fi Direct

### Thông số kỹ thuật yêu cầu cho máy tính

Hệ điều hành và chức năng phần mềm được hỗ trợ

Nền tảng & phiên bản hệ điều hành của máy tính	Giao diện máy tính			Bộ xử lý	Dung lượng đĩa cứng để cài đặt <sup>1</sup>	
	USB <sup>2</sup>	LAN có dây	LAN không dây		Đối với trình điều khiển	Đối với các ứng dụng (bao gồm Trình điều khiển)
Windows 10 Home / 10 Pro / 10 Education / 10 Enterprise	In			Bộ vi xử lý 32 bit (x86) hoặc 64 bit (x64)	50 MB	1,6 GB
Windows 11 Home / 11 Pro / 11 Education / 11 Enterprise				Bộ xử lý 64 bit (x64)		
Windows Server 2012	In			Bộ xử lý 64 bit (x64)	50 MB	50 MB
Windows Server 2012 R2						
Windows Server 2016						
Windows Server 2019						
Windows Server 2022						
macOS v11 <sup>3</sup>	In			Bộ xử lý 64 bit	Không áp dụng	500 MB
macOS v12 <sup>3</sup>						
macOS v13 <sup>3</sup>						
HĐH Chrome	In			Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng

- 
- 1 Bắt buộc phải có kết nối Internet để cài đặt phần mềm nếu đĩa cài đặt không được cung cấp.
  - 2 Cổng USB bên thứ ba không được hỗ trợ.
  - 3 Miễn trừ trách nhiệm với macOS  
Chức năng AirPrint: In qua macOS đòi hỏi phải sử dụng AirPrint. Trình điều khiển của Mac không được cung cấp cho máy này.

Để biết bản cập nhật trình điều khiển mới nhất, hãy truy cập trang **Downloads** cho model của bạn tại địa chỉ [support.brother.com](http://support.brother.com).

Đối với HĐH mới nhất được hỗ trợ, truy cập trang **Supported OS (HĐH được hỗ trợ)** cho model của bạn tại [support.brother.com/os](http://support.brother.com/os).

Tất cả các nhãn hiệu, thương hiệu và tên sản phẩm là tài sản của các công ty tương ứng.



## Thông tin liên quan

- [Phụ lục](#)
-

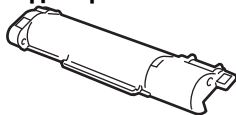
## Vật tư

Khi đến lúc phải thay thế các vật tư, như hộp mực hoặc bộ trống mực, một thông báo lỗi sẽ xuất hiện trên bảng điều khiển của máy hoặc trong Status Monitor. Để biết thêm thông tin về vật tư dành cho máy của bạn, truy cập [www.brother.com/original](http://www.brother.com/original) hoặc liên hệ với đại lý Brother tại địa phương bạn.



Mã sản phẩm vật tư thay đổi tùy theo quốc gia và khu vực.

### Hộp mực

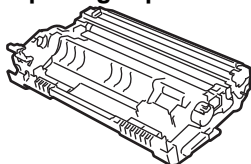


Cung cấp mã sản phẩm	Tuổi thọ ước tính (Hiệu suất giấy)	Model áp dụng
Mực in: (Dành cho Thổ Nhĩ Kỳ) TNB029 (Dành cho các quốc gia Châu Phi và Trung Đông) TNB028 (Dành cho Ấn Độ) TN-B021 (Dành cho Hàn Quốc) TNB026 (Dành cho các quốc gia khác) TNB027	Khoảng 2.600 trang <sup>1 2</sup>	HL-B2100D/HL-B2100DB/ HL-B2150W/HL-B2180DW/ HL-B2180DWB/HL-B2181DW
Mực Inbox: (Được cung cấp kèm theo máy)	Khoảng 2.600 trang <sup>1 2</sup>	HL-B2100D/HL-B2100DB/ HL-B2150W/HL-B2180DW/ HL-B2180DWB/HL-B2181DW

<sup>1</sup> Hiệu suất hộp mực ước tính được tuyên bố theo tiêu chuẩn ISO/IEC 19752.

<sup>2</sup> Trang đơn A4/Letter

### Bộ trống mực



Cung cấp mã sản phẩm	Tuổi thọ ước tính (Hiệu suất giấy)	Model áp dụng
Bộ trống mực: (Dành cho Thổ Nhĩ Kỳ) DRB029 (Dành cho các quốc gia Châu Phi và Trung Đông) DRB028 (Dành cho Ấn Độ) DR-B021 (Dành cho Hàn Quốc) DRB026 (Dành cho các quốc gia khác) DRB027	Khoảng 12.000 trang <sup>1</sup>	HL-B2100D/HL-B2100DB/ HL-B2150W/HL-B2180DW/ HL-B2180DWB/HL-B2181DW

<sup>1</sup> Khoảng 12.000 trang dựa trên một trang mỗi tác vụ (giấy một mặt khổ A4/Letter). Số trang có thể bị ảnh hưởng do nhiều yếu tố bao gồm nhưng không giới hạn loại phương tiện và kích thước phương tiện.



### Thông tin liên quan

- [Phụ lục](#)

## Trợ giúp và hỗ trợ khách hàng của Brother

Nếu bạn cần trợ giúp về cách sử dụng sản phẩm Brother, hãy truy cập [support.brother.com](http://support.brother.com) để biết các câu hỏi thường gặp và gợi ý khắc phục sự cố. Bạn cũng có thể tải xuống phần mềm, trình điều khiển và firmware mới nhất để cải thiện hiệu suất của máy và tài liệu hướng dẫn người dùng để tìm hiểu cách tận dụng tối đa sản phẩm Brother của bạn.

Thông tin hỗ trợ và sản phẩm khác hiện có trên trang web của văn phòng Brother tại địa phương của bạn. Hãy truy cập [www.brother.com](http://www.brother.com) để tìm thông tin liên hệ của văn phòng Brother tại địa phương và để đăng ký sản phẩm mới của bạn.



### Thông tin liên quan

- [Phụ lục](#)



# brother

Các máy này chỉ được phê duyệt để sử dụng tại quốc gia mua hàng. Các công ty hoặc đại lý của Brother tại địa phương chỉ có thể hỗ trợ các máy được mua tại các quốc gia của mình.



VNM  
Phiên bản 0